

## Tiêu chuẩn tạm thời SCS Đối Với Rừng Tự Nhiên và Rừng Trồng

---

*Chứng Nhận Quản Lý Rừng tại Việt Nam  
Được Cấp Bởi Hội Đồng Quản Lý Rừng (FSC)*

## A. GIỚI THIỆU

Tài liệu này có chứa các Tiêu Chuẩn Tạm Thời được sử dụng bởi các Hệ Thống Chứng Nhận Khoa Học phục vụ cho việc tiến hành đánh giá cấp Chứng Chỉ Rừng ở Việt Nam. Phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn này bao gồm cả rừng tự nhiên và rừng trồng.

SCS tra cứu tiêu chuẩn tạm thời đối với các quốc gia đang phát triển (Global South), cũng như các tiêu chuẩn tạm thời hiện có do cơ quan cấp giấy chứng nhận khác ở Việt Nam cung cấp (Công ty TNHH Control Union Việt Nam, Công ty tư vấn GFA, Hiệp hội bảo vệ rừng nhiệt đới, Công ty SGS, và Hiệp hội đất) và dự thảo tiêu chuẩn FSC Việt Nam (Dự thảo 9C) do đội công tác quốc gia chuẩn bị.

## B. SỬ DỤNG TIÊU CHUẨN

Sự phù hợp với tiêu chuẩn chung này được xác định bằng cách đánh giá hiệu suất quan sát tại cấp Đơn Vị Quản Lý Rừng đối với mỗi chỉ mục của tiêu chuẩn, và thông qua so sánh với bất kỳ ngưỡng hiệu suất nào được chỉ định cho các chỉ mục. Các chỉ mục ở đây áp dụng cho tất cả các khu rừng thuộc phạm vi của tiêu chuẩn, bao gồm cả rừng Quản Lý theo Quy Mô Nhỏ và Kém Tập Trung (QLQMN&KTT), trừ một số trường hợp quy định khác. Kích thước mặc định cho rừng QLQMN&KTT là  $\leq 100$  ha. Có những trường hợp ngoại lệ trong các tiêu chuẩn dành cho rừng QLQMN&KTT có cường độ nhỏ và thấp. Tất cả các khu rừng trên 100 ha hoặc không đáp ứng được yêu cầu bắt buộc của một rừng QLN&TT phải được xem như một Công ty quản lý rừng (QLR) theo tiêu chuẩn tạm thời của SCS, trừ khi họ đang ở trong một quốc gia mà yêu cầu dành cho một khu rừng QLQMN&KTT là phải lớn hơn 100 ha. Tham khảo FSC-STD-01-003a để biết các quốc gia yêu cầu một rừng QLQMN&KTT phải lớn hơn 100 ha.

Trong quá trình sử dụng tiêu chuẩn để đánh giá một hoạt động lâm nghiệp nhất định, tiêu chuẩn có thể được tái sắp xếp để cải thiện việc đánh giá tại thực địa hoặc để dễ dàng giải thích cho các bên liên quan. Tuy nhiên điều này cần có sự chấp thuận của Giám đốc bộ phận Chứng nhận Quản Lý Rừng SCS. Tái sắp xếp hoặc sử dụng tiêu chuẩn này sẽ không ảnh hưởng đến các yêu cầu về tính phù hợp và quyết định cấp giấy chứng nhận. Nếu đơn khiếu nại hoặc kháng cáo được đệ trình, tiêu chuẩn hoàn chỉnh sẽ được xem xét một cách dứt khoát. Công tác xác minh, lấy mẫu, ghi chú sẽ cung cấp cho các nhóm đánh giá SCS những Chỉ dẫn tìm kiếm bằng chứng về tính phù hợp hoặc không phù hợp với một chỉ mục nhất định.

**NGUYÊN TẮC #1: ĐẢM BẢO TUÂN THỦ CÁC LUẬT ĐỊNH VÀ CÁC NGUYÊN TẮC FSC**

Chủ rừng phải tuân thủ tất cả các luật hiện hành của Nhà nước và những hiệp định và hiệp ước quốc tế mà Nhà nước đã ký kết đồng thời tuân thủ tất cả các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC

**C1.1. Chủ rừng tuân theo pháp luật hiện hành, các thủ tục hành chính của nhà nước và địa phương**

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa Rõ)
1.1.1. Tất cả các nhân viên, công nhân và người lao động tham gia vào quản lý rừng phải được biết về các tài liệu hợp pháp liên quan đến trách nhiệm và nhiệm vụ của họ.	Xác minh: Phỏng vấn dựa vào thông tin do chính quyền địa phương, các bên liên quan và chủ rừng cung cấp.  Đối với rừng QLQMN&KTT: Công ty QLR nắm được các yêu cầu pháp lý		
1.1.2. Đối với công ty QLR quy mô lớn: duy trì cập nhật danh sách các quy chế thích hợp và cơ quan pháp luật liên quan, công bố rộng rãi danh sách này đến các chủ rừng.	Xác minh: Tham khảo Phụ lục 1,2 chứa các ví dụ về các luật định liên quan		
1.1.3. Công ty QLR phải tuân theo tất cả các luật định quốc gia/địa phương về môi trường, lao động và lâm nghiệp (các luật hiện hành áp dụng đối với công ty QLR).	Đối với rừng QLQMN&KTT: Quan sát thực địa và các tài liệu có sẵn để xác nhận pháp luật được tuân thủ trong khu vực đánh giá.  Xác minh:		
1.1.4. Công ty QLR phải chứng minh việc tuân thủ Luật Công Đoàn và các Nghị Định Chỉ dẫn thi hành Thỏa Thuận Lao Động chung nếu được	Xác minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tổng kết quá trình tuân thủ luật định của công ty QLR</li> <li>▪ Ghi chép về các cuộc thanh tra của Chính Phủ</li> </ul>		

1.1.5. Các trường hợp vi phạm pháp luật cần được ghi nhận lại.			
1.1.6. Cần thi hành các biện pháp khắc phục các trường hợp vi phạm pháp luật phát hiện được.			
<b>C1.2. Nộp đầy đủ các khoản phí, thuế, tiền thuê đất và các khoản phải nộp hợp pháp khác.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
1.2.1. Công ty QLR phải chứng minh được thuế, hoa hồng và các khoản phí khác được thanh toán đúng thời hạn.	Xác minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hóa đơn, thống kê thuế, biên lai</li> <li>▪ Phỏng vấn dựa vào thông tin do chính quyền địa phương và các bên liên quan cung cấp</li> <li>▪ Các ghi chép tài chính nội bộ</li> </ul>		
1.2.2. Công ty QLR phải cập nhật tất cả các khoản đã nộp và chuyển giao các thống kê này đến đội kiểm toán SCS.	Xác minh: Như trên.		
1.2.3. Nếu có sai lệch xuất hiện trong quá trình thanh toán hoặc kiểm toán, công ty QLR phải duy trì ghi chép lại những sai lệch này.	Xác minh: Như trên.		
1.2.4 Trong trường hợp thanh toán hoặc kế toán sai lệch, các công ty QLR phải duy trì hồ sơ của sự khác biệt, công ty QLR phải cho thấy nỗ lực tìm kiếm giải pháp xử lý thích hợp.	Xác minh: Phỏng vấn dựa trên thông tin do chính quyền địa phương, và các bên liên quan cung cấp		

<b>C1.3. Chủ rừng tuân thủ tất cả những điều khoản của các thoả thuận quốc tế mà nhà nước đã ký kết như Công ước về buôn bán các loài quý hiếm (CITES), Công ước về lao động (ILO), Thoả thuận quốc tế về thương mại gỗ nhiệt đới (ITTA), và Công ước về đa dạng sinh học.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
1.3.1. Công ty QLR phải tuân thủ những mục tiêu được đề cập trong những thoả thuận quốc tế mà nhà nước đã thông qua. (xem phụ lục 2).	Lưu ý: Công ước quốc tế khả dụng cũng đượcbao hàm trong luật pháp quốc gia cũng như các phần khác của tiêu chuẩn.		
1.3.2. Chủ rừng trực thuộc công ty QLR và kỹ thuật viên sẽ được tiếp cận và tìm hiểu các thoả thuận quốc tế khả dụng và cách thức thực thi các thoả thuận này.	Xác minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Công ty QLR phải có danh sách hoặc bản tóm lược những thoả thuận quốc tế áp dụng được.</li> <li>▪ Danh sách hoặc bản tóm lược kể trên phải được công bố rộng rãi tại văn phòng hoặc khu vực thực địa.</li> <li>▪ Phỏng vấn chủ rừng và các bên liên quan</li> </ul>		
<b>C1.4. Những mâu thuẫn giữa luật pháp, quy chế, Chỉ dẫn v.v và các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC sẽ được các tổ chức cấp chứng chỉ và các bên liên quan hoặc bị tác động xem xét cho từng trường hợp vì mục đích chứng chỉ.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
1.4.1. Công ty QLR cần nhận dạng và ghi chép các điểm mâu thuẫn giữa luật nhà nước/địa phương và tiêu chuẩn hiện hành.			

<p>1.4.2. Bất cứ mâu thuẫn nào xác định được ở chỉ mục 1.4.1 sẽ được giải quyết thông qua bàn bạc giữa cơ quan pháp luật phù hợp, Văn phòng FSC quốc gia (nếu có), SCS, và công ty QLRs (bắt buộc)</p>	<p>Lưu ý: Việc bàn bạc có thể không xảy ra giữa tất cả các bên, nhưng kết cấu và mục tiêu của cuộc bàn bạc có thể được sử dụng để chứng minh tính phù hợp của chỉ mục này.</p>		
<p><b>C1.5. Diện tích rừng được bảo vệ tốt chống khai thác không hợp pháp, lấn chiếm và những hoạt động trái phép khác.</b></p>			
<p>1.5.1. Đối với những Công ty lớn, cần có một hệ thống hiện hành về dẫn chứng bằng tài liệu và lập báo cáo về các trường hợp thi hành thích hợp đối với các trường hợp khai thác không hợp pháp, lấn chiếm hoặc các hoạt động trái phép khác..</p> <p>Đối với rừng QLQMN&amp;KTT: Chủ quản rừng QLQMN&amp;KTT phải đảm bảo rằng Đơn vị Quản lý Rừng được theo dõi định kỳ để phát hiện, ngăn chặn và giải quyết khai thác trái phép, và các hoạt động trái phép khác.</p>	<p>Xác minh cho chỉ mục C1.5: Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên trong ba năm qua phải cho thấy không có trường hợp vi phạm nghiêm trọng, như khai thác gỗ, thu hoạch, vận chuyển lâm sản ngoài gỗ trái phép, săn bắn trái phép động vật hoang dã và các tranh chấp về đất đai. (Dự Thảo 9C).</p> <p>Lưu ý áp dụng: Diện tích rừng áp dụng chỉ mục trên ở các công ty QLR quy mô lớn áp dụng cho các Đơn vị QLR là &gt; 100 ha. Diện tích áp dụng chỉ mục trên ở các rừng QLQMN&amp;KTT áp dụng cho các Đơn vị QLR là ≤ 100 ha. Theo diện tích, rừng QLQMN&amp;KTT quy mô &gt; 100 ha có thể phải tuân theo phần lớn chỉ mục áp dụng cho công ty QLR quy mô lớn.</p>		

1.5.2. Các biện pháp phòng ngừa được thực hiện để giảm nạn săn trộm và khai thác gỗ bất hợp pháp.			
1.5.3. Công ty QLR phải áp dụng mọi biện pháp hợp lý theo quy định của pháp luật để ngăn chặn việc sử dụng bất hợp pháp và không hợp lý diện tích rừng hoặc các nguồn tài nguyên tự nhiên của nó.	Lưu ý: Các hành vi săn bắn, bẫy, thu thập và định cư có thể là những hành vi bất hợp pháp trong một số trường hợp nhất định.		
1.5.4. Thu hoạch, định cư bất hợp pháp và việc sử dụng rừng trái phép khác phải được báo cáo cho các cơ quan có trách nhiệm.	Lưu ý: Chính quyền ở đây bao gồm công an, các cơ quan lâm nghiệp trong khu vực, cơ quan an ninh sinh học...		
<b>C1.6. Chủ rừng cam kết thực hiện lâu dài các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
1.6.1. Công ty QLR phải có sẵn có một chính sách hoặc văn bản công bố công khai cam kết tán thành tiêu chuẩn chứng chỉ rừng của FSC cho khu rừng đang đánh giá.	Xác minh: Trang web công ty QLR, bản tóm tắt kế hoạch quản lý rừng được công bố rộng rãi		

<p>1.6.2. Cty QLR không thực hiện các hoạt động mâu thuẫn rõ ràng với các nguyên tắc và tiêu chí của FSC trên các diện tích rừng ngoài diện tích rừng đang đánh giá.</p>	<p>Xác minh:          Công ty QLR tuân theo <i>Chính sách đối với các đơn vị có liên quan đến các tổ chức có chứng nhận FSC (FSC-POL-01-004)</i> áp dụng cho các Đơn vị QLR không được chứng nhận.</p> <p>Các khái niệm định nghĩa trong FSC-POL-01-004:</p> <p><b>Can thiệp trực tiếp:</b>          Các tình huống trong đó các tổ chức, cá nhân liên quan là trực tiếp chịu trách nhiệm về các hoạt động sai phạm</p> <p><b>Can thiệp gián tiếp:</b>          Tình huống trong đó các tổ chức, cá nhân liên quan, với quyền sở hữu hoặc quyền biểu quyết tối thiểu là 51%, được tham gia như là một công ty mẹ/chị em, công ty con, cổ đông hoặc Hội đồng quản trị một tổ chức trực tiếp tham gia vào các hoạt động sai phạm. Sự can thiệp gián tiếp cũng bao gồm các hoạt động được thực hiện bởi các nhà thầu phụ khi đại diện cho các tổ chức, cá nhân liên quan.</p>		
--	--	--	--

<p>1.6.3. Công ty QLR thông báo tất cả các diện tích rừng mà trong đó công ty có mức độ trách nhiệm quản lý nhất định để chứng minh sự tuân thủ các chính sách hiện tại của FSC về chứng chỉ từng phần và cắt xén những diện tích khỏi phạm vi cấp chứng chỉ</p>	<p>Xác minh: Công ty QLR tuân theo <i>Chính sách Chứng nhận quyền sở hữu của chủ sở hữu lớn (FSC-POL-20-002)</i> áp dụng với các Đơn vị QLR được chứng nhận và không được chứng nhận.</p> <p>Xem các định nghĩa tại 1.6.2.</p>		
<p>1.6.4. Nhân viên Công ty QLR và các nhà thầu phải được thông báo về các yêu cầu của FSC và Công ty QLR sẽ kiểm soát việc tuân thủ các yêu cầu này.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hợp đồng được soạn bằng ngôn ngữ trong sáng, thích hợp, yêu cầu nhà thầu tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc và tiêu chí FSC.</li> <li>▪ Phỏng vấn nhân viên công ty QLR và các bên liên quan cho thấy nhân viên hiểu rõ quá trình tuân thủ các nguyên tắc và tiêu chí FSC trong công việc hằng ngày.</li> <li>▪ Bản sao của FSC P &amp; C hoặc tiêu chuẩn này phải được phát cho nhân viên và các nhà thầu.</li> </ul>		

## NGUYÊN TẮC #2: QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN SỬ DỤNG VÀ TRÁCH NHIỆM

Quyền sở hữu và sử dụng lâu dài đất và tài nguyên rừng được xác lập rõ ràng, tài liệu hóa và hợp pháp hóa.

**C2.1 Có bằng chứng rõ ràng về quyền sử dụng lâu dài đối với đất (như tên thửa đất, những quyền theo phong tục, hoặc các hợp đồng thuê đất) (e.g. quyền sở hữu đất, quyền theo phong tục hoặc hợp đồng thuê đất).**

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>2.1.1. Công ty QLR phải có các văn bản pháp lý chứng minh quyền lợi hợp pháp của chủ sở hữu hoặc quyền quản lý dài hạn các Đơn vị QLR.</p>	<p>Xác minh:  Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất (Sổ Đỏ, Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất - GCNQSDD) do các cơ quan có thẩm quyền cấp.  Trong trường hợp GCNQSDD chưa được cấp, có thể sử dụng một trong những tài liệu pháp lý dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quyết Định Về Việc Giao Rừng Và Đất Lâm Nghiệp,</li> <li>▪ Hợp Đồng Thuê Rừng và Đất Rừng hợp pháp,</li> <li>▪ Hợp Đồng Đất Rừng hợp pháp (Dự thảo 9C).</li> </ul> <p>Quyền sử dụng hợp pháp có thể gắn với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bản sao công chứng quyền sử dụng đất của các Đơn vị QLR;</li> <li>▪ Quyền sở hữu hoàn toàn;</li> <li>▪ Quyền thuê dài hạn hoặc tái gia hạn (ít nhất là một chu kỳ);</li> <li>▪ Thỏa thuận quản lý độc quyền dài hạn hoặc tái gia hạn (ít nhất là một chu kỳ);</li> <li>▪ Các cơ chế khác về phân bổ quyền và trách nhiệm quản lý lâu dài hoặc tái gia hạn cho người quản lý rừng.</li> </ul>		
---	--	--	--

<p>2.1.2. Ranh giới sổ đỏ về diện tích đất rừng được giao hoặc chứng nhận được hiển thị rõ ràng trên bản đồ với quy mô đầy đủ và dễ đối chiếu trong thực địa nhờ các tín hiệu cố định đã được công nhận bằng văn bản của địa phương chính quyền và các chủ rừng liền kề như dấu mốc ranh giới, bảng, cột mốc tự nhiên hay nhân tạo (Dự thảo 9C).</p>			
<p><b>C2.2. Các cộng đồng địa phương có quyền sở hữu hoặc sử dụng đất hợp pháp hoặc theo phong tục phải duy trì việc quản lý các hoạt động lâm nghiệp ở mức độ cần thiết để bảo vệ các quyền lợi hoặc tài nguyên của mình, trừ khi họ ủy quyền cho những tổ chức khác một cách tự nguyện.</b></p>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
<p>2.2.1. Công ty QLR xác định và dẫn chứng bằng tài liệu về tính pháp lý hoặc quyền sở hữu/sử dụng đất rừng đối với các Đơn vị QLR để cộng đồng địa phương và/hoặc các bên liên quan nắm rõ.</p>	<p>Các ví dụ về quyền sở hữu/sử dụng có thể bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đất lưu không;</li> <li>▪ Quyền địa dịch đã được thành lập;</li> <li>▪ Khai thác các lâm sản ngoài gỗ;</li> <li>▪ Đi bộ đường dài, câu cá, săn bắn, hoặc các hoạt động vui chơi giải trí khác;</li> <li>▪ Thu nhặt củ đốt;</li> <li>▪ Viếng thăm các địa danh văn hóa quan trọng, chẳng hạn như đền thờ tôn giáo.</li> </ul>		

<p>2.2.2. Tất cả quyền theo phong tục và quyền sử dụng chính đáng được pháp luật công nhận đối với Đơn vị QLR của tất cả các cộng đồng địa phương và/hoặc các bên liên quan khác phải được tôn trọng và thực hiện trong kế hoạch quản lý rừng, phù hợp với pháp luật quốc gia hoặc thỏa thuận thành lập với cộng đồng / các bên liên quan.</p>	<p>Lưu ý: Công ty QLR cần cung cấp biện pháp kiểm soát cần thiết trong hoạt động lâm nghiệp trong phạm vi cộng đồng địa phương để bảo vệ các quyền chính đáng của họ đối với Đơn vị quản lý rừng.</p>		
<p>2.2.3. Đối với các công ty QLR lớn: Khu vực áp dụng các quyền đề cập trong chỉ mục 2.2.1 được thể hiện bản đồ của đơn vị QLR.</p>	<p>Xác minh: bản đồ của các Đơn vị QLR</p>		
<p>2.2.4. Việc cộng đồng giao phó quyền kiểm soát các quyền hợp pháp của họ hoặc quyền sử dụng thông thường /toàn bộ/một phần cần được xác nhận bởi các tài liệu thỏa thuận và các cuộc phỏng vấn với đại diện cộng đồng địa phương, với bằng chứng về sự đồng ý tự nguyện và minh bạch.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thỏa thuận bằng văn bản</li> <li>▪ Phỏng vấn các bên liên quan</li> </ul>		
<p><b>C2.3. Áp dụng các cơ chế thích hợp để giải quyết những mâu thuẫn về quyền sở hữu và sử dụng. Mọi tình huống nảy sinh và các mâu thuẫn chưa được giải quyết sẽ được xem xét cẩn thận trong quá trình đánh giá để cấp chứng chỉ. Những mâu thuẫn lớn liên quan đến lợi ích của nhiều người thông thường được xem là không đạt yêu cầu cấp chứng chỉ.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>2.3.1. Công ty QLR phải có cơ chế giải quyết nhất quán tranh chấp về quyền sở hữu và sử dụng đất rừng liên quan đến các bên tranh cãi trong suốt cả quá trình.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các biên bản, thỏa thuận hoặc các tài liệu liên quan, có đề cập chi tiết các tranh chấp về quyền sở hữu và sử dụng trong quá khứ.</li> <li>▪ Sử dụng tài liệu để giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu và sử dụng đất rừng.</li> </ul> <p>Lưu ý: Các cơ chế giải quyết được chấp nhận ở đây có thể là các phiên tòa độc lập và đề xuất hòa giải của bên thứ ba.</p>		
---	---	--	--

<p>2.3.2 Công ty quản lý rừng không được can thiệp vào những tranh chấp nghiêm trọng chưa được giải quyết về quyền sở hữu và sử dụng đất rừng áp dụng cho Đơn vị QLR, liên quan mật thiết đến các gói quyền lợi của các bên.</p>	<p>Lưu ý: Một cuộc tranh chấp nghiêm trọng là một vụ tranh chấp khiến công ty QLR không bảo vệ được các quyền hợp pháp đối với các tài nguyên rừng trên đơn vị QLR của mình hoặc gây khó khăn cho công ty trong việc tuân thủ quyền hợp pháp của các đối tác khác trên đơn vị QLR của họ, dẫn đến những tác hại tiềm tàng, không thể thay đổi, không thể giảm nhẹ, liên quan trực tiếp đến việc đáp ứng các tiêu chuẩn và chính sách FSC.</p> <p>Tính hệ trọng của một cuộc tranh chấp có thể được đánh giá bằng cách xem xét quy mô tranh chấp ngoài thực địa cùng với ý kiến của đa số đại diện cộng đồng và/hoặc khoảng thời gian đã trôi qua kể từ khi tranh chấp đã được đưa ra.</p> <p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Phỏng vấn với chủ rừng và bàn bạc với đại diện của cộng đồng địa phương.</li> <li>■ Ghi chép hoàn chỉnh về lịch sử các cuộc tranh chấp trước đây.</li> </ul>		
--	--	--	--

<p>2.3.3. Mọi nỗ lực hợp lý sẽ được thực hiện để giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng thông qua tham vấn nhằm tìm ra hướng giải quyết, một thỏa thuận hoặc sự đồng ý.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ghi chép hoàn chỉnh về lịch sử các cuộc tranh chấp trước đây.</li> <li>▪ Hồ sơ về các vụ kiện pháp lý.</li> <li>▪ Phỏng vấn với các bên liên quan để xác định các tranh chấp đã được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết.</li> </ul>		
---	--	--	--

<b>NGUYÊN TẮC #3: QUYỀN CỦA NGƯỜI DÂN BẢN ĐỊA</b>			
<b>Quyền hợp pháp và theo phong tục của người dân bản địa về sở hữu, sử dụng và quản lý đất đai, lãnh thổ và các nguồn lực của họ phải được thừa nhận và tôn trọng.</b>			
<b>C3.1. Người dân bản địa sẽ thực hiện quản lý rừng trên những diện tích đất và lãnh thổ của họ trừ khi họ tự nguyện uỷ quyền cho những tổ chức khác.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
<p>3.1.1. Các công ty QLR phải xác định tất cả người dân bản địa nào đã được công nhận quyền theo pháp luật hoặc theo phong tục đối với đơn vị quản lý rừng và / hoặc các nguồn tài nguyên của nó và dẫn chứng bằng tài liệu danh sách này trong các bản kế hoạch quản lý rừng và bản đồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tài liệu về quyền hạn của người dân bản địa đối với Đơn vị QLR</li> <li>▪ Phỏng vấn các nhóm dân bản địa, các đại diện của họ và các cơ quan chính quyền liên quan.</li> </ul>		

<p>3.1.2. Nếu các đơn vị QLR bao gồm khu vực hoặc vùng lãnh thổ hợp lệ, được sở hữu hoặc kiểm soát bởi người dân bản địa, việc quản lý của các khu vực này sẽ: (i) đặt dưới sự kiểm soát của người dân bản địa hoặc (ii) ủy thác cho một (các) bên thứ ba dưới sự tán thành tự nguyện, nghiêm túc và minh bạch của người dân bản địa trong các thỏa thuận hoặc hợp đồng thành lập hợp pháp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các thỏa thuận bằng tài liệu với người dân bản địa, như các hiệp ước chẳng hạn.</li> <li>▪ Phỏng vấn người dân bản địa và/hoặc người đại diện của họ.</li> </ul>		
<p>3.1.3. Phương thức thích hợp sẽ được sử dụng để các bên thảo luận và giải quyết các tranh chấp về quyền lợi theo pháp luật hoặc theo phong tục của người dân bản địa trong các đơn vị QLR.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các ghi chép và các tài liệu liên quan khác vẫn còn được lưu trữ đề cập đến các tranh chấp về quyền sở hữu và sử dụng đất rừng trong quá khứ.</li> <li>▪ Tài liệu về các thỏa thuận và cơ chế giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu và sử dụng đất rừng.</li> </ul>		
<p>3.1.4. Các hiệp ước, hợp đồng và khác thỏa thuận khác với người bản địa về quyền sở hữu và sử dụng đất rừng còn hiệu lực cần được nghiêm chỉnh tuân theo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phỏng vấn người dân bản địa và/hoặc người đại diện của họ.</li> <li>▪ Các bằng chứng về sự tuân thủ thỏa thuận thu thập tại thực địa qua các cuộc phỏng vấn với người dân bản địa và các bên liên quan khác hoặc/và qua các bằng chứng bằng tài liệu.</li> </ul>		
<p><b>C3.2. Công tác quản lý rừng phải không tác động xấu hoặc làm giảm, trực tiếp hoặc gián tiếp, đến quyền sử dụng đất và sở hữu tài nguyên của người dân sở tại.</b></p>			

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
3.2.1. Các công ty QLR phải xác định và ghi lại tất cả các ảnh hưởng của hoạt động quản lý quyền và nguồn lực của cộng đồng bản địa.	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tài liệu liên quan Tài nguyên và các quyền được xác định trên thực địa</li> </ul>		
3.2.2. Trong trường hợp thích hợp, dân bản địa cũng nhận được một số cơ hội như tham gia vào việc lập kế hoạch quản lý, nghiên cứu, và giám sát các khu vực rừng liên quan đến quyền và tài nguyên của họ.	Phỏng vấn với người dân bản địa và/hoặc đại diện của họ.		
3.2.3. Các công ty QLR sẽ trưng cầu ý kiến và quan điểm của người dân bản địa, những người có khả năng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý, thông qua các cách thức lấy ý kiến hiệu quả. Kết quả tham vấn này sẽ được ghi lại, bao gồm tất cả các hành động để giải quyết các mối quan tâm của người dân bản địa.	Các ghi chép về việc trao đổi thông tin qua lại giữa các bên cần được duy trì cập nhật và công bố đến kiểm toán viên.		
<b>C3.3. Những nơi có ý nghĩa đặc biệt về văn hoá, sinh thái, kinh tế, hoặc tôn giáo đối với dân sở tại sẽ được xác định rõ ràng với sự hợp tác của họ, và được công nhận và bảo vệ bởi những người quản lý rừng.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>3.3.1. Các công ty QLR, với sự tham gia của cộng đồng địa phương sẽ xác định các trang web có ý nghĩa văn hóa, khảo cổ học, sinh thái, kinh tế, tôn giáo đặc trưng.</p>	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nơi diễn ra các nghi lễ, nghĩa địa;</li> <li>▪ Các khu/địa điểm săn bắt, đánh cá, bẫy hoặc hái lượm;</li> <li>▪ Khu vực được sử dụng để thu thập các tài liệu văn hóa quan trọng.</li> </ul>		
<p>3.3.2. Các kế hoạch quản lý rừng phải đề cập các chính sách bảo vệ các trang web quan trọng của người dân bản địa trong mục 3.3.1. Các trang đó sẽ được thể hiện trong bản đồ hoạt động hoặc trong thực địa một cách phù hợp.</p>	<p>Lưu ý áp dụng: Tính bảo mật của các khu vực này có thể được pháp luật nhà nước và địa phương bảo vệ.</p>		
<p>3.3.3. Công nhân làm việc tại thực địa được đào tạo bài bản để bảo vệ các trang web quan trọng của người dân bản địa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phỏng vấn với toàn thể cán bộ công nhân viên tại thực địa</li> <li>▪ Bảng chứng về các khóa huấn luyện</li> </ul>		
<p>3.3.4. Việc phát hiện ra các trang web mới mang lợi ích khảo cổ học tiềm năng sẽ được thông báo cho các cơ quan có liên quan và bất kỳ giới hạn truy cập nào do nhà chức trách quy định cần được nghiêm chỉnh cấp hành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phỏng vấn với nhà chức trách có liên quan</li> <li>▪ Bảng chứng về các biện pháp bảo hộ được tiến hành tại thực địa.</li> </ul>		
<p><b>C3.4 Người dân sở tại được chi trả nếu những kiến thức truyền thống của họ được ứng dụng trong việc sử dụng các loài cây rừng hoặc các hệ thống quản lý rừng. Sự chi trả này phải được dân sở tại tự nguyện nhất trí chính thức trước khi những hoạt động lâm nghiệp bắt đầu.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>3.4.1. Người dân bản địa sẽ được thông báo rõ ràng về mục đích và tính chất của việc sử dụng tri thức truyền thống và / hoặc tài sản trí tuệ của họ phục vụ cho công ty QLR. Các công ty QLR sẽ không sử dụng kiến thức truyền thống và tài sản trí tuệ của người dân bản địa cho đến khi họ đồng ý làm như vậy với sự tự nguyện, nghiêm túc và minh bạch.</p>	<p>Phỏng vấn với người dân bản địa và đại diện của họ.</p> <p>LƯU Ý: Một số kiến thức và tài sản trí tuệ của người bản địa có thể thuộc quyền sở hữu chung của cộng đồng, không thuộc đối tượng yêu cầu của chỉ mục C3.4.</p>		
<p>3.4.2. Trong trường hợp kiến thức truyền thống hoặc tài sản trí tuệ được sử dụng vì lợi ích kinh tế của công ty QLR (hoặc bất kỳ tổ chức nào khác có thỏa thuận với công ty QLR), việc bồi thường cần được thỏa thuận trước.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xem xét kỹ các điều khoản của thỏa thuận</li> <li>▪ Phỏng vấn các bên liên quan</li> </ul>		
<p>3.4.3 Hóa đơn tài chính của các khoản thanh toán / bồi thường sẽ được cung cấp và lưu lại giữa các bên liên quan (Dự thảo 9C).</p>	<p>Xem xét kỹ các biên lai tài chính</p>		

#### NGUYÊN TẮC #4: QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI CÔNG NHÂN

Những hoạt động quản lý rừng có tác dụng duy trì hoặc tăng cường phúc lợi kinh tế xã hội lâu dài của công nhân lâm nghiệp và các cộng đồng địa phương.

##### **C4.1. Những cộng đồng sinh sống ở trong hoặc gần diện tích rừng quản lý được tạo cơ hội về việc làm, đào tạo, và những dịch vụ khác.**

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>4.1.1. Người có trình độ trong cộng đồng địa phương có cơ hội bình đẳng hoặc ưu đãi trong các cơ hội việc làm và ký kết hợp đồng.</p>	<p>Ví dụ: Các cơ hội việc làm và ký kết hợp đồng được triển khai trong địa phương trước khi mở rộng ra bên ngoài.</p>		
<p>4.1.2. Các công ty QLR góp phần hoặc trực tiếp phát triển các chương trình đào tạo được thiết kế để tăng cường khả năng và trình độ của người lao động địa phương, đáp ứng yêu cầu nhân sự dài hạn của công ty.</p>	<p>Chỉ dẫn cho các khu vực rừng QLQMN&amp;KTT: Chủ rừng QLQMN&amp;KTT cập nhật các vấn đề quản lý rừng trong khu vực. Các nhà quản lý và người lao động tại rừng QLQMN&amp;KTT cần được đào tạo để thu hẹp khoảng cách trong khả năng và trình độ.</p>		
<p>4.1.3. Các công ty QLR ưu tiên cho phép các nhà cung cấp các thiết bị và dịch vụ tổng hợp tại địa phương, tùy thuộc vào chi phí và cân nhắc các lợi ích.</p>	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gỗ được cung cấp cho chế biến ở địa phương trước khi bán ra khu vực khác;</li> <li>▪ Sử dụng các ngân hàng địa phương, các công ty bảo hiểm địa phương, vv...</li> </ul>		
<p>4.1.4. Công ty QLR thực hiện chính sách và thủ tục để trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm trở thành cơ sở cho việc tuyển dụng, phân bổ vị trí, đào tạo và đánh giá tiến bộ của nhân viên ở mọi cấp độ.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thủ tục và chính sách việc làm</li> <li>▪ Phỏng vấn nhân viên các tổ chức lao động</li> </ul> <p>Chỉ dẫn: Không có bằng chứng phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, dân tộc, văn hóa, giới tính, tuổi tác, tôn giáo, quan điểm chính trị, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội.</p>		

<p>4.1.5. Các công ty QLR phải đảm bảo rằng nhân viên và nhà thầu được trả một mức lương công bằng và lợi ích khác một cách phù hợp, đáp ứng đủ hoặc hơn tất cả các yêu cầu pháp lý và những yêu cầu trong các ngành nghề tương đương trong khu vực.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các ghi chép về việc trả công đối chiếu với dữ liệu từ các cuộc điều tra dân số, khảo sát tiền lương...</li> <li>▪ Phỏng vấn chủ rừng, công nhân, nhà thầu và đại diện người lao động/các bên liên quan.</li> </ul> <p>Lưu ý: các lợi ích có thể bao gồm bảo hiểm xã hội, tiền trợ cấp, chỗ ở, thức ăn, etc.</p>		
<p><b>C4.2. Chủ rừng phải đạt được hoặc vượt những tiêu chuẩn hiện hành của luật pháp về bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho công nhân và gia đình họ.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>4.2.1. Nhân viên, kể cả nhà thầu, sẽ biết và chịu trách nhiệm thực hành an toàn lao động.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phỏng vấn công nhân và nhà thầu</li> <li>▪ Các chỉ dẫn/quy định được công bố rộng rãi.</li> </ul>		

<p>4.2.2. Công ty QLR phải duy trì văn bản hướng dẫn và chính sách quy định sức khỏe và an toàn lao động theo đúng yêu cầu tối thiểu của nhà nước.</p> <p>Đối với các công ty QLR lớn, ít nhất các chủ đề sau đây phải được giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE);</li> <li>▪ Kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế PPE;</li> <li>▪ Sức khỏe và an toàn lao động;</li> <li>▪ Tai nạn và phòng chống thương tích;</li> <li>▪ Quy trình cấp cứu do tai nạn, hỏa hoạn, dầu/hóa chất tràn, và cây đổ hạ;</li> <li>▪ Sơ cấp cứu</li> </ul>	<p>Lưu ý: Các cẩm nang, chỉ dẫn, và các chính sách do các cơ quan chính phủ, các ban ngành y tế, các tổ chức phi chính phủ, Tổ chức lao động quốc tế (ILO), và các tổ chức khác đóng vai trò như văn bản hướng dẫn, chỉ cần công ty QLR xác định được chủ đề cần làm rõ và các vấn đề liên quan đến sức khỏe, an toàn trong công việc.</p>		
<p>4.2.3. Người lao động sẽ được cung cấp thiết bị an toàn có liên quan đến công việc họ đang làm, phù hợp với luật của ILO về an toàn và sức khỏe trong lâm nghiệp và / hoặc các quy định quốc gia về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</p>	<p>Xác minh: Quan sát sử dụng PPE và thiết bị an toàn khác trong thực tế.</p> <p>Lưu ý: Các thiết bị an toàn và y tế không chỉ giới hạn trong những thứ được nêu trong mục 4.2.3 và có thể tùy thuộc vào nhiệm vụ chính. Ví dụ, các trạm tiếp nhiên liệu trên trang web và cơ sở bảo dưỡng có thể có những yêu cầu khác nhau về PPE, chẳng hạn như mặt nạ phòng độc và trang phục chống vật liệu nguy hiểm.</p>		

<p>4.2.4. Các phương tiện, dụng cụ, thiết bị thu hoạch của công ty QLR và các nhà thầu, bao gồm cả các thiết bị an toàn phải phù hợp với công việc lâm nghiệp.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Máy móc rừng được trang bị với các thanh thoát hiểm và / hoặc các thiết bị an toàn khác.</li> <li>■ Cửa xích có phanh chuỗi và / hoặc các thiết bị an toàn khác.</li> </ul>		
<p>4.2.5. Công ty QLR sẽ tiến hành kiểm tra thường xuyên để đảm bảo rằng tất cả các quy trình, thiết bị an toàn và hiệu suất được giám sát và kiểm tra định kỳ tại thực địa.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Biên bản thanh tra</li> <li>■ Kiểm tra các trang thiết bị tại thực địa</li> <li>■ Phỏng vấn công nhân</li> </ul>		
<p>4.2.6. Đối với các công ty QLR lớn: công ty phải duy trì một sổ đăng ký tai nạn (bao gồm tai nạn của các nhà thầu làm việc trên các đơn vị QLR) và các biện pháp để giảm thiểu nguy cơ tai nạn trong tương lai.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Ghi chép về tai nạn/sự cố</li> <li>■ Thủ tục và chính sách được cập nhật</li> <li>■ Hồ sơ các khóa huấn luyện</li> <li>■ Phỏng vấn với công nhân và nhà thầu</li> </ul>		
<p>4.2.7. Nơi ăn nghỉ công nhân và dinh dưỡng tối thiểu tại các đơn vị QLR phải phù hợp với thực hành về an toàn và sức khỏe trong lâm nghiệp của ILO.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Phỏng vấn chủ rừng và công nhân</li> <li>■ Kiểm tra trang thiết bị</li> </ul>		
<p>4.2.8. Quyền lợi bồi thường được bảo đảm cho người lao động bị ảnh hưởng và các thành viên gia đình họ trong trường hợp tai nạn</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Tài liệu về cách thức bồi thường</li> <li>■ Bằng chứng về chính sách bảo hiểm, bồi thường, phạm vi áp dụng</li> <li>■ Hồ sơ thanh toán lưu trữ</li> </ul>		

4.2.9. Không một nhân viên, nhà thầu hoặc các thành viên nào trong gia đình của họ được phép tham gia vào nợ nần lệ thuộc hoặc các hình thức lao động cưỡng bức khác.	Xác minh: Phỏng vấn chủ rừng, công nhân, các hộ gia đình tại trại đồn gỗ, đại diện người lao động.		
4.2.10. Không tuyển dụng người dưới 15 tuổi làm việc tại rừng.	Lưu ý: Pháp luật nhà nước có thể quy định độ tuổi lao động tối thiểu cao hơn. Hiệp ước 138 của ILO quy định độ tuổi lao động tối thiểu tại Việt Nam là 15.		
4.2.11. Không sử dụng lao động dưới 18 trong các công việc có rủi ro nghề nghiệp và sức khỏe cao.	Chỉ dẫn: Không được tuyển dụng người dưới 18 tuổi làm những công việc nguy hiểm như sử dụng thuốc trừ sâu, thu hoạch gỗ và sản phẩm lâm nghiệp, các công việc nặng nhọc, và làm ca đêm; trừ khi có quy định đặc biệt về an toàn hoặc các nghi thức truyền thống cộng đồng tồn tại được luật pháp quốc gia / địa phương ủng hộ hoặc do thực tế phổ biến.		
4.2.12. Các mục trong tiêu chí 4.2 cũng được áp dụng cho các thành viên gia đình của người lao động trong trường hợp họ có mặt tại địa điểm làm việc và các trại khai thác gỗ.			
<b>C4.3. Công nhân được đảm bảo quyền đề đạt ý kiến và thương thảo tự nguyện với người sử dụng lao động như đã ghi trong Công ước 87 và 98 của Tổ Chức Lao Động Quốc Tế (ILO).</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>4.3.1. Tất cả các nhân viên phải có thể tổ chức và / hoặc tham gia một tổ chức công đoàn tùy ý mà không sợ bị đe dọa hoặc bị trả thù. Điều này ít nhất phải được thực hiện phù hợp với Công ước ILO Số 87.</p>	<p>Xác minh: Phỏng vấn chủ rừng, công nhân và đại diện người lao động.</p> <p>Lưu ý áp dụng: Công ước ILO 98 áp dụng đối với doanh nghiệp tư nhân. Cơ quan chính phủ có thể được luật pháp quốc gia hoặc khu vực bảo vệ.</p> <p>Việt Nam vẫn chưa phê chuẩn mục C87 và C98.</p>	<p>Việt Nam chưa phê chuẩn mục C87 và C98. Theo mục C1.1, chiếu theo quy định của Luật Công đoàn và Nghị định Hướng dẫn thực hiện thỏa ước lao động tập thể.</p>	<p>Chưa rõ</p>
<p>4.3.2. Thương lượng tập thể với đại diện tổ chức công đoàn được thực hiện trong sự tin tưởng và những nỗ lực tốt nhất để đạt đến thỏa thuận. Điều này ít nhất phải được thực hiện phù hợp với Công ước ILO Số 87.</p>	<p>Theo mục C1.1, chiếu theo quy định của Luật Công đoàn và Nghị định Hướng dẫn thực hiện thỏa ước lao động tập thể.</p>	<p>Việt Nam chưa phê chuẩn mục C87 và C98. Theo mục C1.1, chiếu theo quy định của Luật Công đoàn và Nghị định Hướng dẫn thực hiện thỏa ước lao động tập thể.</p>	<p>Chưa rõ</p>
<p>4.3.3. Các công ty QLR phải có biện pháp: a) điều tra một cách khách quan và minh bạch các vấn đề và sự khác biệt do người lao động và / hoặc các tổ chức của họ đưa ra, và b) giải quyết xung đột.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phỏng vấn chủ rừng, công nhân và đại diện người lao động.</li> <li>▪ Các kế hoạch quản lý</li> <li>▪ Quy trình điều hành chuẩn (SOP)</li> </ul> <p>Lưu ý: Cần nêu rõ các điều luật hoặc quy định nhà nước có liên quan đến chỉ mục này.</p>		
<p><b>C4.4. Việc lập và thực hiện kế hoạch quản lý phải bao gồm những kết quả đánh giá về mặt tác động xã hội. Việc tham khảo ý kiến của người dân và những nhóm người chịu tác động trực tiếp của hoạt động quản lý rừng phải được duy trì.</b></p>			

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
<p>4.4.1. Công ty QLR sẽ tiến hành đánh giá tác động xã hội mà:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xác định nhóm bị ảnh hưởng;</li> <li>▪ Liên quan đến các cuộc bàn bạc với các nhóm bị ảnh hưởng (cả nam và nữ);</li> <li>▪ Xác định các tác động chính của hoạt động quản lý trên các nhóm hợp tác với họ, và</li> <li>▪ Xác định tất cả các lĩnh vực sinh thái có giá trị kinh tế, văn hoá, tinh thần đặc biệt của nhóm bị ảnh hưởng chưa được đề cập trong Nguyên tắc 3 và 9.</li> </ul>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các ghi chép về việc trao đổi thông tin qua lại giữa các bên liên quan</li> <li>▪ Danh sách các bên liên quan</li> <li>▪ Tài liệu kết quả đánh giá các tác động xã hội</li> <li>▪ Phỏng vấn các nhóm người chịu ảnh hưởng từ hoạt động quản lý rừng.</li> </ul> <p>Lưu ý: Một khu vực được coi là có giá trị đặc biệt cần có ủng hộ rộng rãi từ các bên liên quan và/hoặc bằng chứng về tầm quan trọng lịch sử của nó cũng phải được trình bày. Các nguồn tin độc lập cần được xem xét.</p>		

<p>4.4.2. Kết quả đánh giá tác động xã hội được lồng ghép vào các quyết định quản lý, bao gồm cả việc cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực được xác định trong mục 4.4.1;</li> <li>▪ Các biện pháp xem xét vùng có giá trị kinh tế, sinh thái, văn hoá, tinh thần đặc biệt trong hoạt động quản lý không nằm trong nguyên tắc 3 và 9; và</li> <li>▪ Liên lạc thường xuyên với các nhóm bị ảnh hưởng để giám sát hiệu quả của các biện pháp đã thực hiện.</li> </ul>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tài liệu kết quả đánh giá tác động xã hội</li> <li>▪ Kế hoạch quản lý rừng hoặc kế hoạch áp dụng cho khu vực xác định</li> </ul>		
<p>4.4.3. Công ty QLR phải duy trì một hệ thống tiếp nhận và ghi lại mối quan tâm của các bên liên quan, cũng như phản ứng của họ.</p>	<p>Xác minh: Các ghi chép về việc trao đổi thông tin qua lại giữa các bên liên quan và hồi đáp của các công ty QLR</p> <p>Lưu ý: Mối quan tâm của các bên liên quan bao gồm các phần này đề cập trong mục C4.5.</p>		
<p><i>Đối với các Đơn vị QLR đáp ứng được các tiêu chí đặt ra về rừng QLQMN&amp;KTT, chỉ áp dụng các mục sau đây của tiêu chuẩn này, chỉ số này không được sử dụng để đánh giá hoạt động của các khu vực không phải rừng QLQMN&amp;KTT:</i></p>	<p>Lưu ý áp dụng: Điều này áp dụng cho cả rừng QLQMN&amp;KTT cường độ nhỏ và thấp.</p>		

<p>4.4.4. Các công ty QLR phải thường xuyên cập nhật danh sách các đại diện các chủ sở hữu đất đai trong khu vực hoặc các nhóm người có thể bị ảnh hưởng trong và sau khi thực hiện các hoạt động quản lý rừng.</p>	<p>Xác minh: Danh sách các bên liên quan</p>		
<p>4.4.5. Các công ty QLR cần duy trì liên lạc thường xuyên với các hộ láng giềng và các bên liên quan khác trong cộng đồng địa phương. Trong một vài trường hợp, các chính sách và hoạt động của công ty QLR rất nhạy cảm với lợi ích và nguyện vọng của các bên quan tâm.</p>	<p>Xác minh: Phỏng vấn khu dân cư lân cận và các bên liên quan khác</p>		
<p><b>C4.5. Có cơ chế phù hợp để giải quyết những khiếu nại và thực hiện đền bù công bằng trong trường hợp làm mất hoặc gây thiệt hại đến những quyền lợi hợp pháp hoặc theo phong tục, đến tài sản, tài nguyên, hoặc cuộc sống của người dân sở tại. Phải có những biện pháp phòng ngừa những mất mát hoặc thiệt hại như vậy.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>4.5.1. Công ty QLR sẽ nỗ lực hết sức để tránh tổn thất và thiệt hại ảnh hưởng đến người dân địa phương, cũng sẽ nỗ lực trong việc giải quyết khiếu nại liên quan đến quyền lợi hợp pháp, bồi thường thiệt hại và tác động tiêu cực do việc quản lý rừng gây ra.</p>			

<p>4.5.2. Trong trường hợp có khiếu nại hoặc tranh chấp, công ty QLR chịu trách nhiệm thi hành các thủ tục giải quyết tranh chấp, yêu cầu ở mức tối thiểu là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Lưu giữ hồ sơ tất cả các khiếu nại liên quan đến việc tuân thủ yêu cầu do FSC đặt ra của công ty QLR;</li> <li>b) Công bố rộng rãi các hồ sơ cho SCS theo yêu cầu;</li> <li>c) Tiến hành điều tra về tất cả các khiếu nại hoặc tranh chấp để xác định nguyên nhân gốc rễ;</li> <li>d) Có hành động thích hợp trong tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại và thiếu sót được phát hiện trong hệ thống quản lý rừng của công ty QLR, tác động đến việc tuân thủ các yêu cầu của chứng chỉ FSC, và</li> <li>e) Lưu trữ hồ sơ các hành động giải quyết đơn khiếu nại hoặc tranh chấp.</li> </ul>	<p>Lưu ý: Chỉ mục này có liên quan đến phần 22, FSC-STD-20-001 phiên bản 3-0</p> <p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Thủ tục tài liệu</li> <li>■ Biên bản liên quan đến quy trình và việc điều tra các phần này</li> </ul>		
---	--	--	--

<p>4.5.3. Các khoản bồi thường công bằng hoặc hoặc các khoản cắt giảm hợp lý được cung cấp cho người dân địa phương, cộng đồng hoặc các chủ đất liền kề chứng minh được thiệt hại hoặc mất thu nhập do công ty QLR gây ra.</p>	<p>Mục đích: Thiệt hại có thể xảy đến với cây trồng; thú săn, cây cối, đất đai, các tài nguyên thuộc quản lý khác, và suy giảm chức năng quan trọng của môi trường (ví dụ như chất lượng nước).</p> <p>Mục đích ở đây không nhằm bồi thường cho một quyết định kinh doanh hợp lý, chẳng hạn như bán sản phẩm với giá trị cao hơn hoặc mua hàng hoá, dịch vụ ở một mức giá tốt hơn, cho chất lượng tương đương.</p>		
--	--	--	--

#### NGUYÊN TẮC #5: LỢI ÍCH TỪ RỪNG

Những hoạt động quản lý rừng có tác dụng khuyến khích sử dụng có hiệu quả các sản phẩm và dịch vụ từ rừng để đảm bảo tính bền vững kinh tế và tính đa dạng của những lợi ích môi trường và xã hội.

**C5.1. Chủ rừng phấn đấu tới mục tiêu bền vững kinh tế trong khi vẫn quan tâm đầy đủ đến những vấn đề về môi trường và xã hội, giá thành sản xuất, và đảm bảo dành những đầu tư cần thiết để duy trì năng suất sinh thái của rừng.**

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
<p>5.1.1. Các công ty QLR phải có vốn tài chính đầy đủ và nguồn nhân lực để thực hiện các kế hoạch quản lý, về lâu dài (ít nhất là một chu kỳ rừng trồng).</p>	<p>Xác minh: Tài liệu và đề án quy hoạch tài chính</p>		

<p>5.1.2. Các công ty QLR sẽ tiến hành dự toán tài chính dài hạn (ví dụ như ngân sách) bao gồm thu nhập và chi phí về môi trường, xã hội và vận hành. Các giả thiết liên quan đến ngân sách hoặc mô hình tài chính phải được chứng minh hợp lệ.</p>			
<p>5.1.3. Các công ty QLR đầu tư vốn, máy móc và nguồn nhân lực thích hợp để duy trì hoặc khôi phục lại năng lực sản xuất, tính toàn vẹn sinh thái và hồ sơ kinh tế-xã hội của các đơn vị QLR.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Báo cáo tài chính và kiểm toán thường niên (Dự thảo 9C)</li> <li>▪ Biên lai</li> <li>▪ Biên bản cho thuê</li> <li>▪ Phỏng vấn nhân viên và các bên liên quan</li> </ul>		
<p>5.1.4. Hoạt động thương mại (tạo thu nhập) phải khả thi về mặt tài chính, được hỗ trợ chi phí và điều kiện thị trường ngắn hạn và trung hạn.</p>	<p>Xác minh:</p> <p>Bảng cân đối kế toán hàng năm/ nửa năm hoặc các hồ sơ khác cho thấy chi phí dành cho hoạt động quản lý, cũng như thu nhập nhận được.</p>		

<p>5.1.5. Nếu công ty QLR đã nhận được nguồn tài trợ bên ngoài để cấp giấy chứng nhận, công ty QLR có trách nhiệm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Công bố cho SCS tất cả thông tin về các nguồn tài trợ bên ngoài, bao gồm cả các lịch trình thanh toán, thời hạn, lãi suất áp dụng.</li> <li>2) Lên kế hoạch để giảm sự phụ thuộc vào nguồn tài trợ bên ngoài trong một thời gian xác định nếu các nhà tài chính đã áp đặt lãi suất, thời hạn hoặc hạn chế nào khác có thể ảnh hưởng đến khả năng kinh tế của công ty QLR.</li> </ol>	<p>Khả năng áp dụng: Các chỉ mục 5.1.5 and 5.1.6 chỉ áp dụng được nếu công ty QLR nhận được:</p> <p>tài trợ bên ngoài để tài trợ chi phí trực tiếp trong việc cấp chứng nhận. Các chi phí trực tiếp của chứng nhận có thể bao gồm lệ phí phải nộp cho cơ quan cấp giấy chứng nhận, trung tế quốc tế FSC, trụ sở FSC tại nước sở tại hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn chuyên cung cấp dịch vụ kiểm định chất lượng (ASI GmbH), nếu có.</p>		
<p>5.1.6. Có một ngoại lệ trong điểm thứ hai của mục 5.1.5 khi các bên liên quan đưa ra bằng chứng ghi nhận giấy phép thỏa thuận tài chính của họ vẫn phù hợp theo quy định tại các mục 5.1.1, 5.1.2, và 5.1.3; cùng với đó, các công ty QLR có đủ kinh phí để hoàn thành bất kỳ lịch trình thanh toán nào.</p>	<p>Hướng dẫn: Các "bên liên quan" trong mục này có thể là các công ty QLR, các nhà cung cấp tài trợ từ bên ngoài, các nhà đầu tư trong công ty QLR vv...</p>		
<p><b>C5.2. Các hoạt động quản lý rừng và hoạt động tiếp thị có tác dụng khuyến khích sử dụng và chế biến tối ưu tại chỗ những sản phẩm đa dạng của rừng.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>5.2.1. Chính sách quản lý và tiếp thị, cũng như các quyết định tại khu vực rừng quản lý phải đảm bảo một cách có hệ thống rằng từng sản phẩm thương mại được bán với giá cao nhất và mức sử dụng tốt nhất.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phỏng vấn công ty QLR, nhà thu mua gỗ và các bên liên quan khác của địa phương</li> <li>▪ Danh sách các nhóm sản phẩm FSC</li> <li>▪ Điều tra về khả năng kỹ thuật của nhà máy xay tại địa phương</li> </ul>		
<p>5.2.2. Các công ty QLR phấn đấu đa dạng hóa các sản phẩm thương mại thu lại từ rừng và tiếp thị rộng rãi.</p>	<p>Khi các điều kiện tài chính và kỹ thuật cho phép, các ví dụ có thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sản phẩm mới được khám phá và phát triển dành cho các loài sinh vật phổ biến nhưng ít được sử dụng hoặc sản lượng dư sau thu hoạch;</li> <li>▪ Công ty QLR thương mại hoá lâm sản ngoài gỗ (LSNG), hoặc</li> <li>▪ Các công ty QLR thương mại hoá dịch vụ môi trường, chẳng hạn như bảo vệ các lưu vực sông phục vụ đập thủy điện, dự án bù đắp lượng carbon trong rừng.</li> </ul>		
<p>5.2.3. Các công ty QLR có một biên bản chứng minh sự ủng hộ hoặc khuyến khích việc chế biến gỗ và lâm sản khác tại địa phương phù hợp với luật pháp quốc gia.</p>			
<p><b>C5.3. Chủ rừng hạn chế đến mức thấp nhất lượng phế thải trong quá trình khai thác, chế biến tại chỗ và tránh gây tổn hại cho những nguồn tài nguyên khác của rừng.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>5.3.1. Hoạt động quản lý sẽ giảm thiểu thiệt hại và / hoặc chất thải lâm sản sau thu hoạch.</p>	<p>Chỉ dẫn: "Chất thải" bao gồm thiệt hại hoặc sản phẩm thu hoạch hư hại hoặc không được sử dụng đúng mức, trừ trường hợp phần nguyên liệu thu hoạch được cần phải được để lại trên thực địa để bảo quản các mảnh vụn gỗ, chu kỳ dinh dưỡng, hoặc các chức năng sinh thái khác.</p>		
<p>5.3.2. Quy trình thu hoạch phải được quản lý để bảo vệ số cây còn lại và các tài nguyên rừng khác, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Lượng cây còn lại và quá trình tái sinh không gây ảnh hưởng xấu đến các vấn đề y tế, tăng trưởng, hoặc các giá trị khác; và</li> <li>▪ Thiệt hại lâm sản ngoài gỗ được giảm thiểu nhờ hoạt động quản lý</li> </ul>	<p>Xác minh: Hồ sơ báo cáo sau thu hoạch (Dự thảo 9C); Tiến hành thanh tra thực địa</p>		
<p>5.3.3. Lượng gỗ đốn hạ được giữ ở số lượng và kích thước tối thiểu (ước tính) và được đặt ở vị trí giúp giảm thiểu các tác động môi trường bất lợi và thiệt hại diện tích rừng sản xuất.</p>	<p>Chỉ dẫn: Kích thước và vị trí gỗ đốn hạ được cân nhắc dựa trên tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, mức thuận tiện về mạng lưới giao thông, và tốc độ vận chuyển gỗ từ địa điểm đốn hạ được đến vị trí tiếp theo.</p>		

<p>5.3.4. Tại địa điểm chế biến, dấu vết của các thiết bị xay xát để lại trên mặt đất cần được giữ kích thước nhỏ nhất có thể; các thiết bị chế biến được đặt tại các nơi thân thiện nhất với môi trường cũng như ở những nơi giúp giảm thiệt hại cho khu vực rừng sản xuất.</p>	<p>Ví dụ: Các công ty QLR chỉ xác định vị trí lò than hoặc xưởng cưa di động sau khi đánh giá tác động môi trường tại các khu vực được chọn (xem Tiêu chí 6.1).</p>		
<p><b>C5.4 Chủ rừng luôn tìm cách tăng cường và đa dạng hoá kinh tế địa phương, tránh phụ thuộc vào một loại lâm sản duy nhất.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>5.4.1. Các công ty QLR phải chứng minh được hiệu quả hoạt động trên nền kinh tế địa phương vì điều này liên quan trực tiếp đến thị trường hiện tại và thị trường tiềm năng cho các gỗ, các lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ liên quan trong tương lai.</p>	<p>Khả năng ứng dụng: Năng lực quản lý rừng ảnh hưởng đến nền kinh tế địa phương phụ thuộc vào phạm vi và quy mô hoạt động. Việc sở hữu bộ máy sản xuất lớn, cho năng suất cao có khả năng ảnh hưởng đến nền kinh tế địa phương nhiều hơn, do đó nên tìm hiểu kỹ hơn về các cơ hội đa dạng hóa sản xuất, không chỉ dừng lại ở các hoạt động nhỏ lẻ, kém hiệu quả.</p> <p>Mục đích: Người ta cho rằng các công ty QLR sẽ tìm ra một loạt các sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động mới khi hợp tác với các đối tác khác trong việc theo đuổi thị trường thích hợp nếu được. Tuy nhiên, hình thức hoạt động đa dạng, hoặc giá trị gia tăng thực tế là không cần thiết, đặc biệt khi tài chính không khả thi.</p> <p>Chỉ dẫn cho các khu rừng QLQMN&amp;KTT: Năng lực quản lý rừng ảnh hưởng đến nền kinh tế địa phương phụ thuộc vào phạm vi và quy mô hoạt động. Việc sở hữu bộ máy sản xuất lớn, cho năng suất cao cũng như giấy chứng nhận nhóm với các chủ đất hoạt động trong khu vực lân cận có khả năng ảnh hưởng đến nền kinh tế địa phương, do đó nên tìm hiểu kỹ hơn về các cơ hội đa dạng hóa sản xuất,</p>		
--	---	--	--

	không chỉ dừng lại ở các hoạt động nhỏ lẻ, ít tập trung.		
5.4.2. Các công ty QLR phần đầu đa dạng hóa sử dụng rừng vào mục đích kinh tế nhằm tăng lượng gỗ và các lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ liên quan.	<p>Mục đích: đa dạng hóa sử dụng rừng vào mục đích kinh tế cần xem xét các tác động sinh thái của nó và đảm bảo sẽ không cản trở việc duy trì thành phần, cấu trúc, chức năng của rừng và các yêu cầu khác trình bày trong tiêu chuẩn này. Phát triển thị trường mới cũng phải phù hợp với mục tiêu quản lý.</p> <p>Chỉ dẫn: Đa dạng hóa sử dụng rừng vào mục đích kinh tế có thể bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động: vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, săn bắn, đánh cá, thổ sản và các loài cây ít được sử dụng, các loại gỗ đốn, gỗ xẻ, lâm sản ngoài gỗ; và các thị trường mới nổi cung cấp các sản phẩm mới, ví dụ như loại nước có thể tạo ra dòng chảy bên trong.</p>		
<b>C5.5 Các hoạt động quản lý rừng phải nhận ra, duy trì, và tăng cường, nếu thích hợp, các giá trị của chức năng phục vụ của rừng và những tài nguyên rừng như phòng hộ đầu nguồn và thủy sản.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>5.5.1. Các công ty QLR phải xác định đầy đủ các dịch vụ rừng kết hợp với các đơn vị QLR bao gồm: xác định lưu vực sông trong địa phương, đánh bắt cá vì mục đích thương mại hoặc tiêu khiển (hoặc nguồn cung nước cho đánh bắt cá ở hạ lưu), chất lượng hình ảnh địa phương, đóng góp cho đa dạng sinh học trong khu vực, vui chơi, du lịch, và các dịch vụ khác.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Kế hoạch quản lý rừng</li> <li>▪ Phỏng vấn cán bộ công nhân viên công ty QLR và các bên liên quan</li> </ul>		
<p>5.5.2. Hoạt động quản lý rừng được thiết kế và thực hiện theo không gian lẫn thời gian, có bao hàm các tác động lên dịch vụ rừng xác định trong mục 5.5.1.</p>			
<p>5.5.3. Các công ty QLR tham gia bàn bạc thường xuyên với các bên liên quan và những người ủng hộ các dịch vụ rừng, là đối tượng chịu tác động từ hoạt động lâm nghiệp.</p>			
<p><b>C5.6 Mức độ khai thác lâm sản không được vượt quá mức có thể để duy trì tài nguyên rừng được ổn định lâu dài.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>5.6.1. Đối với các hoạt động quản lý rừng tự nhiên, lượng cắt giảm cho phép hàng năm (AAC) áp dụng cho lâm sản, hoặc bằng diện tích, khối lượng, được thiết lập bằng sự kết hợp các dữ liệu thực nghiệm và tài liệu công bố, dựa trên thống kê về sản lượng và tăng trưởng được ghi chép và lưu trữ có hệ thống để đảm bảo rằng tỷ lệ thu hoạch không vượt quá mức tính toán tăng trưởng dài hạn.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Dữ liệu về tăng trưởng và sản lượng</li> <li>■ Các đề án nổi bật</li> <li>■ Kế hoạch quản lý</li> </ul> <p>Lưu ý áp dụng: Cây trồng luân canh ngắn hạn, chẳng hạn các trang trại thông Giáng sinh được thiết lập trên đất rừng trước tháng 11/1994 có thể được công nhận là một phần trong chứng chỉ quản lý rừng tự nhiên nếu diện tích sử dụng làm trang trại bằng phần diện tích giới hạn của đơn vị QLR (thường &lt;5% các đơn vị QLR). Nếu mục đích chính của các đơn vị QLR là để sản xuất thông Giáng sinh hay cây trồng luân canh ngắn hạn khác, chúng có thể được coi là đồn điền và là đối tượng áp dụng Nguyên tắc 10. Trang trại thông Giáng sinh và cây trồng luân canh ngắn hạn khác phải tuân theo các yêu cầu của mục này, bao gồm cả tiêu chí 5.6. Xem FSC-DIS-01-001 và Quản Lý Rừng Bền Vững: Ủng hộ FSC D 1.1(06/2010 ) để biết thêm thông tin. Mục 5.6.1 áp dụng cho hoạt động quản lý rừng tự nhiên/bán tự nhiên. Mục 5.6.2 áp dụng cho rừng trồng.</p>		
<p>5.6.2. Đối với quản lý rừng trồng, tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ thu hoạch (cắt giảm ít và cắt giảm lần cuối cùng) phải căn cứ vào thông tin tài liệu và / hoặc thử nghiệm tại thực địa, phù hợp với hành vi của các loài ở cấp quốc gia hoặc khu vực quan sát được.</p>			

<p>5.6.3. Đối với công ty QLR lớn: mức thu hoạch trung bình hàng năm, trong khoảng thời gian 10 năm trôi qua, không được vượt quá lượng AAC tính toán được.</p> <p>Đối với rừng QLQMN&amp;KTT: Trên rừng QLQMN&amp;KTT, mức độ và tỷ lệ khai thác không vượt quá tốc độ tăng trưởng thu hoạch liên tiếp, giúp đạt được những điều kiện mong muốn trong tương lai đề ra trong kế hoạch quản lý rừng, và không làm giảm tính toàn vẹn sinh thái lâu dài và năng suất của các khu rừng quản lý.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ghi chép vụ thu hoạch</li> <li>▪ So sánh các hồ sơ của lượng khai thác các loài (hoặc nhóm loài) với lượng AAC thiết lập cho các loài (hoặc nhóm loài)</li> </ul> <p>Chỉ dẫn:</p> <p>Tỷ lệ các chỉ số dành cho các công ty QLR lớn chỉ áp dụng cho Đơn vị QLR có diện tích hơn 100 ha. Tỷ lệ các chỉ số dành cho các Rừng LQMN&amp;KTT áp dụng cho các Đơn vị QLR có diện tích &lt;100 ha hoặc các khu rừng đáp ứng các yêu cầu của một khu rừng LQMN&amp;KTT cường độ thấp.</p>		
<p>5.6.4. Đối với các hoạt động khai thác hàng năm thường xuyên, thu hoạch trung bình 10 năm qua không được vượt quá mức tăng trưởng trung bình hàng năm (MAI).</p>	<p>Xác minh:</p> <p>So sánh các hồ sơ sản lượng khai thác các loài (hoặc nhóm loài) với mức tăng trưởng trung bình hàng năm (MAI) thiết lập cho các loài (hoặc nhóm loài)</p>		

<p>5.6.5. Mức độ khai thác sẽ được thiết lập theo số sản phẩm ưu chuộng trong kho tăng lên theo thời gian, trừ khi công ty QLR chứng minh được rằng sản phẩm trong kho hiện nay (đo bằng trữ lượng trung bình cho mỗi ha) vượt quá mức tối ưu.</p>	<p>Xác minh: Dữ liệu hàng trong kho (các nhóm đường kính, mật độ vị trí, etc.)</p> <p>Khả năng ứng dụng: Nếu công ty QLR đưa ra được bằng chứng việc tăng trưởng tối ưu và mức độ vị trí đã và đang giúp công ty đạt được mục tiêu quản lý nhất định (ví dụ như quản lý rừng trồng), việc tuân thủ chỉ mục này có thể được chứng minh.</p>		
<p>5.6.6. Đối với hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ, chiến lược quản lý cần được kết hợp với dữ liệu hàng tồn kho dưới sự giám sát cẩn thận nhất để tính toán chính xác tăng trưởng và tỷ lệ thu hoạch; việc khai thác thương mại lâm sản ngoài gỗ được áp dụng tại mục 5.6.3.</p>	<p>Ví dụ về các lâm sản ngoài gỗ có thể bao gồm: Cây xanh, thú săn, các loại hạt, hoa, quả, nấm, và cá.</p> <p>Lưu ý: Thông Giáng sinh xếp vào cây trồng luân canh ngắn hạn dưới theo phân loại FSC và không đáp ứng được yêu cầu một lâm sản ngoài gỗ.</p>		

<p>5.6.7. Đối với chương trình quản lý đầu tư gỗ: Nếu các dự báo tăng trưởng được sử dụng để công bố tỉ suất lợi nhuận tài chính, công ty QLR phải đề cập rõ ràng tất cả các tài liệu gắn nhãn FSC hoặc chứng nhận thương hiệu liên quan đến trách nhiệm của các tuyên bố tài chính (ví dụ, "FSC và SCS không chịu trách nhiệm và không xác nhận bất kỳ khiếu nại tài chính nào trên lợi nhuận trên đầu tư").</p>	<p>Xem FSC-STD-50-001 (V1-2), phần 9.</p> <p>Chỉ dẫn: Một tổ chức đầu tư gỗ là một dự án quản lý rừng được thành lập trong một khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng (ví dụ, một Tổ chức Quản lý Đầu tư Gỗ (TIMO) hoặc Quỹ tín thác đầu tư BĐS (REIT)), nơi công ty QLR sử dụng nguồn vốn từ các nhà đầu tư khác nhau để đạt được mục tiêu quản lý, thường là để đổi lấy lợi nhuận từ đầu tư trong một thời gian quy định.</p>		
---	--	--	--

#### NGUYÊN TẮC#6: TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Chủ rừng thực hiện bảo tồn đa dạng sinh học và những giá trị của đa dạng sinh học, nguồn nước, đất đai, các hệ sinh thái và sinh cảnh đặc thù để bị tổn thương để qua đó duy trì các chức năng sinh thái và tính toàn vẹn của rừng.

**C6.1. Các đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện tương ứng với mức độ, cường độ quản lý rừng và sự toàn vẹn của các tài nguyên bị tác động, và phải được kết hợp một cách thống nhất trong những hệ thống quản lý. Các đánh giá này phải bao gồm những xem xét ở cấp độ toàn cảnh cũng như ở mức tác động của hoạt động chế biến tại chỗ. Các tác động môi trường phải được đánh giá trước khi bắt đầu những hoạt động gây tác hại đến môi trường.**

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>6.1.1. Công ty QLR tiến hành đánh giá tác động môi trường ưu tiên cho các hoạt động đáng lo ngại tại khu vực rừng quản lý trước, giới hạn quy mô và độ phức tạp của các hoạt động này. Thể theo yêu cầu của luật pháp quốc gia, báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức cần được thực hiện và kết hợp cùng các dự án, kế hoạch và các chương trình một cách hợp lý.</p>	<p>Chỉ dẫn: Ít nhất công ty QLR nên xem xét các tác động đến đất, duy trì và phát triển rừng cộng đồng, tài nguyên nước, động vật, và các đặc trưng nhạy cảm khác.</p>		
<p>6.1.2. Công ty QLR tiến hành đánh giá tác động môi trường cấp độ cảnh quan, trong đó các tác động tích lũy của hoạt động lâm nghiệp phải được cân nhắc kỹ.</p>	<p>Chỉ dẫn: Công ty QLR có thể xem xét các tác động đến quy trình phân chia lưu vực sông, phân bố nhóm tuổi trên các đơn vị QLR, động vật di cư, vv....</p>		
<p>6.1.3. Công ty QLR điều chỉnh các hoạt động quản lý đã đặt ra trước đó để giới hạn hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực được xác định trong mục 6.1.1 và 6.1.2.</p>	<p>Ví dụ về các quyết định cấp thực địa được thực hiện để đáp ứng chỉ số này:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Công ty QLR không tiến hành các vụ thu hoạch mới, tách biệt và rõ ràng, ngay sau khi vụ trước kết thúc (trong hoặc ngoài các đơn vị QLR) trừ khi các vụ trước được tái thực hiện lại, và kích thước, mật độ hàng trong kho vẫn còn khá lớn.</li> <li>▪ Việc thu hoạch được lên thời gian trong một khu vực cụ thể để giảm các tác động tích lũy đáng lo ngại của hoạt động lâm nghiệp tại khu vực nói chung.</li> </ul>		

<p><i>Đối với các đơn vị QLR đáp ứng được yêu cầu về rừng QLQMN&amp;KTT, chỉ có các chỉ mục sau đây của tiêu chuẩn này được áp dụng, các chỉ mục này không sử dụng để đánh giá hoạt động của các khu vực không phải rừng QLQMN&amp;KTT:</i></p>	<p>Chỉ dẫn: Mục này áp dụng cho cả rừng QLQMN&amp;KTT cường độ thấp và nhỏ</p>		
<p>6.1.4. Công ty QLR nắm rõ các tác động tiêu cực của các hoạt động lâm nghiệp và thực hiện các biện pháp giới hạn hoặc giảm thiểu chúng. Luật nhà nước yêu cầu, báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức phải được thực hiện và kết hợp với các dự án, kế hoạch và các chương trình khác một cách hợp lý.</p>			
<p><b>C6.2. Thực hiện bảo vệ các loài quý hiếm, bị đe dọa và nguy cấp và môi trường sống của chúng (ví dụ như nơi làm tổ, nguồn thức ăn v.v.). Phải xây dựng những khu bảo tồn, bảo vệ phù hợp với quy mô và cường độ quản lý rừng và sự toàn vẹn của các nguồn tài nguyên bị tác động. Các hoạt động săn bắt, đánh bắt và thu lượm lâm sản không phù hợp phải được kiểm soát, ngăn chặn.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>6.2.1. Sử dụng thông tin tốt nhất hiện có và kết quả điều tra thực địa, công ty QLR sẽ đánh giá sự tồn tại của các loài quý hiếm, bị đe dọa và nguy cấp (RTE) cùng môi trường sống của chúng trong các đơn vị QLR (ví dụ như khu vực làm tổ và kiếm ăn).</p>			

<p>6.2.2. Công ty QLR phải thiết lập các biện pháp bảo tồn phù hợp, tùy theo quy mô và cường độ hoạt động của khu vực như các khu bảo tồn và / hoặc các biện pháp bảo vệ khả thi khác đối với các loài RTE và môi trường sống của chúng.</p>	<p>Chỉ dẫn: Các khu vực được bảo tồn và bảo vệ nên được đặt ở những nơi giúp tối đa hóa việc bảo tồn đa dạng sinh học.</p>		
<p>6.2.3. Công ty QLR sẽ phân chia ranh giới khu bảo tồn RTE trên bản đồ, và nếu thực hiện tốt, việc này sẽ không gây ảnh hưởng đến các mục tiêu bảo tồn trong khu vực này.</p>			
<p>6.2.4. Hoạt động trong các khu bảo tồn được thực hiện để các giá trị cần bảo tồn không bị tổn hại hoặc bị đe dọa trong bất kỳ hoàn cảnh nào.</p>			
<p>6.2.5. Công ty QLR không được khai thác các loài có trong Phụ lục I của Công ước CITES (cũng áp dụng cho rừng QLQMN&amp;KTT).</p>			
<p>6.2.6. Công ty QLR có trách nhiệm kiểm soát đầy đủ hơn và giảm thiểu các hoạt động trái phép và/hoặc không phù hợp, bất hợp pháp, chẳng hạn như săn bắn, câu cá, đánh bẫy, khai thác lâm sản ngoài gỗ hoặc khai thác các loài RTE (cũng áp dụng cho rừng QLQMN&amp;KTT).</p>	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Hàng rào được xây dựng để kiểm soát việc chẵn thả nếu cần.</li> <li>■ Việc săn bắt và hái lượm theo mùa cần được tuân theo để quá trình tái sinh được diễn ra dễ dàng.</li> </ul>		

<p><i>Đối với các đơn vị QLR đáp ứng được yêu cầu của rừng QLQMN&amp;KTT, chỉ có mục 6.2.5, 6.2.6, và các chỉ mục sau đây của tiêu chuẩn này được áp dụng, các chỉ số dưới đây không được sử dụng để đánh giá hoạt động của các khu vực không phải là rừng QLQMN&amp;KTT:</i></p>			
<p>6.2.7. Thông tin về các loài RTE và môi trường sống của chúng phải được công ty QLR sử dụng để lập bản đồ các khu bảo tồn và được bảo vệ hợp lý.</p>			
<p>6.2.8. Việc sử dụng lửa được kiểm soát nghiêm ngặt trong các đơn vị QLR và công ty QLR nhằm phục vụ công tác phòng chống và kiểm soát đám cháy lan sang khu vực tiếp giáp của nó.</p>			
<p><b>6.3. Các giá trị và chức năng sinh thái được duy trì nguyên vẹn, tăng cường hoặc phục hồi, bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a) Phục hồi tái sinh và diễn thế sinh thái.</b></li> <li><b>b) Đa dạng di truyền, loài, và hệ sinh thái.</b></li> <li><b>c) Các chu trình tự nhiên tác động đến năng suất của hệ sinh thái rừng.</b></li> </ul>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>6.3.1. Các công ty QLR sẽ ghi lại tài liệu sinh thái và lâm sinh của hệ thống quản lý rừng dựa trên các quy định, chính sách, số liệu kiểm kê cụ thể, và / hoặc các ấn phẩm kỹ thuật của chính phủ.</p>	<p>Khả năng áp dụng: Áp dụng với tất cả các loại rừng.</p>		

<p>6.3.2. Trong rừng tự nhiên / bán tự nhiên, quy định quản lý phải giúp duy trì, tăng cường hoặc khôi phục lại cấu trúc và cơ cấu rừng tự nhiên.</p>	<p>Lưu ý: Thành phần và cấu trúc có thể liên quan đến số lượng và sự đa dạng của các loài, kích thước các nhóm loài, và các yếu tố về cấu trúc (ví dụ như những vết rách, dây leo, thân gỗ bị bắn rơi các mảnh vụn).</p> <p>Khả năng áp dụng: Chỉ số này áp dụng đối với các quy định dành cho thu hoạch các cây đồng tuổi, không đồng tuổi, các biện pháp cứu hộ, phương pháp điều trị trung gian và hệ thống quản lý rừng tự nhiên và bán tự nhiên khác.</p>		
<p>6.3.3. Trong rừng tự nhiên / bán tự nhiên, các công ty QLR nên ưu tiên các hoạt động tạo điều kiện cho tái sinh tự nhiên; rừng cây non, hoặc được trồng hoặc mọc tự nhiên, cần có một số lượng các cây rừng ưa chuộng hợp lý, sinh trưởng mạnh mẽ và duy trì tình trạng tốt khi vận chuyển đến nơi tiêu thụ.</p>	<p>Khả năng áp dụng: Mục này áp dụng đối với rừng tự nhiên và bán tự nhiên</p>		

<p>6.3.4 Công ty QLR thiết kế và tiến hành các vụ thu hoạch theo thời gian và không gian, xem xét các chức năng sinh thái rừng, sự toàn vẹn và tính liên thông trong môi trường sống của động vật hoang dã.</p>	<p>Chỉ dẫn: Người ta mong rằng các công ty QLR lớn có thể đóng góp nhiều hơn cho môi trường sống và tính liên thông của hệ động vật. Đối với các khu rừng QLQMN&amp;KTT, điều này có thể phụ thuộc vào khoảng cách tới rừng khác hoặc các khu vực được bảo vệ.</p> <p>Đối với tất cả các loại rừng, tính phức tạp theo chiều dọc /ngang và các yếu tố cấu trúc (ví dụ như những vết rách, các mảnh vụn gỗ bị rơi) cần được xem xét một cách cẩn thận tùy thuộc vào mục tiêu môi trường sống của động vật hoang dã và các chức năng sinh thái rừng.</p>		
<p>6.3.5. Các công ty QLR đánh giá nguy cơ, ưu tiên/ bảo đảm phát triển và thực hiện một chiến lược để ngăn chặn hoặc kiểm soát các loài xâm lấn.</p>	<p>Lưu ý: Khi công ty QLR có bằng chứng (tại thực địa hoặc lời khai của các chuyên môn từ các bên liên quan) chỉ ra rằng không có mặt bất kỳ loài xâm lấn nào và nguy cơ bị các loài xâm lấn thấp, mục này này có thể không được áp dụng.</p> <p>Nếu một loài ngoại lai không xâm lấn hoặc đã trở thành sinh vật bản địa, các biện pháp kiểm soát có thể được giới hạn lại đủ để duy trì hệ động thực vật bản địa.</p>		

<p>6.3.6. Trong quá trình áp dụng, công ty QLR xác định và áp dụng quy trình quản lý nhiên liệu tại các khu vực cụ thể, dựa trên: (1) chế độ hỏa hoạn tự nhiên hoặc con người gây ra, (2) nguy cơ cháy rừng, (3) thiệt hại kinh tế tiềm tàng, (4) an toàn công cộng, và (5) pháp luật và các quy định hiện hành.</p>	<p>Mục đích: Chỉ số này áp dụng đối với các loại rừng thích nghi với các đám cháy gây hại hoặc các loại rừng không dễ bắt cháy dưới ảnh hưởng của con người.</p>		
<p><b>C6.4 Bảo vệ nguyên trạng các mẫu đại diện của các hệ sinh thái hiện có tương ứng với phạm vi và cường độ hoạt động sản xuất kinh doanh rừng và sự toàn vẹn của các nguồn tài nguyên bị tác động đồng thời thể hiện các mẫu đó trên bản đồ.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>6.4.1. Đối với Các công ty QLR lớn: mẫu đại diện của các hệ sinh thái (RSE) hiện tại phải được bảo vệ nguyên trạng, dựa trên việc xác định và / hoặc tham khảo ý kiến các đối tác môi trường, chính quyền địa phương và các cơ quan khoa học về các vùng sinh học quan trọng.</p> <p>Đối với rừng QLQMN&amp;KTT &amp; các công ty QLR: công ty QLR phải bảo vệ mẫu đại diện của các hệ sinh thái quý hiếm và / hoặc đang bị đe dọa trong tự nhiên.</p>	<p>Lưu ý: RSE = representative sample ecosystem: mẫu đại diện của các hệ sinh thái</p> <p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Kế hoạch quản lý rừng</li> <li>▪ Bản đồ khu vực được bảo vệ</li> <li>▪ Bản đồ kế hoạch bảo vệ rừng</li> <li>▪ Kết quả đánh giá Giá Trị Bảo Tồn Cao (HCV – High Conservation Values)</li> </ul>		

<p>6.4.2. Đối với Các công ty QLR lớn: Căn cứ vào kết quả mục 6.4.1, công ty QLR phải thiết lập các mẫu đại diện với kích thước tối thiểu là 2 ha cho mỗi hệ sinh thái có diện tích 1.000 ha trở lên. Những mẫu này sẽ được hiển thị trên bản đồ và trên thực địa, và được giữ nguyên vẹn cho mục đích bảo tồn (Dự thảo 9C).</p>	<p>Khả năng áp dụng: không áp dụng cho rừng QLQMN&amp;KTT.</p>		
<p>6.4.3. Hoạt động quản lý trong RSE được giới hạn trong các hoạt động tạo ảnh hưởng tương thích thấp với các mục tiêu RSE được bảo vệ, ngoại trừ các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hoạt động thu hoạch chỉ được thực hiện khi cần để khôi phục lại hoặc tạo điều kiện đáp ứng các mục tiêu của RSE, hoặc giảm thiểu các điều kiện gây trở ngại cho việc đạt được các mục tiêu đó; hoặc</li> <li>b) Xây dựng tuyến đường bộ duy nhất góp phần giảm thiểu tác động môi trường nói chung trong các đơn vị QLR và sẽ không gây nguy hiểm cho các mục đích mà các RSE định ra trước đó.</li> </ul>	<p>Khả năng áp dụng: áp dụng đối với tất cả các công ty QLR</p>		

<p>6.4.4. Đối với các công ty QLR lớn: Việc đánh giá RSE (Mục 6.4.1) được xem xét và nếu cần cập nhật định kỳ (ở mức tối thiểu 10 năm) để xác định xem liệu nhu cầu dành cho các RSE đã thay đổi chưa, việc chỉ định RSE được điều chỉnh theo mục 6.4 0,2.</p>	<p>Khả năng áp dụng: Không áp dụng cho rừng QLQMN&amp;KTT</p>		
<p><b>C6.5. Xây dựng và thực thi các văn bản Chỉ dẫn về chống xói mòn, hạn chế tối đa những tác hại đến rừng trong quá trình khai thác, làm đường giao thông và những hoạt động gây xáo trộn khác bảo và vệ nguồn nước.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>6.5.1. Các công ty QLR sẽ có văn bản hướng dẫn bao gồm tất cả các thông số kỹ thuật cần thiết trong Tiêu chuẩn này.</p>	<p>Lưu ý: Các văn bản hướng dẫn cần phải giải quyết tất cả chỉ mục của tiêu chí 6.5. Địa điểm áp dụng các hướng dẫn trong tiêu chí này (quốc gia hay địa phương) cũng nêu ra.</p>		

<p>6.5.2. Hoạt động lâm nghiệp cần đáp ứng đủ hoặc vượt mức quy trình Thực hành quản lý tốt nhất (BMP) quy định các thành phần của Tiêu chí tại nơi hoạt động diễn ra.</p>	<p>Mục đích: BMP đối với chất lượng nước, chống xói mòn, bảo vệ tài nguyên rừng trong quá trình thu hoạch, xây dựng đường, và tất cả các rối loạn máy móc khác sẽ cung cấp một nền tảng tối thiểu giúp công ty thực hiện tiêu chí này.</p> <p>BMP bao gồm cả các BMP tự nguyện và bắt buộc của nhà nước và địa phương, cũng như các điều khoản tương tự được sử dụng tại một số quốc gia (ví dụ: Các chỉ dẫn cho hoạt động quản lý mức khu vực).</p> <p>Các trường hợp không tuân thủ BMP nhỏ lẻ và biệt lập có thể hoặc không thể dẫn đến việc không tuân thủ các chỉ mục.</p>		
--	---	--	--

<p>6.5.3. Hoạt động quản lý bao gồm chuẩn bị địa điểm, quy định thu hoạch, kỹ thuật, thời gian, và thiết bị cũng cần được lựa chọn và sử dụng để bảo vệ đất và nguồn nước, tránh xói mòn, sạt lở đất và xáo trộn đất. Khai thác gỗ và các hoạt động khác làm tăng nguy cơ sạt lở đất đáng kể không được tiến hành ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. Cần thực hiện các hành động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Mục đích chuẩn bị địa điểm sẽ đạt được nếu nhiều điểm nóng được xác định và nhiên liệu cũng được giảm ở mức nguy cơ hỏa hoạn trung bình hoặc thấp.</li> <li>■ Lớp đất mặt bị xáo trộn được giới hạn ở mức tối thiểu là việc làm cần thiết để tái sinh thành công các loài bản địa ở khu vực.</li> <li>■ Lún, nén, và xói mòn được giảm thiểu.</li> <li>■ Xói mòn đất không tăng.</li> <li>■ Cháy rừng chỉ xảy ra khi cơ chế tự nhiên bị xáo trộn.</li> <li>■ Mặt đất tự nhiên bị xáo động được giảm thiểu xuống mức cần thiết để đạt được mục đích tái sinh.</li> <li>■ Việc thu hoạch vượt quá các chu trình luân phiên cây chỉ được thực hiện khi nghiên cứu cho thấy năng</li> </ul>	<p>Mục đích: Chỉ mục này bao gồm năng suất đất, chức năng, và môi trường sống (bao gồm các lớp lá và các mảnh vụn gỗ tốt) trong tất cả cây rừng, hệ thống quản lý, và mục tiêu thu hoạch.</p> <p>Chỉ dẫn: Chú ý là chỉ số này dự đoán sẽ tăng cùng với số lượng và tần số của vật liệu gỗ lấy từ các khu vực rừng (ví dụ, loại bỏ sinh khối và thu hoạch cây toàn bộ).</p> <p>Các quyết định được thực hiện dựa trên dữ liệu khách quan về độ dốc, đánh giá xói mòn nguy hiểm, khả năng nén chặt đất, lún, và nguy cơ lở đất.</p>		
--	---	--	--

<p>suất đất sẽ không bị tổn hại.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>■ Kỹ thuật, thiết bị giúp giảm thiểu tác động đến thảm thực vật, đất, nước và các tài nguyên khác được sử dụng bất cứ khi nào có thể.</li></ul>			
--	--	--	--

<p>6.5.4. Hệ thống giao thông vận tải, bao gồm thiết kế, vị trí lâu dài và tạm thời của đường kéo, đường mòn trơn trượt, đường mòn phục vụ giải trí, chỗ giao cắt nước và chỗ đổ hạ gỗ được thiết kế, xây dựng, duy trì, và / hoặc xây dựng lại để giảm thiểu tác động môi trường ngắn hạn và dài hạn, chia cắt sinh cảnh, xáo trộn đất, nước và tác dụng phụ tích lũy, quy định trong quyền sử dụng và quá trình sử dụng thông thường. Điều này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tiếp cận tất cả các đường thông thường và đường mòn (tạm thời và vĩnh viễn), bao gồm đường mòn giải trí, du lịch và địa hình, được kiểm soát để giảm thiểu tác động sinh thái;</li> <li>▪ Mật độ đường được giảm thiểu;</li> <li>▪ Xói mòn được giảm thiểu;</li> <li>▪ Trầm tích xả ra suối được giảm thiểu;</li> <li>▪ Có đoạn thượng nguồn và hạ nguồn phục vụ cho sinh vật dưới nước;</li> <li>▪ Tác động của hệ thống giao thông lên môi trường sống của động vật hoang dã và hành lang di cư được giảm thiểu;</li> <li>▪ Diện tích chuyển đổi sang đường giao thông, khu đổ hạ gỗ và những đường mòn trơn trượt được giảm thiểu;</li> <li>▪ Chia cắt sinh cảnh được giảm thiểu;</li> <li>▪ Các con đường không cần thiết được đóng cửa, trả</li> </ul>	<p>Chỉ dẫn: Biện pháp kiểm soát, làm giảm tác động sinh thái có thể bao gồm nhưng không giới hạn: đường giao thông không có bề mặt chống chịu thời tiết chỉ được sử dụng trong thời gian thời tiết thuận lợi để giảm thiểu thiệt hại đường, xói mòn bề mặt, và dính bùn cát, nếu cần, để giảm thiểu tác động sinh thái, hạn chế tiếp cận các tuyến đường khi không thực sự cần thiết.</p> <p>Ví dụ đánh giá đầy đủ hệ thống giao thông vận tải có thể bao gồm nhưng không giới hạn: đường giao thông được xây dựng trên sườn núi vượt quá 60% với bố cục nhỏ nhất; đối với đường đã ngừng hoạt động, cầu cống được loại bỏ, thanh dẫn nước được cài đặt; sườn được đánh dấu lại hoặc tái thiết lập thảm thực vật, và mô hình thoát nước sinh thái chức năng được thành lập; khu đổ hạ gỗ được đặt trên các khu vực sinh thái phù hợp với kích cỡ được thu nhỏ và số lượng các khu đổ hạ gỗ được tối ưu hóa để giảm thiểu xáo trộn tổng thể lên khu vực đất rừng, các khu này sau khi sử dụng xong có thể dùng để trồng mới cây rừng, đánh dấu bằng các gạch chéo; Khu vực quản lý ven sông được giữ ở mức tối thiểu; các điểm giao cắt dòng nước được đặt ở nơi ít gây xáo trộn nhất sinh thái nhất; cấu trúc dòng nước được sử dụng theo hướng dẫn áp dụng tại địa phương.</p> <p>Đánh giá tại lưu vực sông, cho thấy môi trường sống cho họ cá hồi và các loài thủy sản khác bị đe dọa và nguy cơ tuyệt chủng khác. Nếu cần, mật độ đường xá nên được cắt giảm trong các môi trường và / hoặc trong lưu vực sống như trên.</p> <p>Lập kế hoạch giao thông vận tải hợp tác với các cơ quan, như Hội đồng quản lý lưu vực sông, để giảm thiểu tác động tiêu cực tích lũy tại khu vực.</p> <p>Các cơ quan QLR nên thiết kế cống nước và thực thi biện pháp khác để đảm bảo môi trường sống cho cá, giúp duy trì hoặc tăng cường đa dạng sinh học của dòng, mặc dù có</p>		
--	---	--	--

<p>6.5.5. Qua việc tham khảo ý kiến chuyên gia phù hợp, các công ty QLR sẽ thi hành các chỉ dẫn bằng văn bản về việc Quản lý lưu vực sông (RMZ) để ngăn ngừa các tác động đến môi trường; chỉ dẫn này sẽ bao gồm việc bảo vệ và cải thiện chất lượng nước, điều kiện thủy văn trên sông và hành lang sông, đầm lầy, hồ đầy nước mùa xuân, khu vực rò rỉ nước, suối, ao, dải đất ven bờ hồ và các khu vực nước nhạy cảm khác. Các chỉ dẫn còn đề cập đến độ rộng của vùng đệm thực vật và các biện pháp khả thi giúp bảo vệ vùng đệm thực vật này.</p>	<p>Chỉ dẫn: Chuyên gia phù hợp có thể bao gồm những người làm trong thủy văn, địa chất, và các cơ quan lâm nghiệp nhà nước.</p> <p>Nội dung mục này tập trung vào dòng nước và bảo vệ chất lượng nước, cũng như các khu vực quản lý ven sông và các khu quản lý dòng chảy.</p> <p>Chiều rộng của vùng đệm thực vật RMZ có thể thay đổi tùy thuộc vào chiều rộng của dòng suối, sông, dòng chảy theo mùa, độ nhạy cảm của đất, số lượng cá và các động vật kích thước to lớn khác, các mục tiêu bảo vệ các lớp gỗ chết và các yếu tố khác.</p>		
<p><b>C6.6. Các hệ thống quản lý phải khuyến khích việc xây dựng và áp dụng các phương pháp kiểm soát dịch bệnh không sử dụng hoá chất và có lợi cho môi trường và tránh sử dụng thuốc trừ sâu. Không sử dụng những hoá phẩm 1A và 1B trong danh mục của Tổ chức y tế thế giới (WHO), các loại thuốc trừ sâu chứa hydrat cacbon chlorin, các loại thuốc trừ sâu khó phân hủy, độc hại hoặc có chứa những hoạt chất sinh học trong các chuỗi thức ăn, cũng như tất cả các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh khác bị cấm bởi các hiệp định quốc tế. Nếu sử dụng hoá chất khác thì phải có các trang thiết bị phù hợp và công nhân phải được đào tạo để giảm thiểu tối đa tác hại tới sức khỏe và môi trường.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>6.6.1. Việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học trên các đơn vị QLR chỉ được thực hiện trong khuôn khổ cho phép của chương trình quản lý dịch hại tổng hợp; thuốc trừ sâu chỉ được sử dụng khi các biện pháp phòng trừ khác không đem lại hiệu quả hoặc chi phí quá đắt.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quy định kỹ thuật lâm sinh được lựa chọn và thiết kế để giảm thiểu sự phụ thuộc thuốc trừ sâu hóa học.</li> <li>▪ Đơn vị QLR có thể đưa ra bằng chứng về việc cắt giảm hoặc loại bỏ việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học theo thời gian.</li> </ul>		
---	---	--	--

<p>6.6.2. Nếu sử dụng thuốc trừ sâu hóa học, các công ty QLR và các nhà thầu của mình có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Có một danh sách đầy đủ các thuốc trừ sâu hóa học được sử dụng;</li> <li>▪ Duy trì hồ sơ của tất cả các loại thuốc trừ sâu được sử dụng, bao gồm cả tên của sản phẩm, thành phần hoạt chất, địa điểm và phương pháp sử dụng, số lượng sử dụng, ngày, tháng của sử dụng;</li> <li>▪ Tuân thủ tất cả các quy định an toàn trong quá trình vận chuyển, thao tác sử dụng, và lưu trữ thuốc trừ sâu hóa học;</li> <li>▪ Khi có yêu cầu của pháp luật, nhân viên phải được cấp phép mới được sử dụng thuốc trừ sâu hóa học;</li> <li>▪ Sử dụng thiết bị và dụng cụ thích hợp để đảm bảo yêu cầu sử dụng an toàn;</li> <li>▪ Giám sát và đào tạo cho nhân viên và các nhà thầu liên quan về việc vận chuyển, lưu trữ, thao tác, và ứng dụng thuốc trừ sâu hóa học một cách đầy đủ.</li> </ul>			
---	--	--	--

<p>6.6.3. Các công ty QLR sẽ không sử dụng thuốc trừ sâu hóa học độc hại theo quy định của FSC (FSC-POL-30-601), các loại thuốc trừ sâu bị cấm trong nước, thuốc trừ sâu phân loại 1A hay 1B của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) hoặc thuốc trừ sâu có chứa các hydrocarbon hoặc clo. Trường hợp ngoại lệ xảy ra khi FSC chính thức cho phép công ty QLR sử dụng một sản phẩm thuốc trừ sâu nào đó trong một lãnh thổ nhất định. Trong trường hợp này, công ty QLR thực hiện theo các điều khoản về việc sử dụng đã phê duyệt.</p>	<p>Lưu ý: Xem FSC-GUI-30-001 để biết danh sách các hóa chất bị cấm của FSC.</p> <p>Trong trường hợp công ty QLR là người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận, nếu làm trái yêu cầu của mục này và mong muốn nộp đơn yêu cầu sử dụng thêm hóa chất nào đó, thay vì tiếp tục sử dụng hóa chất bị cấm, công ty có thể gửi yêu cầu của mình đến SCS trước khi được cấp chứng chỉ. Nếu FSC từ chối yêu cầu các công ty QLR sẽ không được phép sử dụng hóa chất bị cấm.</p>		
<p><b>C6.7. Những hoá chất, chai hộp đựng, chất thải lỏng và rắn vô cơ, kể cả nhiên liệu và dầu, được lưu giữ ở nơi an toàn đối với môi trường.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>6.7.1. Hóa chất, thùng chứa, các chất thải vô cơ lỏng và rắn được xử lý một cách thích hợp tùy theo môi trường và pháp lý tại vị trí rừng sử dụng, dù là hoạt động lâm nghiệp hay chế biến đi chăng nữa.</p>	<p>Xác minh: Tiêu chuẩn của Chính Phủ về bảo vệ môi trường của (dự thảo 9C).</p>		
<p>6.7.2. Cần thực hiện các nỗ lực để kiểm soát và giảm thiểu tất cả các loại chất thải trong rừng bao gồm cả rác thải do du khách những kẻ xâm phạm để lại.</p>			

6.7.3. Các công ty QLR sẽ thực hiện các kế hoạch và quy trình ngăn chặn, dọn dẹp sau sự cố tràn hoặc các tai nạn khác liên quan đến thuốc trừ sâu hóa học, dầu, nhiên liệu, và các hóa chất dự phòng khác.	Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Việc bảo trì xe và cửa được thực hiện nếu cần để ngăn chặn rò rỉ.</li> <li>▪ Công nhân được đào tạo về cách đối phó với một vụ tràn hóa chất.</li> </ul>		
<b>C6.8. Việc sử dụng các chế phẩm sinh học phải được tài liệu hoá, hạn chế và giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt phù hợp với luật pháp trong nước và các nghị định thư khoa học được chấp nhận trên thế giới.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
6.8.1. Không sử dụng sinh vật biến đổi gen tại đơn vị QLR.	<b>Lưu ý: Việc không tuân thủ quy định của mục này sẽ gây ra “Một thất bại lớn”, làm trì hoãn việc cấp chứng nhận cho công ty QLR cho đến khi các biện pháp sửa sai thích hợp được thực hiện.</b>		
6.8.2 Việc sử dụng các tác nhân khống chế sinh học được tiến hành trong khuôn khổ Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp bao gồm các tài liệu về việc cắt giảm, điều hành và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng này.	Xác minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Danh sách các tác nhân khống chế sinh học đã sử dụng trong vòng 2 năm trở lại đây (Dự thảo 9C)</li> <li>▪ Kế hoạch hoặc chỉ dẫn quản lý dịch hại tổng hợp</li> </ul>		
6.8.3. Chỉ sử dụng các tác nhân khống chế sinh học khi cần và tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu sử dụng do pháp luật hiện hành quy định			
<b>C6.9. Kiểm soát và giám sát chặt chẽ việc sử dụng các loài nhập nội để tránh những tác hại sinh thái.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>6.9.1. Loài ngoại lai (bao gồm cây cũng như các hệ thực vật và động vật khác) chỉ được đưa vào các đơn vị QLR sau khi các điều tra liên quan đến hoạt động hoặc kinh nghiệm sử dụng tại địa phương chứng minh rằng chúng không phải loài xâm lấn và điều này phải được chính phủ công nhận.</p>	<p>Lưu ý: Xem mục C6.3 để biết thông tin về việc kiểm soát các loài ngoại lai, xâm lấn. Việc sử dụng các kinh nghiệm thực tế tại địa phương để dẫn chứng cần có sự đồng thuận của các cơ quan chính phủ và các bên liên quan khác.</p> <p>Xem mục C6.10 để nắm được quá trình chuyển đổi rừng trồng.</p> <p>Xác minh: Nhập khẩu và xuất khẩu động vật, thực vật, nguồn gen và vi sinh vật được thực hiện bởi công ty QLR phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Tài liệu liên quan đến các sinh vật nhập khẩu / xuất khẩu trong 3 năm qua và việc ủy quyền phải được công ty QLR lưu trữ cẩn thận (Dự thảo 9C).</p>		
<p>6.9.2. Loài ngoại lai đã sử dụng phải được theo dõi để đánh giá tác động bất lợi đến tiềm năng sinh thái.</p>			
<p>6.9.3. Nếu phát hiện tác động tiêu cực lên hệ sinh thái, các biện pháp kiểm soát sẽ được thực hiện.</p>			
<p><b>C6.10. Không chuyển đất rừng tự nhiên thành rừng trồng hoặc vào mục đích sử dụng khác trừ những trường hợp sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phần chuyển đổi rất nhỏ so với tổng diện tích quản lý; và</li> <li>b) Phần chuyển đổi không thuộc những diện tích rừng có giá trị bảo tồn cao; và</li> <li>c) Việc chuyển đổi đó có tác dụng rõ ràng, đáng kể và lâu dài đối với công tác bảo tồn của đơn vị.</li> </ul>			

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
6.10.1. Các công ty QLR không được chuyển đổi rừng, các khu vực không có rừng khác sang rừng trồng hoặc sử dụng các khu đất không có rừng, trừ khi các chuyển đổi này phù hợp với các mục từ 6.10.2 đến 6.10.5.			
6.10.2. Diện tích rừng dành cho việc chuyển đổi (nếu có) không được vượt quá 5% của diện tích của 1 đơn vị QLR trong bất kỳ khoảng thời gian 5 năm nào và sự chuyển đổi này phải được nhận được ủng hộ của các cơ quan chính phủ có thẩm quyền và các đối tác xã hội và môi trường (Xem FSC-DIR-20-007 ).	Lưu ý: Các công ty QLR không được chuyển đổi rừng, các khu vực không có rừng khác sang rừng trồng hoặc sử dụng các khu đất không có rừng, trừ khi các chuyển đổi này phù hợp với các mục từ 6.10.2 đến 6.10.5. Việc xây dựng và bảo trì đường xá, xây dựng nơi đốn hạ gỗ, và thiết lập các trạm phát hiện cháy, hoặc các trạm an ninh không được gộp chung vào tính toán này. Thay vào đó, vị trí của các công trình trên cần tuân thủ các yêu cầu trong mục 6.1 và 6.5.		
6.10.3. Không được thực hiện chuyển đổi rừng tại các khu vực rừng có giá trị bảo tồn cao.	Khả năng áp dụng: Những khu vực không phải rừng bao gồm rừng trồng, công trình xây dựng, khu khai thác khoáng sản, khu chế biến, vv...		

<p>6.10.4. Rừng tự nhiên hoặc bán tự nhiên không được phép chuyển đổi sang rừng trồng. Các khu vực rừng bán tự nhiên bị suy thoái có thể được chuyển đổi sang rừng trồng phục hồi nhằm biến chúng thành rừng bán tự nhiên trở lại.</p>	<p>Khả năng ứng dụng: Áp dụng đối với việc chuyển đổi rừng tự nhiên hoặc bán tự nhiên sang rừng trồng có các loài bản địa và / hoặc ngoại lai.</p> <p>Chỉ dẫn: Quản lý trồng rừng phục hồi nên tập trung vào việc tái tạo lại được cấu trúc rừng tự nhiên và đa dạng loài.</p>		
<p>6.10.5) Các công ty QLR phải chỉ ra được những lợi ích bảo tồn lâu dài của việc chuyển đổi các diện tích rừng trong đơn vị QLR sang rừng trồng hoặc đất không có rừng.</p>	<p>Ví dụ: Việc lắp đặt một lò than cho phép tận dụng dư lượng gỗ nhỏ, có thể cải thiện điều kiện tái sinh của một số loài mang lại lợi ích thương mại.</p>		
<p>6.10.6. Các công ty QLR không tiến hành các hoạt động góp phần phá hủy hoặc thay đổi đáng kể rừng tự nhiên, hoặc các loại hệ sinh thái tự nhiên khác, tại các khu vực bên ngoài các đơn vị QLR được đánh giá.</p>	<p>Xem FSC-POL-01-004 : <i>Chính sách dành cho các Hiệp hội</i> để biết thêm thông tin và chi tiết tiêu chí 1.6.</p>		

#### NGUYÊN TẮC #7: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

Lập, thực hiện và cập nhật kế hoạch quản lý phù hợp với phạm vi và cường độ hoạt động lâm nghiệp. Đề cập cụ thể những mục tiêu quản lý dài hạn và biện pháp thực thi cụ thể.

<p><b>7.1. Kế hoạch quản lý và những văn bản liên quan phải thể hiện được:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Những mục tiêu quản lý.</li> <li>b) Mô tả những tài nguyên được quản lý, những hạn chế về môi trường, hiện trạng sở hữu và sử dụng đất, điều kiện kinh tế xã hội, và tình hình vùng xung quanh.</li> <li>c) Mô tả hệ thống quản lý lâm sinh và/hoặc những hệ thống khác trên cơ sở sinh thái của khu rừng và thu thập thông tin thông qua điều tra tài nguyên.</li> <li>d) Cơ sở của việc định mức khai thác rừng hàng năm và việc chọn loài.</li> <li>e) Các nội dung quan sát về sinh trưởng và động thái của rừng.</li> <li>f) Sự an toàn môi trường trên cơ sở những đánh giá về môi trường.</li> <li>g) Những kế hoạch nhận dạng và bảo vệ các loài quý hiếm nguy cấp.</li> <li>h) Những bản đồ mô tả tài nguyên rừng kể cả các khu vực được bảo vệ, những hoạt động trong kế hoạch, và sở hữu đất.</li> <li>i) Mô tả và biện luận về kỹ thuật khai thác và những thiết bị sử dụng.</li> </ul>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
7.1.1. Công ty QLR phải có một kế hoạch quản lý rừng hợp lệ (FMP) theo luật pháp quốc gia và một mô tả bằng văn bản các mục tiêu quản lý (a, e). Nội dung của kế hoạch quản lý rừng sẽ giải quyết các phần còn lại đề cập trong mục C7.1.	Lưu ý về tiêu chí 7.1: Một kế hoạch quản lý có thể bao gồm một loạt các tài liệu, bao gồm cả dữ liệu được lưu trữ dưới dạng số liệu, nhưng tốt nhất là nên có một tài liệu bao quát nêu rõ các phần được đề cập tiêu chí này.		
7.1.2. Một mô tả khái quát về việc sử dụng đất và lịch sử quyền sở hữu của đơn vị QLR và các vùng lân cận, tất cả các quyền của các bên khác áp dụng với các tài nguyên trên đơn vị QLR và bối cảnh kinh tế - xã hội tác động lên việc quản lý.			
7.1.3. Mô tả các khía cạnh vật lý của khu vực quản lý rừng (ví dụ như tính năng của địa hình, địa mạo, địa chất, thủy văn, đất, loài cây, thực vật, vv...)			

<p>7.1.4. Một mô tả tài nguyên rừng bao gồm cả diện tích, loại khu vực / loại rừng, loại đất, loài, phân bố theo lớp tuổi, chiều cao, vị trí, đường kính trung bình (dbh) và khối lượng.</p>			
<p>7.1.5. Các đề xuất và thủ tục quản lý của hệ thống lâm sinh cần được nêu rõ, bao gồm một mô tả và dẫn chứng về hệ thống quản lý và cơ chế lựa chọn loài, hệ thống lâm sinh và cách thức các hệ thống này đáp ứng được các yêu cầu của mục C5.6 qua các chu kỳ liên tục.</p>	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Tiêu chí lựa chọn của các cây được trích xuất.</li> <li>■ Các phương pháp đánh dấu các cây được trích xuất.</li> <li>■ Phương pháp công nhận tái sinh;</li> <li>■ Chi tiết thông tin các nhóm nhân viên chịu trách nhiệm quá trình hoạt động / can thiệp đang được tiến hành.</li> <li>■ Bản tóm tắt tổng diện tích rừng bao gồm tổng diện tích (ha), tỷ lệ che phủ rừng, diện tích của loại khu vực / loại rừng, phân bố lớp tuổi, sự lớn lên hàng năm và khối lượng trung bình cho mỗi ha diện tích.</li> </ul>		
<p>7.1.6. Thủ tục giám sát chiếu theo mục C8.2.</p>	<p>Lưu ý: Thủ tục giám sát có thể được mở rộng tùy theo quy mô và cường độ hoạt động.</p>		
<p>7.1.7. Mô tả các biện pháp để hạn chế hoặc giảm thiểu các rủi ro, các tác động môi trường tiêu cực.</p>	<p>Lưu ý: Mục này có thể bao gồm việc tuân thủ tiêu chuẩn của Quy trình quản lý rừng tốt nhất (BMP), các biện pháp phòng cháy chữa cháy, chỉ dẫn cho thu hoạch, vv...</p>		

<p>7.1.8. Mô tả chung về các biện pháp duy trì các khu bảo tồn; các loài RTE và môi trường sống của chúng, dịch vụ rừng (mục C5.5); và tài nguyên rừng có Giá trị bảo tồn cao cùng các biện pháp để duy trì / nâng cao các tài nguyên này.</p>			
<p>7.1.9. Bản đồ mô tả tài nguyên rừng bao gồm cả các khu bảo tồn, các hoạt động quản lý quy hoạch và quyền sở hữu.</p>	<p>Chỉ dẫn: Bản đồ nên có đầy đủ chi tiết các hoạt động quản lý định hướng và phòng tránh những tác động xấu đến môi trường.</p>		
<p>7.1.10. Mô tả và lý giải kỹ thuật thu hoạch và thiết bị sử dụng.</p>			
<p><i>Đối với các đơn vị QLR đáp ứng được yêu cầu đặt ra cho rừng QLQMN&amp;KTT, chỉ có các chỉ số sau đây của tiêu chuẩn này được áp dụng, các chỉ số này không được áp dụng để đánh giá hoạt động của các khu vực không phải rừng QLQMN&amp;KTT:</i></p>	<p>Chỉ dẫn: Mục này áp dụng cho cả rừng QLQMN&amp;KTT có cường độ thấp và nhỏ .</p>		

<p>7.1.11. Kế hoạch quản lý bằng văn bản bao gồm ít nhất các mục như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Mục tiêu quản lý;</li> <li>b) Mô tả về rừng;</li> <li>c) Cách thức đạt được các mục tiêu đã đề ra, phương pháp thu hoạch lâm nghiệp (thu hoạch rõ ràng, có chọn lọc, thu hoạch thưa) để đảm bảo tính bền vững;</li> <li>d) Giới hạn khai thác bền vững ( phải phù hợp với tiêu chí FSC 5.6);</li> <li>e) Tác động môi trường / xã hội của kế hoạch;</li> <li>f) Bảo tồn các loài quý hiếm và các loài có giá trị bảo tồn cao;</li> <li>g) Bản đồ rừng, chỉ rõ khu bảo tồn, kế hoạch quản lý, quyền sở hữu đất đai; và,</li> <li>h) Thời gian của kế hoạch.</li> </ul>			
<p><b>C7.2. Kế hoạch quản lý rừng được định kỳ điều chỉnh trên cơ sở những kết quả khảo sát đo đếm và những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, cũng như để thích ứng với những thay đổi về môi trường và kinh tế-xã hội.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>7.2.1. Sửa đổi hoặc điều chỉnh các kế hoạch quản lý rừng và / hoặc các tài liệu hỗ trợ cần được tiến hành kịp thời, với thời gian sửa đổi không quá 10 năm.</p>			

7.2.2. Các công ty QLR có trách nhiệm tổng hợp kết quả giám sát hoặc thông tin khoa học, kỹ thuật mới (thí dụ, điều kiện môi trường, xã hội, kinh tế và kỹ thuật lâm nghiệp) khi sửa đổi hoặc điều chỉnh các kế hoạch quản lý rừng, phù hợp với quy mô và cường độ của các hoạt động.			
7.2.3. Kế hoạch quản lý rừng sửa đổi được thực hiện theo luật định của nhà nước.			
<b>C7.3. Tổ chức đào tạo thích hợp cho công nhân lâm nghiệp và giám sát họ để đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch quản lý.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
7.3.1. Người lao động có đủ điều kiện để thực hiện đúng theo các kế hoạch quản lý rừng, tất cả các công nhân lâm nghiệp phải được hướng dẫn và giám sát thực hiện đầy đủ các nội dung tương ứng trong kế hoạch quản lý rừng.	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Kế hoạch kế hoạch quản lý rừng, kế hoạch khai thác và các hoạt động khác phải được công bố rộng rãi nhân viên thực hành trong công việc hàng ngày.</li> <li>▪ Phỏng vấn nhân viên công ty QLR</li> <li>▪ Hồ sơ đào tạo Nhân viên và nhà thầu đánh giá Quan sát của nhân viên giám sát tại thực địa</li> </ul>		

<p>7.3.2. Đối với Các công ty QLR lớn: Phải có tài liệu quy định công nhân lâm nghiệp (bao gồm cả nhà thầu) được huấn luyện để thực hiện kế hoạch quản lý rừng.</p>	<p>Ví dụ: Việc đào tạo thực hiện kế hoạch quản lý rừng bao gồm các kỹ thuật chặt hạ thích hợp, bảo trì máy cưa, xác định hệ động thực vật, các biện pháp khẩn cấp, giấy phép hoạt động quốc gia/địa phương hoặc chứng chỉ hành nghề lâm nghiệp, khai thác gỗ, vv...</p>		
<p>7.3.4. Cần cập nhật hồ sơ các khóa đào tạo về việc thực hiện các kế hoạch quản lý rừng cho mỗi công nhân lâm nghiệp.</p>			
<p>7.3.5. Các công ty QLR phải chứng minh được sự tuân thủ và thực hiện các kế hoạch quản lý rừng trong khu vực hoạt động.</p>	<p>Chỉ dẫn: Quy định thu hoạch được thực hiện theo kế hoạch. Các thay đổi nhỏ trong kế hoạch hoạt động phải phù hợp với việc bảo tồn và khả năng tồn tại lâu dài của các nguồn tài nguyên rừng.</p>		
<p><b>C7.4. Trong khi vẫn tuân thủ quy định về giữ bí mật thông tin, những nhà quản lý rừng phải thông báo rộng rãi bản tóm tắt những điểm cơ bản của kế hoạch quản lý, kể cả những điểm nói ở Tiêu chí 7.1.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>7.4.1. Nhằm tôn trọng sự bảo mật riêng tư của chủ đất, kế hoạch quản lý rừng hoặc một bản tóm tắt của kế hoạch này phải chỉ ra các yếu tố được mô tả trong Tiêu chuẩn 7.1 được công bố rộng rãi cho công chúng miễn phí hoặc tốn phí không đáng kể.</p>	<p>Chỉ dẫn: Xem Tiêu chuẩn 8,5 để biết thêm thông tin về việc tôn trọng sự bảo mật riêng tư của chủ đất và để biết một bản tóm tắt chung cần bao gồm những điểm gì. Một số phần giới hạn kế hoạch có thể không được nêu ra để bảo vệ an toàn cho các nguồn tin nhạy cảm với môi trường.</p> <p>Nếu được, các công ty QLR cần đăng một bản tóm tắt kế hoạch quản lý trên trang web của họ, nhưng ít nhất thì tóm tắt cần được công bố rộng rãi khi có yêu cầu.</p>		
<p>7.4.2. Các công ty QLR sẽ cập nhật các bản tóm tắt kế hoạch quản lý rừng chung hoặc ít nhất là đề cập chúng trong các phiên bản đầy đủ của kế hoạch quản lý rừng.</p>			

## NGUYÊN TẮC #8: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Thực hiện kiểm tra và đánh giá, tương ứng với quy mô và cường độ của hoạt động quản lý rừng, để đánh giá hiện trạng rừng, sản lượng lâm sản, chuỗi hành trình sản phẩm, các hoạt động quản lý rừng và những tác động môi trường và xã hội của những hoạt động đó.

**C8.1. Tần số và cường độ kiểm tra tương ứng với mức độ và cường độ các hoạt động quản lý rừng cũng như mức độ phức tạp và tính dễ bị tổn thương của môi trường bị tác động. Các thủ tục kiểm tra phải nhất quán và được thay thế theo thời gian để có thể so sánh những kết quả và đánh giá được những thay đổi.**

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>8.1.1. Tùy theo quy mô và cường độ của các hoạt động, các công ty QLR chịu trách nhiệm tiến hành các quy trình phù hợp, có thể nhân rộng đối với các yếu tố được đề cập trong mục C8.2 và chuỗi hành trình sản phẩm(mục C8.3).</p>	<p>Lưu ý áp dụng: Trường hợp các chỉ số tham chiếu chéo với các tiêu chí của rừng QLQMN&amp;KTT, các chỉ mục, giao thức giám sát có thể phù hợp với yêu cầu về rừng QLQMN&amp;KTT do các tiêu chí đó quy định.</p>		
<p>8.1.2. Các công ty QLR sẽ chứng minh rằng các giao thức giám sát đã được thực hiện nhất quán theo thời gian.</p>	<p>Xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hồ sơ theo dõi, báo cáo</li> <li>▪ Nhật ký ghi chép, sổ thông tin gỗ đốn hạ</li> <li>▪ Phân tích số liệu</li> <li>▪ Cuộc phỏng vấn với nhân viên công ty QLR và các bên liên quan, đặc biệt là tại rừng QLQMN&amp;KTT</li> </ul>		
<p><b>C8.2. Hoạt động quản lý rừng bao gồm cả việc nghiên cứu và thu thập các thông tin cần thiết cho kiểm tra , ở mức độ tối thiểu, những chỉ mục sau đây:</b></p> <p><b>a) Sản lượng của tất cả các lâm sản đã được khai thác.</b></p> <p><b>b) Tốc độ tăng trưởng, tái sinh và tình trạng của rừng.</b></p> <p><b>c) Thành phần và những thay đổi quan sát được trong giới thực vật và động vật.</b></p> <p><b>d) Những tác động về môi trường và xã hội do hoạt động khai thác và những hoạt động khác gây ra.</b></p> <p><b>e) Chi phí, năng suất và hiệu quả của hoạt động quản lý rừng.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>

<p>8.2.1. Công ty QLR phải ghi lại sản lượng của tất cả lâm sản đã được khai thác (a).</p>	<p>Lưu ý áp dụng: Trường hợp các chỉ số tham chiếu chéo với các tiêu chí của rừng QLQMN&amp;KTT, các chỉ mục, giao thức giám sát có thể phù hợp với yêu cầu về rừng QLQMN&amp;KTT do các tiêu chí đó quy định. Có thể sử dụng các hướng dẫn kỹ thuật áp dụng trên toàn quốc hoặc các quy định cho mục C8.2 (Dự thảo 9C).</p>		
<p>8.2.2. Công ty QLR phải đảm bảo thực hiện các phương thức giám sát được phát hiện các thay đổi trong tốc độ tăng trưởng, tái sinh, thành phần loài, các nhóm tuổi của tài nguyên rừng (b, c).</p>			
<p>8.2.3. Công ty QLR phải đảm bảo thực hiện các phương thức giám sát để phát hiện những thay đổi môi trường ảnh hưởng đến hệ động thực vật, đất, nguồn nước, và các khu vực được bảo vệ và có giá trị bảo tồn cao (c, d).</p>	<p>Ví dụ: Quá trình xói mòn, hệ thống đường bộ, bùng phát dịch hại, các loài xâm lấn, động vật hoang dã, cá, loài quý hiếm – bị đe dọa – nguy cấp, các loài thú săn, vv...</p>		
<p>8.2.4. Công ty QLR phải đảm bảo rằng phương thức giám sát này được thực hiện đúng theo yêu cầu ở mục C4.2 và C4.4.FME.</p>			
<p>8.2.5. Công ty QLR phải đảm bảo rằng các phương thức giám sát được thực hiện giúp theo dõi chi phí, năng suất và tính hiệu quả của hoạt động quản lý.</p>			

**C8.3. Chủ rừng cung cấp tài liệu để các cơ quan kiểm tra và cấp chứng chỉ có thể theo dõi từng loại lâm sản từ nơi xuất phát thông qua một quy trình gọi là “chuỗi hành trình sản phẩm”.**

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
-------------	----------------------------	---------------------------	---------------------------------------

<p>8.3.1. Các công ty QLR phải có văn bản thủ tục về việc theo dõi các sản phẩm được chứng nhận, còn được gọi là "Chuỗi hành trình sản phẩm" (COC). Ít nhất, quy trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Các biện pháp kiểm soát và theo dõi các dữ liệu liên quan đến khối lượng và nguồn gốc lâm sản khai thác (ví dụ, trọng lượng, hàng tồn kho, và các phép đo khác) trong rừng, trong khu đồn hạ và trong các khu chế biến do công ty quản lý;</li> <li>■ Mô tả về các nhóm sản phẩm FSC (ví dụ, FSC-100%) và mã chứng chỉ của công ty QLR (ví dụ, SCS-FM/COC-XXXXXX) trên hoá đơn và các tài liệu khác liên quan đến việc bán các sản phẩm được chứng nhận; và</li> <li>■ Mô tả về các biện pháp sử dụng để phân biệt các lâm sản được chứng nhận và lâm sản không được chứng nhận thông qua đánh dấu, dán nhãn, lưu trữ riêng biệt, và các hóa đơn hoặc tài liệu khác đi kèm với sản phẩm đến các điểm tiêu thụ, hoặc "cửa rừng."</li> </ul>	<p>Lưu ý áp dụng: Trong khi đánh giá xem hoạt động quản lý rừng có phù hợp với mục 8.3.1 hay không, kiểm toán viên SCS cũng phải hoàn thành kiểm tra <i>chuỗi hành trình sản phẩm SCS của các Công ty quản lý rừng</i>.</p>		
---	---	--	--

8.3.2. Các công ty QLR sẽ thực hiện nhất quán các thủ tục về chuỗi hành trình sản phẩm quy định tại mục 8.3.1.			
8.3.3. Nếu công ty QLR muốn sử dụng logo và / hoặc nhãn hiệu của FSC hoặc SCS trên sản phẩm của mình hay trong các ấn phẩm, bao gồm cả các trang web, công ty phải xin phép SCS trước.			
<b>C8.4. Những kết quả kiểm tra được sử dụng để thực thi và điều chỉnh kế hoạch quản lý.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
8.4.1. Các công ty QLR có trách nhiệm tổng hợp kết quả giám sát trong mục C8.2 vào việc rà soát các kế hoạch quản lý rừng.			
8.4.2. Trường hợp kết quả giám sát cho thấy mục tiêu quản lý không đạt được, công ty QLR sẽ điều chỉnh việc thực hiện các kế hoạch quản lý của mình.			
<b>C8.5. Trong khi vẫn tuân thủ quy định về giữ bí mật thông tin, những nhà quản lý rừng phải thông báo công khai bản tóm tắt kết quả kiểm tra đánh giá các chỉ mục, kể cả các chỉ mục đề cập tại tiêu chí 8.2.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>8.5.1. Trong quá trình bảo vệ tính bảo mật của công ty QLR, kết quả giám sát đầy đủ hoặc một bản tóm tắt cập nhật các thông tin giám sát gần nhất sẽ được duy trì, bao gồm mục được liệt kê trong Tiêu chí 8.2, các thông tin này phải được công bố rộng rãi cho công chúng miễn phí hoặc tốn phí không đáng kể.</p>	<p>Chỉ dẫn: Thông tin bảo mật được trình bày theo một cách nào đó không để lộ dữ liệu thông tin bí mật, bao gồm cả dữ liệu về sản xuất, hàng tồn kho, tăng trưởng, chi phí, và các thông tin khác mang lại lợi thế cạnh tranh và độc quyền trong thực tế. Thông tin này có thể được thể hiện trong phần tóm tắt xu hướng, tỷ lệ phần trăm, hay về mối quan hệ của công ty với các mục tiêu và giới hạn được nêu ra trong kế hoạch quản lý rừng.</p>		
<p>8.5.2. Các công ty QLR sẽ cập nhật các bản tóm tắt kế hoạch quản lý rừng chung hoặc ít nhất là đề cập chúng trong các phiên bản đầy đủ của kế hoạch quản lý rừng.</p>			

### NGUYÊN TẮC #9: DUY TRÌ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

Các hoạt động quản lý rừng ở các khu rừng có giá trị bảo tồn cao có tác dụng duy trì hoặc tăng cường các thuộc tính của những khu rừng đó. Những quyết định liên quan đến các khu rừng có giá trị bảo tồn cao luôn được cân nhắc cẩn thận trên cơ sở một giải pháp phòng ngừa.

#### C9.1. Chủ rừng thực hiện khảo sát để xác định sự hiện hữu của các thuộc tính của những khu rừng có giá trị bảo tồn cao phù hợp với quy mô và cường độ quản lý rừng.

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>9.1.1. Các công ty QLR sẽ tiến hành đánh giá xác định các thuộc tính mang Giá Trị Bảo Tồn Cao (HCV) hiện có trong các đơn vị QLR. Đánh giá này ít nhất phải bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Tham khảo bản đồ và ý kiến của cơ sở bảo tồn dữ liệu khu vực và quốc gia;</li> <li>■ Tham khảo bộ công cụ HCVF quốc gia nếu có, phần đầu và phần thứ 3 trong bộ công cụ quốc tế xác định các giá trị HCV (xem thông tin về bộ công cụ HCVF do WWF cung cấp);</li> <li>■ Xem xét các dữ liệu điều tra rừng và quan sát công nhân tại thực địa, nhà thầu hoặc tư vấn viên của công ty QLR;</li> <li>■ Các cuộc phỏng vấn với các nhà sinh vật học và chuyên gia khoa học, cộng đồng địa phương, và các bên liên quan khác;</li> <li>■ Tài liệu nhận biết các mối đe dọa có thể ảnh hưởng đến các HCV.</li> </ul>	<p>Sự hiện diện hay vắng mặt của sáu loại giá trị HCV phải được ghi chép trong các đánh giá giá trị HCV cho cả Các công ty QLR lớn và các rừng QLQMN&amp;KTT.</p> <p>HCV 1. Rừng chưa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực, toàn cầu (ví dụ, tính đặc hữu, các loài nguy cấp, nơi sinh).</p> <p>HCV 2. Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những mẫu chuẩn tự nhiên</p> <p>HCV 3. Rừng thuộc về hoặc bao gồm những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp.</p> <p>HCV 4. Rừng cung cấp các dịch vụ cơ bản của tự nhiên trong những tình huống quan trọng (ví dụ như, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn)</p> <p>HCV 5. Diện tích rừng cơ bản để đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ như sinh hoạt, y tế).</p> <p>HCV 6. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hoá truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn</p>		
---	---	--	--

	hóa, sinh thái, kinh tế, tôn giáo được xác định trong các cộng đồng địa phương).		
<p>9.1.2. Các công ty QLR phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Cung cấp một văn bản thẩm định các giá trị HCV bao gồm các yếu tố đề cập trong mục 9.1.1 và các đề xuất để bảo vệ các giá trị HCV;</li> <li>■ Cung cấp thông tin giải thích kỹ thuật giúp xác định các giá trị HCV và các khuyến nghị để bảo vệ những thuộc tính này, và</li> <li>■ Chứng minh rằng công ty đang có nhiều động thái để bảo vệ và / hoặc làm giảm mối đe dọa đến các giá trị HCV, xuất phát từ hoạt động quản lý của công ty QLR.</li> </ul>			
<p><i>Đối với các đơn vị QLR đáp ứng được yêu cầu đặt ra cho rừng QLQMN&amp;KTT, chỉ có các chỉ số sau đây của tiêu chuẩn này được áp dụng, các chỉ số này không được áp dụng để đánh giá hoạt động của các khu vực không phải rừng QLQMN&amp;KTT:</i></p>			

<p>9.1.3. Các công ty QLR sẽ tham khảo ý kiến các bên liên quan trong lĩnh vực môi trường, các cơ sở dữ liệu, các quan chức chính phủ hoặc các nhà nghiên cứu để xác định các giá trị HCV. Với các giá trị HCV đã xác định được, công ty QLR phải có các hành động hợp lý để bảo vệ những giá trị và / hoặc làm giảm mỗi đe dọa lên các giá trị này.</p>			
<p>9.1.4. Các công ty QLR tham khảo bộ công cụ HCVF quốc gia nếu có, phần đầu và phần thứ 3 trong bộ công cụ quốc tế để xác định các giá trị HCV (xem chú thích cho Các công ty QLR lớn tại mục 9.1.1).</p>	<p>Lưu ý áp dụng: chỉ áp dụng cho mục 9.1.1</p>		
<p><b>C9.2. Tiến trình cấp chứng chỉ phải nhấn mạnh đến việc tham khảo ý kiến của các bên về các giá trị bảo tồn đã được xác định và các giải pháp để duy trì các giá trị đó.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>9.2.1. Kết quả tham vấn các bên liên quan về các giá trị HCV sẽ quy định cụ thể rõ ràng các giá trị bảo tồn đã được xác định, cũng như các chiến lược được đề xuất để bảo tồn, nâng cao hoặc giảm các mối đe dọa lên các giá trị này. Các công ty QLR lớn phải lưu trữ lại tham vấn này.</p>			

9.2.2. Các công ty QLR phải duy trì một danh sách tất cả các bên liên quan thích hợp có thể phỏng vấn về các vấn đề liên quan đến bộ ccoong cụ HCVF.			
9.2.3. Kết quả tham vấn các bên liên quan phải chứng minh được công ty QLR luôn xem xét và bảo vệ khu vực có chứa các giá trị HCV.			
<b>C9.3. Trong kế hoạch quản lý có các biện pháp đảm bảo duy trì và/hoặc nâng cao các thuộc tính bảo tồn hiện hành phù hợp với phương pháp phòng ngừa có hiệu quả. Các giải pháp này được chỉ rõ trong phần tóm tắt kế hoạch quản lý để thông báo công khai.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
9.3.1. Các công ty QLR, trong kế hoạch quản lý và bản tóm tắt công khai của mình, sẽ mô tả các giá trị bảo tồn của từng khu vực có giá trị HCV được tìm thấy trong các đơn vị QLR, cũng như các hành động để duy trì và / hoặc nâng cao các giá trị, phù hợp với luật pháp và quy định quốc gia sở tại và chính sách FSC (Dự thảo 9C).			
9.3.1. Các công ty QLR sẽ cập nhật các bản tóm tắt về các giá trị HCV ít nhất là tái thẩm định các giá trị HCV thực hiện theo quy định tại mục 9.4.4.			

<p>9.3.3. Các công ty QLR sẽ cung cấp bằng chứng tại thực địa chỉ chứng minh công ty đã thực hiện các biện pháp để duy trì và / hoặc làm tăng các giá trị HCV với cách tiếp cận thận trọng nhất.</p>			
<p><b>C9.4. Chủ rừng thực hiện kiểm tra đánh giá hàng năm về hiệu quả của các giải pháp được áp dụng để duy trì hoặc tăng cường các thuộc tính bảo tồn hiện hành.</b></p>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
<p>9.4.1. Chỉ số giám sát đo lường được, bao gồm cả định tính và định lượng, được phát triển và trình bày trong phần thông tin về các giá trị HCV trong bản kế hoạch quản lý rừng.</p>	<p>Ví dụ: Công ty QLR phải có các chỉ số định lượng để theo dõi các hoạt động trái phép trong các khu rừng có các giá trị bảo tồn cao (HCVF) không được quản lý, bảo vệ, chẳng hạn như tìm kiếm bằng chứng về sự xâm nhập (khai thác bất hợp pháp, những con đường mòn / đường trái phép, phá hoại, vv...).</p> <p>Chỉ dẫn: Các chỉ số giám sát đo lường nên tập trung vào các mối đe dọa đối với các giá trị HCV, cũng như các biện pháp để duy trì hoặc tăng cường chúng.</p>		

<p>9.4.2. Tùy theo quy mô và cường độ hoạt động, việc giám sát hàng năm hoặc định kỳ được thực hiện, tập trung đánh giá hiệu quả quản lý các giá trị HCV và các biện pháp bảo vệ duy trì và / hoặc tăng cường các thuộc tính bảo tồn thích hợp theo quy định trong mục 9.4.1.</p>	<p>Chỉ dẫn dành cho rừng QLQMN&amp;KTT: Việc giám sát có thể không cần phải tổ chức trang trọng nhưng phải đủ hiệu quả để phát hiện bất kỳ mối đe dọa nào đến các giá trị HCV. Khi mối đe dọa được phát hiện, hoạt động giám sát có thể tăng theo tần số cho đến khi mối đe dọa được giảm bớt.</p>		
<p>9.4.3. Kết quả giám sát các giá trị HCV được sử dụng để tiến hành các sửa đổi thích hợp các chính sách quản lý và bảo vệ các giá trị này, cũng như rà soát lại các kế hoạch quản lý rừng.</p>			
<p>9.4.4. Việc đánh giá các giá trị HCV được lặp lại mỗi 10-15 năm 1 lần để đảm bảo phát hiện ra tất cả các giá trị HCV mới và kiểm tra xem các giá trị HCV xác định trước đó có được duy trì và / hoặc tăng cường trong thời gian dài hay không.</p>			

#### NGUYÊN TẮC # 10: RỪNG TRỒNG

Rừng trồng được quy hoạch và quản lý phù hợp với các Nguyên tắc và Tiêu chí từ 1 đến 9 và Nguyên tắc 10 và các tiêu chí của nó. Mặc dù rừng trồng có thể đem lại các lợi ích về kinh tế và xã hội và đáp ứng được các nhu cầu về lâm sản của thế giới, nhưng những rừng trồng đó cũng phải góp phần tạo điều kiện cho việc quản lý tốt các khu rừng tự nhiên, làm giảm áp lực lên rừng tự nhiên, giúp phục hồi và bảo tồn rừng tự nhiên.

**C10.1. Những mục tiêu quản lý của rừng trồng, kể cả những mục tiêu bảo tồn và phục hồi rừng tự nhiên, được ghi rõ trong kế hoạch quản lý và phải được thể hiện rõ trong việc thực hiện kế hoạch.**

Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
10.1.1. Kế hoạch quản lý rừng và quy hoạch sử dụng đất để trồng rừng được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền (Dự thảo 9C), bao gồm các mục tiêu lâm nghiệp, kinh tế xã hội, cũng như các mục tiêu bảo tồn và phục hồi rừng tự nhiên.			
10.1.2. Công ty QLR phải nêu bằng chứng xác minh việc thực hiện các mục tiêu được xác định trong mục 10.1.1 và các chính sách liên quan của công ty trong các hoạt động quản lý rừng và / hoặc hoạt động hành chính.			
<b>C10.2. Việc thiết kế và bố trí rừng trồng phải có tác dụng thúc đẩy bảo vệ, phục hồi và bảo tồn rừng tự nhiên và không làm tăng áp lực lên rừng tự nhiên. Trong việc bố trí rừng trồng có giảnh ra các hành lang bảo vệ những động vật hoang dã, các vùng cận sông suối và các đám rừng rải rác có tuổi và chu kỳ khác nhau phù hợp với quy mô hoạt động trồng rừng. Quy mô và cách bố trí các khoảnh rừng trồng phù hợp với kiểu cấu trúc các lâm phần rừng như thấy trong phạm vi cảnh quan tự nhiên.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
10.2.1. Quy mô và cách bố trí của các rừng trồng hiện có và rừng trồng mới phù hợp với mô hình rừng trong điều kiện cảnh quan thiên nhiên.			

10.2.2. Các công ty QLR sẽ xây dựng các khu rừng trồng bao gồm các cây rừng đa dạng về nhóm tuổi và thời gian luân chuyển.			
10.2.3. Các công ty QLR xác định và bảo tồn tất cả các khu vực thảm thực vật tự nhiên trong các đơn vị QLR.			
10.2.4. Các công ty QLR bảo vệ, duy trì và tăng cường hành lang thực vật tự nhiên và động vật hoang dã phù hợp với tiêu chí 6.3.			
10.2.5 Vùng đệm thảm thực vật tự nhiên được duy trì hoặc thành lập dọc các nguồn nước theo quy định trong mục C6.5.			
<b>C10.3. Cấu trúc của rừng trồng nên đa dạng để tăng cường tính bền vững về kinh tế, sinh thái và xã hội. Sự đa dạng này có thể bao gồm quy mô, phân bố về không gian của các đơn vị quản lý trong phạm vi cảnh quan, số lượng và thành phần về loài, cấp tuổi và cấu trúc.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
10.3.1. Các công ty QLR sẽ sử dụng đa dạng các loài, xuất xứ, và / hoặc các dòng vô tính để đạt được sự ổn định kinh tế, sinh thái và xã hội tối ưu.			

<p>10.3.2. Các công ty QLR sẽ tạo lập tính đa dạng tại các khu rừng trồng đã được thiết lập hoặc các khu rừng trồng mới phù hợp với yêu cầu của các mục 10.2.2 và 10.3.1, thông qua các hoạt động như: chia khu vực rừng thành các khu nhỏ hơn có kích thước và hình dạng khác nhau, duy trì các cây con mọc tự nhiên và các thành phần cấu trúc khác trong khu rừng trồng.</p>	<p>Lưu ý: Thành phần cấu trúc khác có thể bao gồm thực vật không cạnh tranh tự nhiên, gốc cây gãy và gỗ chết.</p> <p>Hướng dẫn: Trong trường hợp một dải rừng đồng tuổi liền kề nhau được thành lập trong một đơn vị cảnh quan (ví dụ như trong lưu vực), các công ty QLR cần thực hiện các biện pháp tăng cường tính đa dạng cho dải rừng này theo với yêu cầu tại các mục 10.2.2. và / hoặc 10.3.1.</p> <p>Việc đưa vào sử dụng các biện pháp tăng cường tính đa dạng sẽ giúp giới hạn và giảm thiểu tác động môi trường tiêu cực tích lũy trong hoạt động quản lý rừng trồng.</p> <p>Định nghĩa: Một dải rừng đồng tuổi liền kề nhau có diện tích dao động từ 25 ha đến hơn 100 ha.</p> <p>Kích thước cũng có thể phụ thuộc vào quy mô của các nguồn tài nguyên rừng được quản lý. Ví dụ, các khu rừng trồng phục vụ sản xuất lâm sản ngoài gỗ hoặc dùng để làm dải rừng đồng tuổi liền kề thường có diện tích nhỏ hơn.</p>		
---	--	--	--

10.3.3 Các khu rừng trồng hỗn hợp nhiều loài được thiết lập trên ít nhất 10 % diện tích sản xuất phù hợp tại các đơn vị QLR.	Được quy định trong Dự thảo 9C. Lưu ý áp dụng: Không áp dụng cho rừng QLQMN&KTT.		
<b>C10.4. Lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa và các mục tiêu quản lý. Để tăng cường bảo tồn tính đa dạng sinh học, ưu tiên chọn các loài cây bản địa để trồng rừng và phục hồi những khu rừng đã thoái hoá. Chỉ trồng những loài cây nhập nội có năng suất cao hơn những loài bản địa, trong trường hợp này phải theo dõi cẩn thận để phát hiện ra tình trạng cây chết bất thường, sâu, bệnh và những tác động tiêu cực đối với môi trường sinh thái.</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
10.4.1. Các loài cây trồng trong khu vực được lựa chọn dựa theo điều kiện thực địa (loại đất, địa hình và khí hậu) và mục tiêu quản lý.			
10.4.2. Đối với việc chọn lựa các loài ngoại lai, các công ty QLR sẽ chứng minh rõ ràng rằng các loài này sẽ cho năng suất cao hơn so với các loài bản địa.			
10.4.3. Không được trồng bất kỳ loài nào trên quy mô lớn cho đến khi các thí nghiệm tại địa phương và / hoặc các kinh nghiệm chỉ ra rằng các loài này đang thích nghi tốt với hệ sinh thái khu vực và những đặc tính xâm lấn, nếu có, có thể được kiểm soát.			

<p>10.4.4. Khi đưa vào sử dụng các loài ngoại lai, các biện pháp cụ thể ngăn chặn sự tái sinh tự nhiên bên ngoài khu vực trồng rừng, tỷ lệ tử vong bất thường, bệnh tật, dịch côn trùng, các ảnh hưởng xấu khác đến môi trường cần được ghi chép cẩn thận.</p>			
<p>10.4.5. Các công ty QLR phải duy trì hồ sơ chứng minh nguồn gốc của hạt giống, các dòng vô tính, xuất xứ, lai lịch hoặc các loài thực vật khác được sử dụng trong khu vực rừng trồng.</p>			
<p><b>C10.5. Giành một tỷ lệ diện tích quản lý rừng nhất định phù hợp với tổng diện tích rừng trồng và được xác định theo các tiêu chuẩn vùng, để quản lý vì mục đích phục hồi thành rừng tự nhiên.</b></p>			
<p>Các chỉ mục</p>	<p>Xác minh, Ví dụ và Ghi chú</p>	<p>Ghi chú của Nhóm Đánh Giá</p>	<p>Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)</p>
<p>10.5.1. Mẫu đại diện của các hệ sinh thái tự nhiên hiện có (RSE) sẽ được bảo vệ hoặc khôi phục lại trạng thái tự nhiên ban đầu, dựa trên việc xác định các khu vực trọng điểm sinh học, tham vấn với các bên liên quan, chính quyền địa phương và các cơ quan khoa học.</p>	<p>Chỉ dẫn: Hầu hết các khu vực rừng trồng, khu vực rừng tự nhiên và bán tự nhiên không được quản lý và thảm thực vật tự nhiên có thể thực hiện yêu cầu này.</p>		

<p>10.5.2. Công ty QLR sở hữu hơn 1.000 ha đất trồng rừng phải dành ra ít nhất 3% diện tích đất toàn khu vực quản lý cho việc khôi phục thảm thực vật rừng tự nhiên. Việc này được ghi chép lại cẩn thận, được thể hiện trên bản đồ và được xác định ranh giới trong thực địa (Dự thảo 9C).</p>			
<p>10.5.3 Công ty QLR thực hiện đánh giá tình hình phục hồi thảm thực vật rừng tự nhiên 5 năm một lần trên các khu vực được đề cập trong mục 10.5.2 và lưu trữ các báo cáo đánh giá (Dự thảo 9C).</p>			
<p><i>Đối với các đơn vị QLR đáp ứng được yêu cầu của rừng QLQMN&amp;KTT, chỉ có mục 6.2.5, 6.2.6, và các chỉ mục sau đây của tiêu chuẩn này được áp dụng, các chỉ số dưới đây không được sử dụng để đánh giá hoạt động của các khu vực không phải là rừng QLQMN&amp;KTT:</i></p>			
<p>10.5.4. Việc thiết kế rừng trồng và phương thức quản lý phải bảo vệ các giá trị sinh thái, đặc biệt là xung quanh các tính năng bảo tồn hoặc các khu vực được bảo tồn.</p>			

<b>C10.6. Có những biện pháp bảo vệ và cải tạo cấu trúc, độ phì và hoạt động sinh học của đất. Kỹ thuật và tỷ lệ khai thác, việc thiết kế và bảo dưỡng đường cũng như việc chọn loài cây trồng phải đảm bảo không gây thoái hoá đất lâu dài và không ảnh hưởng xấu đến nguồn nước và dòng chảy..</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
10.6.1. Các biện pháp rõ ràng dứt khoát sẽ được thực hiện để duy trì hoặc nâng cao cấu trúc, sự màu mỡ và hoạt động sinh học của đất.			
10.6.2. Các công ty QLR chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình Thực hành quản lý tốt nhất (BMP) tại mục C6.5 để giảm thiểu tác động đến đất và nguồn nước.			
10.6.3. Trong trường hợp suy thoái và/hoặc các tác động tiêu cực khác ảnh hưởng đến đất và tài nguyên nước tại các đơn vị QLR, công ty QLR sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động này.			
<b>C10.7. Có những biện pháp ngăn ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất dịch bệnh, cháy rừng và sự nhập nội tràn lan những loài cây mới. Phòng trừ dịch bệnh tổng hợp được xem là một khâu quan trọng trong kế hoạch quản lý, dựa trước hết vào biện pháp phòng ngừa và diệt bệnh bằng phương pháp sinh học hơn là sử dụng thuốc sâu và phân bón. Chủ rừng phải tìm mọi cách để tránh dùng thuốc sâu và phân bón, kể cả trong các vườn ươm. Việc sử dụng các hoá chất cũng đã được đề cập đến ở các tiêu chí 6.6 và 6.7</b>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

10.7.1. Kế hoạch quản lý dịch hại tổng hợp sẽ xác định sâu bệnh, các tổn hại có thể chấp nhận được hoặc ngưỡng hành động, việc sử dụng hóa chất (nếu có) và phương pháp giải quyết sâu bệnh thay thế.			
10.7.2. Các biện pháp cần được thực hiện trong rừng để ngăn chặn sự bùng phát sâu, bệnh và việc sử dụng thực vật xâm lấn.			
10.7.3. Công ty QLR sẽ thực hiện chiến lược giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón theo thời gian và không gian.	Lưu ý: Điều này áp dụng cho các khu rừng trồng, và các vườn ươm nằm trong các đơn vị QLR hoặc các vườn ươm công ty QLR quản lý.		
10.7.4. Công ty QLR sẽ thực hiện chương trình phòng chống, kiểm soát cháy rừng tại các khu rừng trồng trên các đơn vị QLR.			
<p><b>C10.8 Tuỳ theo phạm vi và mức độ đa dạng của hoạt động trồng rừng, công tác giám sát rừng trồng phải bao gồm việc đánh giá thường xuyên những tác động sinh thái-xã hội trong và ngoài khu vực (chẳng hạn như tác động đến tái sinh tự nhiên, nguồn nước, độ phì của đất, thu nhập, phúc lợi của cư dân địa phương) ngoài những điểm như đã nói ở những Nguyên tắc 8, 6, và 4. Không được trồng bất kỳ loài cây nào ở phạm vi rộng nếu chưa có những thử nghiệm ở địa phương hoặc chưa có những kinh nghiệm chắc chắn cho thấy những loài cây đó thích nghi tốt với điều kiện lập địa, không xâm nhập tràn lan và không gây tác hại đáng kể đến các hệ sinh thái khác. Cần đặc biệt lưu ý đến những vấn đề xã hội trong việc thu hồi đất để trồng rừng, nhất là liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu hoặc sử dụng của người dân địa phương.</b></p>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)

<p>10.8.1. Việc giám sát tác động của các khu rừng trồng, trực tiếp hay gián tiếp, đều phải được thực hiện theo cách thức tương tự như việc giám sát các khu rừng tự nhiên, tuân thủ các Nguyên tắc 4, 6, và 8.</p>			
<p><b>C10.9 Rừng trồng trên đất chuyển đổi từ rừng tự nhiên sau tháng 11 năm 1994 thông thường sẽ không được cấp chứng chỉ. Rừng trồng loại này chỉ được cấp chứng chỉ trong trường hợp có đủ bằng chứng là chủ rừng không chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp về sự chuyển đổi đó.</b></p>			
Các chỉ mục	Xác minh, Ví dụ và Ghi chú	Ghi chú của Nhóm Đánh Giá	Tính phù hợp (Có, Không hoặc Chưa rõ)
<p>10.9.1. Các khu rừng trồng không được lấn chiếm khu vực đất được chuyển đổi từ rừng tự nhiên từ tháng 11/1994, trừ khi có bằng chứng rõ ràng rằng người quản lý hiện tại / chủ sở hữu không chịu trách nhiệm nào.</p>			
<p>10.9.2. Trong các trường hợp chuyển đổi sau tháng 11/1994, các hành động đền bù hợp lý sẽ được thực hiện với sự hỗ trợ từ các bằng chứng thu được tại thực địa và các cuộc phỏng vấn và / hoặc bằng chứng thu được từ các bên liên quan.</p>			

## PHỤ LỤC 1. Ma Trận Giá Trị Bảo Tồn Cao (HCV Matrix)

Bảng dưới đây có thể được dùng để biên soạn thông tin về Rừng có giá trị bảo tồn cao giá và / hoặc các thuộc tính. Các công ty QLR có thể sử dụng ma trận như công cụ để tự đánh giá và có thể thêm câu hỏi hướng dẫn, vv... Thông tin trình bày trong ma trận là không đầy đủ và không được Hệ thống đánh giá các giá trị HCV quốc gia của Việt Nam thông qua. Việc sử dụng ma trận không đảm bảo phù hợp với Nguyên tắc 9 trong suốt quá trình đánh giá.

Câu hỏi hướng dẫn	Nguồn tin	Phản ứng của công ty QLR / ý kiến từ các chuyên gia và các bên liên quan	Chiến lược của công ty QLR trong việc duy trì và/hoặc nâng cao các giá trị HCV đã xác định được
<b>HCV1. Rừng chưa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực, toàn cầu (ví dụ, tính đặc hữu, các loài nguy cấp, nơi sinh).</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>HCV 1 bao gồm các loài RTE và các loài đặc hữu</li> </ul>			
1.1. Đơn vị QLR có nằm trong, tiếp giáp với, hoặc có chứa một khu bảo tồn: a) Được chỉ định bởi một cơ quan quốc tế, b) Được đề xuất hoặc chỉ định một cách hợp pháp bởi cơ quan lập pháp quốc gia / tỉnh / lãnh thổ có liên quan, hoặc c) Được xác định trong kế hoạch sử dụng đất trong khu vực, kế hoạch bảo tồn?	<i>Quốc tế:</i> CITES, UICN <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i> Hàng tồn kho từ rừng, các Khảo sát và các Lát cắt sinh học	Có thuộc tính HCV1 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?  Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:	Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:

<p>1.2. Đơn vị QLR có chứa bất kỳ khu vực tập trung đáng kể các loài RTE, loài đặc hữu (giới hạn theo phạm vi địa lý) và / hoặc các cộng đồng tự nhiên có ý nghĩa ở cấp độ khu vực?</p>	<p><i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i></p>	<p>Có thuộc tính HCV1 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?</p> <p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>	<p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>
<p><b>HCV2. Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những mẫu chuẩn tự nhiên.</b></p>			
<p>2.1. Đơn vị QLR có cấu thành hoặc tạo nên một phần, trong hệ thống rừng toàn cầu, tại quốc gia hoặc khu vực, có ý nghĩa cảnh quan bao gồm dân số của hầu hết hoặc tất cả các loài bản địa đang sinh sống trong mô hình phân bố ngoài tự nhiên không?</p>	<p><i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i></p>	<p>Có thuộc tính HCV2 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?</p> <p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>	<p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>
<p>2.2. Đa dạng sinh học trong khu vực sẽ bị ảnh hưởng như thế nào nếu các đặc điểm tự nhiên của các đơn vị QLR bị thay đổi đáng kể?</p>	<p><i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i></p>	<p>Có thuộc tính HCV2 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?</p> <p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>	<p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>
<p><b>HCV3. Rừng thuộc về hoặc bao gồm những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp.</b></p>			
<p>3.1. Đơn vị QLR có chứa bất kỳ khu vực rừng nguyên sinh nào không?</p>	<p><i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i></p>	<p>Có thuộc tính HCV3 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?</p> <p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>	<p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>

3.2. Đơn vị QLR có chứa bất kỳ hệ sinh thái quý hiếm, bị đe dọa hoặc nguy cấp nào không?	<i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i>	Có thuộc tính HCV3 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?  Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:	Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:
<b>HCV4. Rừng cung cấp các dịch vụ cơ bản của tự nhiên trong những tình huống quan trọng (ví dụ như, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn)</b>			
4.1. Có khu vực nào của đơn vị QLR được quản lý để bảo vệ hoặc cung cấp nguồn nước cho con người không?	<i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i>	Có thuộc tính HCV4 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?  Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:	Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:
4.2. Có bất kỳ phần nào của đơn vị QLR chứa đồng bằng ngập lũ, vùng đất ngập nước, đầm lầy hoặc đầm lầy đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát dòng nước hoặc chất lượng nước không?	<i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i>	Có thuộc tính HCV4 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?  Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:	Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:
4.3. Có khu vực nào của đơn vị QLR đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát xói mòn, lở đất, lở tuyết đe dọa các cộng đồng địa phương không?	<i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i>	Có thuộc tính HCV4 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?  Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:	Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:
<b>HCV5. Diện tích rừng cơ bản để đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ như sinh hoạt, y tế).</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ HCV5 bao gồm diện tích rừng người dân địa phương sử dụng để thu được tài nguyên quan trọng cho sự sống còn của họ, chẳng hạn như thực phẩm và cây thuốc không thể thay thế. Sử dụng rừng vào mục đích như săn bắn giải trí và khai thác gỗ thương mại hoặc bất hợp pháp không phải là nhu cầu cơ bản của con người.</li> </ul>			

<p>5.1. Có khu vực nào trong các đơn vị QLR đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát xói mòn, lở đất, lở tuyết, là một phần cơ bản của các đơn vị QLR đáp ứng nhu cầu của bất kỳ cộng đồng địa phương nào không?</p>	<p><i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i></p>	<p>Có thuộc tính HCV5 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?</p> <p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>	<p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>
<p><b>HCV6. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hoá truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế, tôn giáo được xác định trong các cộng đồng địa phương).</b></p>			
<p>6.1. Có khu vực nào có tầm quan trọng về văn hóa, kinh tế, tôn giáo cho các cộng đồng bản địa, bộ lạc hoặc truyền thống địa phương không?</p>	<p><i>Quốc tế:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/ địa phương:</i> <i>Công ty QLR:</i></p>	<p>Có thuộc tính HCV6 nào có ở đơn vị QLR không? Các thuộc tính đó là gì?</p> <p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>	<p>Bình luận từ các chuyên gia và các bên liên quan:</p>

## **PHỤ LỤC 2. Những quy định pháp luật hiện hành về quản lý rừng tại Việt Nam**

- Luật Đất Đai 2003.
- Luật Bảo Vệ và Phát Triển Rừng 2004.
- Luật Bảo Vệ Môi Trường 2006.
- Nghị định Số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về Thi Hành Luật Đất Đai 2003.
- Nghị định Số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính Phủ về Thi Hành Luật Bảo Vệ và Phát Triển Rừng 2004.
- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng.
- Quyết định Số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/07/2005 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về quy chế khai thác gỗ và lâm sản
- Thông tư Số 38/2007/TT-BNN ngày 25 /04/2007 do Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ban hành Chỉ dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.
- Quyết định Số 200/QĐ-KT ngày 31/03/1993 của Bộ Lâm Nghiệp trước đây (nay là Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn) ban hành quy phạm các giải pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất gỗ và tre nứa (QPN 14-92).
- Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc ban hành Quy chế về khai thác gỗ và lâm sản khác.
- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng.
- Luật thuế Sử dụng Đất Nông nghiệp 1993.
- Bộ Luật Lao động 1994 (Sửa đổi 2002).
- Luật Bảo Hiểm Xã Hội ngày 29/06/2006.
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của chính phủ về việc quy định chi tiết và Chỉ dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường 2006.
- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/ 02/ 2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và Chỉ dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
- Nghị định Số 9/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính Phủ quy định về phòng cháy chữa cháy rừng.
- Nghị định Số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/08/2006 của Chính Phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.
- Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN ngày 05/07/2006 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc công bố Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.
- Quyết định số 74/2008/QĐ-BNN ngày 20/6/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục

của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc ban hành Quy chế về khai thác gỗ và lâm sản khác.
- Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài Nguyên Môi Trường Chỉ dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.
- Nghị định Số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động and Điều khoản 1, Nghị định 110/2002/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/CP.
- Nghị định Số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ Chỉ dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.

### PHỤ LỤC 3. Danh Sách Các Thỏa Thuận Song Phương Về Môi Trường Và Công Ước ILO

Công ước về Thương mại quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp - CITES (1994)

Công ước về Đa dạng sinh học (1994)

Công ước Ramsar về các vùng đất ngập nước (1989)

Nghị Định Thư Kyoto (1998)

Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu toàn cầu - UNFCCC (1994)

Các công ước khác của tổ chức Lao động quốc tế (ILO)

Công ước	Date	Status
<a href="#">C005 – Công ước năm 1919 về tuổi tối thiểu lao động trong công nghiệp số 5</a>	03/10/1994	Không có hiệu lực
<a href="#">C006 – Công ước số 6 về làm việc ban đêm trong công nghiệp của thanh thiếu niên năm 1919</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C014 – Công ước số 14 về Áp dụng nghỉ hằng tuần cho các cơ sở công nghiệp năm 1921</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C027 – Công ước về Ghi trọng lượng trên các kiện hàng lớn chở bằng tàu năm 1929</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C029 – Công ước số 29 về Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc năm 1930</a>	05 Mar 2007	Có hiệu lực
<a href="#">C045 – Công ước số 45 về Sử dụng phụ nữ vào những công việc dưới mặt đất trong hầm mỏ năm 1935 (Số 45)</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C080 – Công ước số 80 về Sửa đổi các điều khoản cuối cùng năm 1946</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C081 – Công ước số 81 về Thanh tra lao động trong công nghiệp và thương mại năm 1947</a>	03/10/1994	Có hiệu lực

<b>Công ước</b>	<b>Date</b>	<b>Status</b>
<a href="#">C100 – Công ước số 100 về Trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho một công việc có giá trị ngang nhau năm 1951</a>	07/10/1997	Có hiệu lực
<a href="#">C111 – Công ước số 111 về phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp năm 1958</a>	07/10/1997	Có hiệu lực
<a href="#">C116 – Công ước số 116 về Sửa đổi các điều khoản cuối cùng năm 1961</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C120 – Công ước số 120 về Vệ sinh trong thương mại và văn phòng năm 1964</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C122 – Công ước số 122 về Chính sách việc làm năm 1964</a>	11/06/2012	Có hiệu lực
<a href="#">C123 - Công ước số 123 về tuổi tối thiểu lao động dưới lòng đất năm 1965</a> Độ tuổi tối thiểu quy định: 18 tuổi	20/02/1995	Có hiệu lực
<a href="#">C124 - Công ước số 124 về khám sức khỏe cho thanh thiếu niên làm việc dưới lòng đất trong hầm mỏ năm 1965</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C138 – Công ước số 138 về độ tuổi tối thiểu, 1973</a> Minimum age specified: 15 years	24/06/2003	Có hiệu lực
<a href="#">C144 – Công ước số 144 về Sự tham khảo ý kiến ba bên nhằm xúc tiến việc thi hành các quy phạm quốc tế về lao động năm 1976</a>	09 Jun 2008	Có hiệu lực
<a href="#">C155 – Công ước số 155 về An toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường làm việc năm 1981</a>	03/10/1994	Có hiệu lực
<a href="#">C182 - Công ước số 182 về cấm và hành động ngay lập tức để xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999</a>	19 Dec 2000	Có hiệu lực

#### **PHỤ LỤC 4. Danh sách các loài nguy cấp**

Tham khảo Sách Đỏ IUCN trên website <http://www.iucnredlist.org> để biết danh sách các loài quý hiếm, đang bị đe dọa và nguy cấp (RTE) tại Việt Nam.

Tham khảo Công ước về buôn bán các loài quý hiếm (CITES) tại website <http://www.cites.org> để biết được tất cả các loài được bảo vệ theo Công ước CITES ở Belize. Tính đến 31/07/2013, có ít nhất 6 chi cây có nguồn gốc từ Việt Nam được liệt kê vào Phụ lục I, II và III (dó bầu - Aquilaria, sưa - Dalbergia, vạm - Diospyros, dây gấm - Gnetum, ba gác - Rauwolfia, và thông đỏ - Taxus.

## PHỤ LỤC 5. CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

Các thuật ngữ sử dụng trong các Nguyên tắc và Tiêu chí (Principles & Criteria) của FSC đều được định nghĩa trong hầu hết các từ điển Tiếng Anh tiêu chuẩn. Đội quản lý rừng cũng như những người làm công tác chứng nhận cần quyết định nghĩa phù hợp của một số cụm từ nhất định tùy theo cách hiểu áp dụng tại từng địa phương. Trong tài liệu này, có một số từ chuyên môn được hiểu với nghĩa như sau:

**Đa dạng sinh học:** Sự khác nhau giữa các sinh vật sống ở tất cả mọi nơi, bao gồm: các hệ sinh thái trên cạn, trong đại dương và các hệ sinh thái thủy vực khác, cũng như các phức hệ sinh thái mà các sinh vật là một thành phần,...; thuật ngữ này bao hàm sự khác nhau trong một loài, giữa các loài và giữa các hệ sinh thái.

**Các giá trị đa dạng sinh học:** Các giá trị nội tại, sinh thái, gen, xã hội, kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hóa, giải trí và thẩm mỹ của đa dạng sinh học và các nhân tố cấu thành.

**Các tác nhân khống chế sinh học (Thiên địch):** Các loài sinh vật được sử dụng để diệt trừ hoặc khống chế số lượng của một loài sinh vật khác.

**Chuỗi hành trình sản phẩm:** Quá trình đưa sản phẩm sản xuất rừng tới tay người tiêu dùng bao gồm tất cả các khâu liên tục: chế biến, biến đổi, sản xuất và phân phối.

**Hóa chất:** Bao gồm phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm và hormon được sử dụng trong công tác quản lý rừng.

**Quyền theo phong tục:** Những quyền có được từ kết quả của một loạt các hành động theo thói quen hay phong tục được lặp đi lặp lại nhiều lần. Nhờ tính lặp đi lặp lại và sự mặc nhận ngầm không bị gián đoạn này, những hành động này được pháp luật trong một khu vực địa lý/ xã hội công nhận.

**Hệ sinh thái:** Là một tập hợp các quần xã sinh vật và môi trường vật lý mà quần xã đó tồn tại, trong đó các sinh vật phụ thuộc tương tác với nhau và với môi trường tạo thành một đơn vị hoàn chỉnh.

**Các loài nguy cấp:** Các sinh vật có nguy cơ đối mặt với tuyệt chủng, bao gồm tất cả hoặc một phần lớn lượng cá thể của loài.

**Sinh vật ngoại lai (loài nhập nội):** Sinh vật được đưa vào một khu vực, không phải là loài đặc hữu hay có nguồn gốc của vùng này.

**Tính toàn vẹn của rừng:** Trạng thái rừng có đầy đủ các hợp phần như thành phần loài, các động

lực, các chức năng, và các thuộc tính về cấu trúc của rừng tự nhiên.

**Công ty quản lý rừng (FME):** Những người hoặc tổ chức chịu trách nhiệm về quản lý hoạt động của tài nguyên rừng và của công ty, cũng như các hệ thống quản lý và cơ cấu, và lập kế hoạch và các hoạt động ngoài thực địa. Đồng nghĩa với Tổ chức quản lý rừng (FMO).

**Đơn vị Quản lý Rừng (FMU):** Khu vực rừng đặt dưới phạm vi quản lý của Chứng chỉ quản lý rừng FSC.

**Các sinh vật biến đổi gen:** Cơ thể sinh vật đã được làm biến đổi gen di truyền bằng các biện pháp khác nhau.

**Đất bản địa và lãnh thổ:** Toàn bộ môi trường bao gồm đất, không khí, nước, biển, băng biển, động thực vật, và những tài nguyên khác mà người bản địa sở hữu về mặt truyền thống hoặc chiếm hữu hoặc được sử dụng.

**Người dân bản địa** “ Những người đang sống và con cháu của những người này có một phần thời gian hoặc toàn bộ cuộc đời gắn bó tại vùng lãnh thổ hiện tại của một quốc gia, nhưng đã bị những người có nguồn gốc từ một nền văn hóa hoặc dân tộc khác, di cư đến từ các vùng khác của thế giới, xâm chiếm hay chinh phục, biến họ thành nhóm người không còn ưu thế hoặc bị phụ thuộc; những người hiện vẫn duy trì những phong tục và truyền thống riêng về xã hội, kinh tế và văn hóa mà không theo thể chế của quốc gia nơi họ đóng vai trò là một bộ phận, và thể chế Nhà nước với cấu trúc được đặc trưng chủ yếu bởi tính chất văn hóa và xã hội của các bộ phận dân cư vượt trội hơn (định nghĩa của Nhóm Công tác về người dân bản địa của Liên Hợp quốc)

**Rừng có giá trị bảo tồn cao:** Những khu rừng có giá trị bảo tồn cao là những khu rừng có một hoặc nhiều thuộc tính sau:

- a) Những khu rừng có ý nghĩa về mặt quốc gia, vùng và toàn cầu: Tập trung các giá trị về đa dạng sinh học (thí dụ các loài đặc hữu, nguy cấp, nơi sinh); và /hoặc rừng có mức độ cảnh quan lớn, bao gồm đơn vị quản lý nơi mà dân cư của hầu hết các loài xuất hiện một cách tự nhiên tồn tại trong những mẫu phân bố một cách tự nhiên,
- b) Diện tích rừng có chứa hệ sinh thái quý hiếm, đe dọa hoặc nguy cấp,
- c) Diện tích rừng cung cấp các dịch vụ tự nhiên cơ bản trong tình hình then chốt (thí dụ bảo vệ đầu nguồn, kiểm soát xói mòn),
- d) Diện tích rừng đáp ứng được nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (thí dụ sinh kế và sức khỏe) và quyết định cho sự nhận dạng về văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu có ý nghĩa tôn giáo về văn hóa, sinh thái, kinh tế được xác định với sự hợp tác với cộng đồng địa phương).

**Cảnh quan:** Vùng địa lý gồm các hệ sinh thái tác động lẫn nhau, hình thành dưới tác động qua lại giữa các yếu tố địa chất, địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, sinh học và hoạt động con người trong một khu vực nhất định.

**Luật địa phương:** Bao gồm tất cả các quy định hợp pháp đưa ra bởi các cơ quan chính phủ, cơ quan thực thi pháp lý thấp hơn cấp quốc gia như các sở, ủy ban, và quy định theo phong tục.

**Lâu dài:** Phạm vi thời gian dành cho chủ rừng hoặc người quản lý rừng được thể hiện bởi các mục tiêu trong kế hoạch quản lý, mức độ khai thác, và cam kết duy trì độ che phủ rừng lâu dài. Phạm vi thời gian này tùy thuộc vào hoàn cảnh thực tế và các điều kiện sinh thái, và là một chức năng, tùy thuộc khoảng thời gian cần thiết để hệ sinh thái phục hồi cấu trúc tự nhiên và thành phần loài sau khai thác hoặc bị xáo trộn, hoặc phục hồi các đặc tính ban đầu.

**Loài bản địa:** Một loài xuất hiện một cách tự nhiên trong vùng, đặc hữu cho vùng.

**Chu kỳ tự nhiên:** Chu kỳ dinh dưỡng và khoáng chất là kết quả quá trình trao đổi giữa đất, nước, cây, và động vật trong môi trường rừng tác động đến hiệu suất sinh thái của một khu vực nhất định.

**Rừng tự nhiên:** Những khu rừng có các đặc trưng cơ bản và các yếu tố chủ chốt của hệ sinh thái tự nhiên như tính phức hợp, cấu trúc và tính đa dạng hiện có, được xác định bởi tiêu chuẩn quản lý rừng của vùng và của quốc gia do FSC phê chuẩn.

**Lâm sản ngoài gỗ:** Tất cả những sản phẩm rừng không phải gỗ bao gồm những nguyên liệu vật khác thu được từ cây như nhựa thông và lá, cũng như các sản phẩm từ cây và động vật khác.

**Những kiểu rừng khác:** Các khu rừng không đáp ứng các tiêu chí đối với rừng trồng hoặc rừng tự nhiên, được định nghĩa đặc biệt trong tiêu chuẩn về quản lý rừng cấp quốc gia hoặc cấp vùng do FSC phê duyệt.

**Rừng trồng:** Diện tích rừng không đáp ứng được hầu hết các đặc trưng chủ yếu và các yếu tố cơ bản của hệ sinh thái tự nhiên được xác định bởi tiêu chuẩn quản lý rừng của vùng và của quốc gia do FSC phê chuẩn, là kết quả từ các hoạt động của con người trồng cây, gieo hạt hoặc xử lý lâm sinh thâm canh.

**Nguyên tắc:** Một yếu tố hoặc qui định quan trọng về quản lý rừng theo quy định của FSC.

**Sự hồi phục:** Hành động thay đổi môi trường sống, hệ sinh thái để giới thiệu hoặc giới thiệu lại các thành phần và các đặc điểm phù hợp với khu vực cả về mặt sinh thái và lịch sử.

**Giai đoạn tràm nghi (Serai stage):** Một cộng đồng tạm thời của thảm thực vật, được xác định bởi các loài ưu thế, cho thấy giai đoạn liên tiếp của hệ sinh thái.

**Hệ thống luân chuyển bãi trồng ~ hệ thống thu hoạch, thường tồn dài hạn, và trong đó chỉ còn lại một vài đặc điểm của một hệ sinh thái bản địa.**

**Lâm sinh:** Nghệ thuật xây dựng và chăm sóc rừng bằng cách điều chỉnh sự hình thành, thành

phần loài, và sự sinh trưởng của rừng để đạt các mục tiêu đã đề ra một cách tốt nhất. Điều này có thể bao gồm hoặc không bao gồm mục tiêu sản xuất gỗ.

**Sự liên tiếp:** Những thay đổi tăng dần trong thành phần loài và cấu trúc rừng gây ra bởi quá trình tự nhiên (không do con người) qua thời gian.

**Quyền sở hữu:** Sự thỏa thuận được xác định về mặt xã hội do các cá nhân hoặc các nhóm, được luật pháp hay tập quán công nhận, liên quan đến “quyền và trách nhiệm” của chủ sở hữu, quyền tiếp cận và/hoặc sử dụng đất và những tài nguyên trên đất đó (như các cây gỗ, các loài cây, nước, khoáng sản, v.v.)

**Các loài đang bị đe dọa:** Các loài có nguy cơ trở thành mục tiêu bị tiêu diệt tất cả hoặc một phần lớn lượng cá thể trong tương lai không xa.

**Quyền sử dụng:** Quyền sử dụng tài nguyên rừng được quy định bởi phong tục địa phương, các hợp đồng ràng buộc, hoặc các đơn vị có quyền hạn khác. Các quyền này có thể giới hạn sử dụng một số tài nguyên đặc biệt đến một mức độ tiêu thụ cụ thể hoặc bằng kỹ thuật thu hoạch nhất định.

## NGUYÊN TẮC #7: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

Kế hoạch quản lý -- tùy theo quy mô và cường độ hoạt động -- sẽ được viết, triển khai và cập nhật. Các mục tiêu quản lý dài hạn và phương tiện để đạt được sẽ được nêu rõ.

### 7.1. Kế hoạch quản lý và tài liệu hỗ trợ sẽ đưa ra:

- a) Các mục tiêu quản lý.
- b) Bản mô tả các nguồn tài nguyên rừng cần được quản lý, các giới hạn về môi trường, tình trạng chủ quyền và sử dụng đất, tình hình kinh tế xã hội và hồ sơ đất đai lân cận.
- c) Bản mô tả lâm sinh và/hoặc hệ thống quản lý khác dựa trên hệ sinh thái rừng được đặt vấn đề và thông tin thu thập qua điều tra nguồn tài nguyên.
- d) Cơ sở lý luận về tỉ lệ thu hoạch và chọn loài hàng năm.
- e) Các quy định về giám sát phát triển và động thái rừng.
- f) Bảo toàn môi trường dựa trên các đánh giá về môi trường.
- g) Các kế hoạch xác định và bảo vệ các chủng loài quý hiếm, bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng.
- h) Lập bản đồ mô tả cơ sở tài nguyên rừng bao gồm diện tích rừng được bảo vệ, các hoạt động quản lý theo quy hoạch và sở hữu đất.
- i) Bản mô tả và lý giải về kỹ thuật và thiết bị thu hoạch sẽ được sử dụng.

Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)

<p>7.1.1. FME sẽ phải chuẩn bị kế hoạch quản lý rừng hợp lệ (FMP) theo luật pháp quốc gia và kèm theo văn bản mô tả các mục tiêu quản lý (a, e) Nội dung của FMP sẽ nêu ra toàn bộ các chỉ báo của tiêu chí 7.1.</p>	<p>Ghi chú về Tiêu chí 7.1: Kế hoạch quản lý có thể bao gồm nhiều loại tài liệu, trong đó có dữ liệu số hóa, nhưng tốt hơn là có một tài liệu nêu bao quát về các thành phần trong bộ tiêu chí này.</p>		
<p>7.1.2. Bản mô tả chung về lịch sử sử dụng và quyền sở hữu đất của FMU và đất đai lân cận, các quyền của bên khác đối với tài nguyên trên FMU, và bối cảnh kinh tế xã hội cho việc quản lý.</p>			
<p>7.1.3. Mô tả các khía cạnh vật lý của khu vực quản lý rừng (vd. đặc điểm địa hình, địa mạo, địa chất, thủy văn, đất, loài cây, thực vật,...)</p>			
<p>7.1.4. Mô tả về mức độ tài nguyên rừng bao gồm diện tích, loại khu vực/ loại rừng, loại đất, chủng loài, phân bố tầng rừng, chiều cao, loại rừng, đường kính trung bình (dbh) và thể tích.</p>			

<p>7.1.5. Trình bày rõ các đề xuất và quy trình quản lý hệ thống lâm sinh. Phải bao gồm bản mô tả và lý giải về hệ thống quản lý và cách chọn loài, bao gồm các loại hệ thống lâm sinh và cách các hệ thống này phù hợp với Tiêu Chuẩn 5.6 trong các kỳ liên tiếp.</p>	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Các tiêu chí lựa chọn cây để khai thác.</li> <li>■ Phương thức đánh dấu cây để khai thác.</li> <li>■ Các phương thức đảm bảo phục hồi;</li> <li>■ Đặc điểm kỹ thuật của nhóm nhân sự chịu trách nhiệm/ phụ trách hoạt động/can thiệp được tiến hành.</li> <li>■ Tóm tắt về tổng diện tích rừng, bao gồm tổng diện tích (ha), phần trăm độ phủ rừng, diện tích theo khu vực/loại rừng, phân bố cây theo cấp tuổi, tổng thặng dư hàng năm và khối lượng trung bình trên hécta.</li> </ul>		
<p>7.1.6. Các quy trình giám sát nhất quán với Tiêu chuẩn 8.2.</p>	<p>Chú ý: Các quy trình có thể được mở rộng theo quy mô và cường độ hoạt động.</p>		
<p>7.1.7. Mô tả biện pháp làm giảm hoặc giảm thiểu các tác động hoặc rủi ro môi trường tiêu cực.</p>	<p>Chú ý: Việc này có thể bao gồm các biện pháp quản lý tốt nhất (BMP), các biện pháp phòng và kiểm soát cháy, các hướng dẫn cứu vự thu hoạch...</p>		
<p>7.1.8. Mô tả chung về các biện pháp được triển khai để đảm bảo hoạt động bảo tồn các khu vực được bảo vệ; các chủng loài và sinh cảnh thuộc nhóm RTE; dịch vụ rừng (C5.5); các nguồn tài nguyên thuộc danh mục HCVF và các biện pháp để duy trì/ tăng cường.</p>			

<p>7.1.9. Lập bản đồ mô tả cơ sở tài nguyên rừng bao gồm diện tích rừng được bảo vệ, các hoạt động quản lý theo quy hoạch và sở hữu đất.</p>	<p>Hướng dẫn: Bản đồ cần được lập đầy đủ chi tiết để định hướng các hoạt động quản lý và trách các tác động môi trường tiêu cực.</p>		
<p>7.1.10. Bản mô tả và lý giải về kỹ thuật và thiết bị thu hoạch sẽ được sử dụng.</p>			
<p><i>Về việc FMU đáp ứng các yêu cầu SLIMF, chỉ làm theo các chỉ báo mà tiêu chí này áp dụng; các chỉ báo không được sử dụng để đánh giá hoạt động không thuộc SLIMF:</i></p>	<p>Hướng dẫn: Áp dụng cho SLIMF quản lý rừng cường độ nhỏ và thấp.</p>		
<p>7.1.11. Một văn bản kế hoạch quản lý phải bao gồm ít nhất các điều sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Các mục tiêu quản lý;</li> <li>b) Mô tả rừng;</li> <li>c) Cách đạt được mục tiêu, phương thức thu hoạch và lâm sinh (đốn sạch, đốn chọn lọc, đốn thưa) để đảm bảo tính bền vững;</li> <li>d) Giới hạn thu hoạch bền vững (phải tuân theo tiêu chí 5.6 của FSC);</li> <li>e) Tác động môi trường/xã hội của kế hoạch;</li> <li>f) Bảo tồn các loại quý hiếm và có giá trị bảo tồn cao;</li> <li>g) Bản đồ rừng, thể hiện các khu vực được bảo vệ, quản lý theo quy hoạch và sở hữu đất; và</li> <li>h) Thời hạn của kế hoạch.</li> </ul>			

<b>C7.2. Kế hoạch quản lý được sửa đổi định kỳ để kết hợp các kết quả giám sát hoặc thông tin khoa học kỹ thuật mới, cũng như để bắt kịp sự thay đổi về tình hình kinh tế xã hội và môi trường.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
7.2.1. Việc sửa đổi hoặc điều chỉnh FMP và/hoặc các tài liệu hỗ trợ sẽ diễn ra kịp thời với thời gian sửa đổi không quá 10 năm.			
7.2.2. Các FME có trách nhiệm lồng ghép kết quả giám sát hoặc thông tin khoa học, kỹ thuật mới (vd: điều kiện về lâm sinh, môi trường, xã hội và kinh tế) vào sửa đổi hoặc điều chỉnh FMP phù hợp với quy mô và cường độ hoạt động.			
7.2.3. Việc sửa đổi FMP sẽ áp dụng theo quy định quốc gia, nếu có.			
<b>C7.3. Nhân viên lâm nghiệp sẽ được đào tạo và giám sát đầy đủ để đảm bảo triển khai đúng kế hoạch quản lý.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)

<p>7.3.1. Nhân viên phải đạt tiêu chuẩn để thực hiện đúng FMP; tất cả nhân viên lâm nghiệp được hướng dẫn đầy đủ và giám sát để triển khai đầy đủ các phần tương ứng trong FMP.</p>	<p>Kiểm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ FMP, kế hoạch hoạt động khai thác và các kế hoạch khác được cung cấp cho nhân viên và được sử dụng trong công việc hàng ngày.</li> <li>▪ Phòng vấn nhân viên FME</li> <li>▪ Hồ sơ tập huấn</li> <li>▪ Đánh giá nhân viên và nhà thầu</li> <li>▪ Quan sát nhân sự làm giám sát ở hiện trường</li> </ul>		
<p>7.3.2. Đối với các FME lớn Sử dụng giao thức ghi nhận thông qua tập huấn đúng cách cho nhân viên lâm nghiệp (bao gồm cả nhà thầu) để đảm bảo vai trò của họ trong việc triển khai FMP.</p>	<p>Ví dụ:</p> <p>Thực hiện tập huấn cần thiết để triển khai FMP bao gồm các kỹ thuật đốn cây đúng cách, bảo trì máy cưa, xác định hệ động thực vật, các quy trình khẩn cấp, giấy phép yêu cầu của quốc gia hoặc địa phương hoặc chứng chỉ hành nghề lâm nghiệp, khai thác gỗ, vv</p>		
<p>7.3.4. Hồ sơ được lưu giữ để khi các nhân viên lâm nghiệp tham gia tập huấn triển khai FMP.</p>			
<p>7.3.5. Các FME phải chứng tỏ việc tuân thủ và thực hiện FMP khi hoạt động tại hiện trường.</p>	<p>Hướng dẫn:</p> <p>Quy định về khai thác được thực hiện theo kế hoạch. Các thay đổi nhỏ trên kế hoạch hoạt động trong thời gian hoạt động phải nhất quán với việc bảo tồn và khả năng phát triển lâu dài nguồn tài nguyên rừng.</p>		

<b>C7.4. Bên cạnh việc tôn trọng sự bảo mật thông tin, các quản lý rừng còn có trách nhiệm công bố công khai bản tóm tắt về các yếu tố chính của kế hoạch quản lý, bao gồm cả những điều được liệt kê trong Tiêu chí 7.1 .</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
7.4.1. Bên cạnh việc tôn trọng sự bảo mật về chủ sở hữu đất, FMP hoặc bản tóm tắt FMP nêu ra các thành phần của kế hoạch được mô tả trong Tiêu Chí 7.1 phải được cung cấp công khai cho công chúng không thu phí hoặc lệ phí danh nghĩa.	<p>Hướng dẫn: Xem Tiêu Chí 8.5 để biết thêm thông tin về việc giữ bảo mật chủ sở hữu đất và những gì được chấp nhận để phổ biến cho công chúng trong bản tóm tắt. Các thành phần bị giới hạn của kế hoạch có thể được loại trừ để bảo vệ sự an toàn đối với các thông tin nhạy cảm về môi trường và/hoặc về quyền sở hữu.</p> <p>Khi có thể, FMP phải đăng bản tóm tắt kế hoạch quản lý lên trang web của mình, ở mức tối thiểu mà bản tóm tắt này có thể được cung cấp theo yêu cầu.</p>		
7.4.2. FMP phải cập nhật các bản tóm tắt công khai về FMP khi cần thiết, hoặc ở mức tối thiểu, trong giai đoạn củng cố toàn bộ FMP.			

#### **NGUYÊN TẮC #8: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**Việc giám sát phải được tiến hành -- phù hợp với quy mô và cường độ quản lý rừng -- để đánh giá tình trạng rừng, thu hoạch sản phẩm rừng, chuỗi hành trình sản phẩm, các hoạt động quản lý và tác động xã hội và môi trường của chúng.**

**C8.1. Tần suất và cường độ giám sát nên được quyết định theo quy mô và cường độ của các hoạt động quản lý rừng cũng như độ phức tạp tương đối và mong manh của môi trường bị ảnh hưởng. Các quy trình giám sát cần nhất quán và có thể nhân rộng được theo thời gian để giúp đối chiếu kết quả và đánh giá thay đổi.**

Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
8.1.1. Trong khi nhất quán với quy mô và cường độ hoạt động, FME phải triển khai và thực hiện các quy trình nhất quán và có thể nhân rộng được đối với các yếu tố được đề cập ở Tiêu chí 8.2 và chuỗi hành trình sản phẩm (Tiêu chí 8.3).	Ghi chú về khả năng áp dụng: Khi các chỉ báo này tham chiếu chéo các Tiêu Chí với chỉ báo SLIMF, giao thức giám sát có thể nhất quán với các yêu cầu của SLIMF đối với Tiêu chí đó.		
8.1.2. FMP phải chứng tỏ rằng các giao thức giám sát được triển khai nhất quán theo thời gian.	Kiểm định: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Theo dõi hồ sơ hoặc báo cáo</li> <li>▪ Cập nhật nhật ký hoặc sổ ghi nhớ</li> <li>▪ Phân tích dữ liệu</li> <li>▪ Phỏng vấn nhân viên của FME và bên liên quan, đặc biệt đối với SLIMF.</li> </ul>		
<b>C8.2. Việc quản lý rừng cần bao gồm cả nghiên cứu và thu thập dữ liệu cần thiết để giám sát ở mức tối thiểu các chỉ báo sau:</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Sản lượng sản phẩm rừng thu hoạch được.</li> <li>b) Tỷ lệ phát triển, tái tạo và tình trạng rừng.</li> <li>c) Tổng hợp và quan sát thay đổi về động thực vật.</li> <li>d) Các tác động môi trường xã hội từ việc thu hoạch và các hoạt động khác.</li> <li>e) Chi phí, năng suất và hiệu quả của việc quản lý rừng.</li> </ul>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)

<p>8.2.1. FME phải ghi nhận sản lượng sản phẩm rừng thu hoạch được (a)</p>	<p>Ghi chú về khả năng áp dụng: Khi các chỉ báo này tham chiếu chéo các Tiêu Chí với chỉ báo SLIMF, giao thức giám sát có thể nhất quán với các yêu cầu của SLIMF đối với Tiêu chí đó.</p> <p>Có thể sử dụng các hướng dẫn hoặc quy định kỹ thuật áp dụng tại quốc gia đối với Tiêu Chí 8.2 (Bản dự thảo 9C).</p>		
<p>8.2.2. FME cần đảm bảo các giao thức giám sát được triển khai để phát hiện các thay đổi trong tỉ lệ phát triển, tái tạo, tổng hợp loài và nguồn tài nguyên rừng theo cấp tuổi (b, c).</p>			
<p>8.2.3. FME phải đảm bảo các giao thức giám sát được triển khai để phát hiện các thay đổi làm ảnh hưởng đến hệ động thực vật, nguồn tài nguyên đất và nước, các khu vực được bảo vệ và thuộc nhóm HCV (c.d).</p>	<p>Ví dụ: Xói mòn, hệ thống đường bộ, bùng phát dịch hại, các loài xâm hại, động vật hoang dã, cá, các loài thuộc nhóm RTE, các loài bị săn bắt...</p>		
<p>8.2.4. FME phải đảm bảo các giao thức giám sát được triển khai để theo dõi sự tuân thủ theo Tiêu chí 4.2 và 4.4.</p>			
<p>8.2.5. FME phải đảm bảo các giao thức giám sát được triển khai để theo dõi chi phí, năng suất và hiệu quả của các hoạt động quản lý đã hoàn thành.</p>			

**C8.3. Tài liệu hướng dẫn được nhà quản lý rừng cung cấp để giúp các tổ chức giám sát và chứng nhận theo dõi từng sản phẩm rừng từ nơi xuất xứ, quá trình còn được biết đến là "chuỗi hành trình sản phẩm."**

Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
---------	-----------------------------	---------------------------	----------------------------

<p>8.3.1. FME phải lập văn bản quy trình để theo dõi các sản phẩm được chứng nhận, còn gọi là "Dây Chuyền Giám Sát" (COC). Ở mức tối thiểu, các quy trình này cần bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Các thông số kiểm soát và theo dõi dữ liệu liên quan đến khối lượng và xuất xứ sản phẩm rừng được thu hoạch (vd: khối lượng, kiểm kê và số đo khác) tại rừng, trong quá trình vận chuyển, tại các bãi khai thác và tập kết gỗ và khu vực chế biến do FME kiểm soát;</li> <li>■ Bản mô tả về nhóm sản phẩm FSC (vd: FSC-100%) và mã chứng chỉ của FME (vd: SCS-FM/COC-XXXXXX) trên hoá đơn và các tài liệu khác liên quan đến việc bán các sản phẩm được chứng nhận; và</li> <li>■ Bản mô tả về các thông số được sử dụng để tách riêng các sản phẩm rừng được chứng nhận khỏi các sản phẩm không được chứng nhận thông qua nhãn mác, lưu trữ riêng, và các hóa đơn hoặc tài liệu khác đi kèm với sản phẩm đến điểm bán, hoặc "cửa rừng."</li> </ul>	<p>Ghi chú về khả năng áp dụng: Khi đánh giá tuân thủ theo 8.3.1, kiểm toán viên SCS cũng phải hoàn thành <i>Các chỉ báo về Chuỗi Hành Trình Sản Phẩm SCS đối với các Doanh Nghiệp Quản Lý Rừng.</i></p>		
<p>8.3.2. FME phải thực hiện nhất quán các quy trình COC được nêu tại chỉ báo 8.3.1.</p>			

8.3.3. Nếu FME muốn sử dụng logo và/hoặc dấu thương mại của FSC hoặc SCS trên sản phẩm hay ấn phẩm của mình, bao gồm cả website, cần phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản từ SCS để sử dụng.			
<b>C8.4. Kết quả giám sát phải được kết hợp vào triển khai và sửa đổi kế hoạch quản lý.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
8.4.1. FME phải kết hợp kết quả giám sát theo tiêu chí 8.2 vào sửa đổi FMP.			
8.4.2. Khi kết quả giám sát chỉ ra rằng các mục tiêu quản lý không thể đạt được, FME phải điều chỉnh việc triển khai kế hoạch quản lý của mình.			
<b>C8.5. Bên cạnh việc tôn trọng sự bảo mật thông tin, các nhà quản lý rừng còn có trách nhiệm công bố công khai bản tóm tắt về kết quả của các chỉ báo giám sát, bao gồm cả những điều được liệt kê trong Tiêu chí 8.2 .</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)

<p>8.5.1. Khi bảo vệ tính tuyệt mật của FME, phải duy trì các kết quả giám sát đầy đủ hoặc cập nhật tóm tắt thông tin giám sát mới nhất, bao quát các chỉ báo được nêu tại Tiêu chí 8.2, và phải cung cấp công khai, miễn phí hoặc thu phí danh nghĩa theo yêu cầu.</p>	<p>Hướng dẫn: Thông tin được xem là tuyệt mật có thể được trình bày theo cách giúp bảo vệ sự bí mật, bao gồm dữ liệu về sản xuất, lưu kho, phát triển, chi phí và thông tin khác được xem là có thể mang lại lợi thế cạnh tranh hoặc độc quyền. Thông tin này có thể được trình bày tóm tắt cho công chúng như xu hướng, phần trăm, hoặc mối quan hệ đến các mục tiêu và giới hạn được nêu trong FMP.</p>		
<p>8.5.2. FME phải cập nhật các bản tóm tắt công khai về kết quả giám sát khi cần thiết, hoặc ở mức tối thiểu, trong giai đoạn củng cố toàn bộ FMP.</p>			

### NGUYÊN TẮC #9: DUY TRÌ CÁC RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

Các hoạt động quản lý rừng có giá trị bảo tồn cao phải duy trì hoặc thúc đẩy các đặc tính làm nên đặc trưng cho rừng đó. Các quyết định về rừng có giá trị bảo tồn cao phải luôn được xem xét trong bối cảnh tiếp cận phòng ngừa.

#### C9.1. Đánh giá nhằm xác định sự hiện diện các đặc tính phù hợp với Rừng Có Giá Trị Bảo Tồn Cao phải được hoàn thành phù hợp với quy mô và cường độ quản lý rừng.

Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)

<p>9.1.1. FME phải tiến hành đánh giá để xác định các đặc tính Có Giá Trị Bảo Tồn Cao (HCV) hiện diện tại FMU. Đánh giá này, ở mức tối thiểu phải bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Tham vấn cơ sở dữ liệu và bản đồ bảo tồn khu vực hoặc quốc gia;</li> <li>■ Tham vấn bộ công cụ HCVF quốc gia nếu có, hoặc phần đầu tiên và thứ ba của bộ công cụ quốc tế về sự hiện diện của HCV (xem HCVF Toolkit của WWF)<sup>1</sup>;</li> <li>■ Xem xét dữ liệu kiểm kê rừng và quan sát từ nhân viên hiện trường, nhà thầu hoặc cố vấn của FME;</li> <li>■ Phỏng vấn các nhà sinh học và chuyên gia khoa học, cộng đồng địa phương và các bên liên quan;</li> <li>■ Xác định và ghi nhận các mối họa tiềm tàng đối với HCV.</li> </ul>	<p>Sự hiện diện hoặc biến mất của sáu loại HCV phải được ghi nhận vào đánh giá HCV cho cả FME lớn và SLIMF.</p> <p>HCV 1. Các khu vực rừng có độ tập trung đáng kể về giá trị đa dạng sinh học trên toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia (ví dụ: loài đặc hữu, loài nguy cấp, nơi sinh sống).</p> <p>HCV 2. Các khu vực rừng có ý nghĩa lớn về rừng cấp cảnh quan trên toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia, chứa đựng bên trong, hoặc có đơn vị quản lý, nơi hầu hết các quần thể nếu không phải là các loài tồn tại tự nhiên hiện diện trong mô hình phân bố và phong phú tự nhiên.</p> <p>HCV 3. Các khu vực rừng trong tình trạng hoặc có các hệ sinh thái quý hiếm, bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.</p> <p>HCV 4. Các khu vực rừng có các dịch vụ tự nhiên cơ bản trong tình huống quan trọng (vd: bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn)</p> <p>HCV 5. Các khu vực rừng đáp ứng cơ bản nhu cầu của cộng đồng địa phương (vd: sinh hoạt, y tế).</p> <p>HCV 6. Các khu vực rừng quan trọng đối với bản sắc</p>		
---	--	--	--

<sup>1</sup> Bộ công cụ HCVF: Hướng dẫn đánh giá Rừng Có Giá Trị Bảo Tồn Cao ([http://www.panda.org/what we do/how we work/conservation/forests/tools/hcvf\\_toolkit/](http://www.panda.org/what_we_do/how_we_work/conservation/forests/tools/hcvf_toolkit/))

	văn hóa truyền thống của các cộng đồng địa phương (khu vực có tầm quan trọng về mặt văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được xác định kết hợp với cộng đồng địa phương đó).		
<p>9.1.2. FME phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đưa ra văn bản đánh giá về HCV bao gồm các thành phần tại 9.1.1 và đề xuất bảo vệ các HCV này;</li> <li>▪ Đưa ra diễn giải kỹ thuật về các HCV được xác định và các đề nghị đã trình bày để bảo vệ các đặc tính này; và</li> <li>▪ Chứng tỏ các hành động đã được thực hiện để bảo vệ và/hoặc làm giảm các mối đe dọa lên HCV xuất phát từ hoạt động quản lý của FME.</li> </ul>			
<i>Về việc FMU đáp ứng các yêu cầu SLIMF, chỉ làm theo các chỉ báo mà tiêu chí này áp dụng; các chỉ báo không được sử dụng để đánh giá hoạt động không thuộc SLIMF:</i>			

<p>9.1.3. FME phải tham vấn các bên môi trường liên quan, cơ sở dữ liệu, cán bộ nhà nước hoặc các nhà nghiên cứu để xác định HCV. Nếu hiện diện HCV, FME phải thực hiện tất cả hành động hợp lý để bảo vệ các giá trị này và/hoặc làm giảm các mối đe dọa lên chúng.</p>			
<p>9.1.4. FME phải tham vấn bộ công cụ HCVF quốc gia nếu có, hoặc phần đầu tiên và thứ ba của bộ công cụ quốc tế về sự hiện diện của HCV (xem chú thích về FME lớn tại 9.1.1).</p>	<p>Ghi chú khả năng áp dụng đối với 9.1.1.</p>		
<p><b>C9.2. Phần tham vấn của quy trình chứng thực phải đặt trọng tâm vào các thuộc tính bảo tồn đã xác định, và các lựa chọn duy trì chúng.</b></p>			
<p>Chỉ báo</p>	<p>Kiểm định, ví dụ và ghi chú</p>	<p>Ghi chú của nhóm đánh giá</p>	<p>Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)</p>
<p>9.2.1. Kết quả tham vấn các bên liên quan về HCV phải chỉ cụ thể các giá trị bảo tồn đã được xác định, cũng như các chiến lược đề xuất để duy trì, thúc đẩy chúng hoặc giảm các mối đe dọa. Các FME lớn phải ghi nhận tham vấn này.</p>			
<p>9.2.2. FME phải duy trì danh sách các bên liên quan thích hợp mà cơ quan chứng nhận có thể phỏng vấn về HCVF.</p>			

9.2.3. Các kết quả tham vấn bên liên quan phải chỉ ra rằng FME nhất quán xem xét và bảo vệ các khu vực HCV.			
<b>C9.3. Kế hoạch quản lý phải bao gồm và triển khai các biện pháp cụ thể để đảm bảo duy trì và/hoặc thúc đẩy các đặc tính bảo tồn có thể áp dụng nhất quán với cách tiếp cận phòng ngừa. Các biện pháp này phải được bao gồm cụ thể trong bản tóm tắt kế hoạch quản lý cung cấp công khai.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
9.3.1. Trong kế hoạch quản lý và bản tóm tắt công khai của mình, FME phải mô tả các giá trị bảo tồn của từng khu vực HCV được xác định tại FMU, cũng như các hành động để duy trì và/hoặc thúc đẩy các giá trị này theo luật pháp và quy định quốc gia hiện hành và các chính sách FSC (Dự thảo 9C).			
9.3.1. FME phải cập nhật bản tóm tắt công khai về HCV ở mức tối thiểu, với việc tiến hành đánh giá lại theo chỉ báo 9.4.4.			
9.3.3. FME phải cung cấp bằng chứng tại hiện trường cho thấy mình đã thực hiện các biện pháp để duy trì và/hoặc thúc đẩy HCV nhất quán với cách tiếp cận phòng ngừa.			
<b>C9.4. Phải tiến hành theo dõi hàng năm để đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp đã thực hiện để duy trì hoặc thúc đẩy các đặc tính bảo tồn có thể áp dụng.</b>			

Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
<p>9.4.1. Các chỉ báo giám sát có thể đo lường, cả về định tính và định lượng được triển khai và trình bày trong phần về HCV của FMP.</p>	<p>Ví dụ: FME có các chỉ báo định tính để theo dõi các hoạt động trái phép tại khu vực HCVF chưa được quản lý như tìm kiếm bằng chứng xâm phạm (thu hoạch trái phép, đường mòn/lối đi trái phép, phá hoại...).</p> <p>Hướng dẫn: Các chỉ báo giám sát có thể đo lường được nên tập trung vào các mối đe dọa đối với HCV, cũng như các biện pháp để duy trì hoặc thúc đẩy chúng.</p>		
<p>9.4.2. Nhất quán với quy mô và cường độ hoạt động, việc theo dõi hàng năm hoặc định kỳ được thực hiện tập trung vào tính hiệu quả mà các biện pháp quản lý bảo vệ HCV đang duy trì và/hoặc thúc đẩy các đặc tính bảo tồn phù hợp theo các chỉ báo được phát triển tại 9.4.1.</p>	<p>Hướng dẫn SLIMF: Việc theo dõi có thể phi chính thức hơn, nhưng cần đủ để xác định các mối đe dọa lên HCV. Khi phát hiện mối đe dọa, các hoạt động theo dõi có thể gia tăng tần suất đến khi mối đe dọa có thể được giảm thiểu.</p>		
<p>9.4.3. Kết quả theo dõi HCV được sử dụng một cách phù hợp khi chỉnh sửa chính sách quản lý và bảo vệ HCV cũng như khi củng cố FMP.</p>			

<p>9.4.4. Đánh giá HCV phải được đánh giá lại sau mỗi 10-15 năm để đảm bảo phát hiện các giá trị HCV mới và duy trì và/hoặc thúc đẩy được các HCV đã xác định trước đó trong dài hạn.</p>			
---	--	--	--

## NGUYÊN TẮC #10: TRỒNG RỪNG

Việc trồng rừng phải được lên kế hoạch và quản lý theo Các Nguyên Tắc Và Tiêu Chí 1 - 9 và Nguyên Tắc 10 cùng các Tiêu Chí trong đó. Trong khi trồng rừng có thể mang lại nhiều hiệu quả kinh tế xã hội và có thể góp phần làm thỏa mãn nhu cầu của thế giới đối với các sản phẩm rừng, chúng cần hỗ trợ công tác quản lý, giảm thiểu áp lực và thúc đẩy khôi phục và bảo tồn rừng tự nhiên.

**C10.1. Các mục tiêu quản lý của việc trồng rừng, bao gồm cả mục tiêu bảo tồn và khôi phục rừng tự nhiên, phải được nêu rõ trong kế hoạch quản lý và được chứng minh rõ ràng trong việc triển khai kế hoạch.**

Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
<p>10.1.1. FMP và kế hoạch sử dụng đất để trồng rừng phải được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền (Dự thảo 9C), và bao gồm các mục tiêu về lâm sinh và kinh tế xã hội cũng như để bảo tồn và khôi phục rừng tự nhiên.</p>			
<p>10.1.2. FME phải cung cấp bằng chứng về việc triển khai các mục tiêu nêu tại 10.1.1 và các chính sách liên quan của mình trong hoạt động quản lý rừng và/hoặc hành động quản trị.</p>			

<b>C10.2. Thiết kế và bố trí trồng rừng cần thúc đẩy bảo vệ, khôi phục và bảo tồn rừng tự nhiên thay vì gia tăng áp lực lên rừng tự nhiên. Các hành lang động vật hoang dã, khu suối và tổng thể các rừng trong các giai đoạn khác nhau và chu kỳ quay vòng được sử dụng vào cách bố trí rừng trồng phù hợp với quy mô hoạt động. Quy mô và bố trí các khu trồng rừng phải nhất quán với mẫu rừng được tìm thấy bên trong khuôn viên tự nhiên.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
10.2.1. Quy mô và bố trí các khu trồng rừng hiện có và mới phải nhất quán với mẫu rừng được tìm thấy bên trong khuôn viên tự nhiên.			
10.2.2. FME phải thiết kế trồng rừng bao gồm nhiều cấp tuổi khác nhau và chu kỳ quay vòng.			
10.2.3. FME xác định vào bảo tồn tất cả diện tích thảm thực vật tự nhiên bên trong FMU.			
10.2.4. FME bảo vệ, duy trì và thúc đẩy thảm thực vật tự nhiên và hành lang động vật hoang dã theo Tiêu chí 6.3.			
10.2.5. Vùng đệm của thảm thực vật tự nhiên được duy trì hoặc thiết lập dọc theo nguồn nước theo tiêu chí 6.5.			
<b>C10.3. Sự đa dạng trong thành phần rừng trồng được mong đợi để tăng cường sự ổn định kinh tế, sinh thái và xã hội. Sự đa dạng này có thể bao gồm quy mô và phân bố không gian của các đơn vị quản lý bên trong cảnh quan, số lượng và thành phần gen các chủng loài, lớp tuổi và cấu trúc rừng.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)

<p>10.3.1. FME sử dụng nhiều loài, xuất xứ và/hoặc nhân bản để đạt được độ ổn định kinh tế, sinh thái và xã hội tối ưu.</p>			
<p>10.3.2. FME phải mang lại sự đa dạng cho rừng đã trồng và rừng mới theo các chỉ báo 10.2.2 và 10.3.1, và thông qua các hoạt động như: cắt khối với kích thước và hình dạng khác nhau, và duy trì cây giống tự nhiên (thành lập một cách tự nhiên) và các thành phần cấu trúc khác trong khu vực trồng rừng.</p>	<p>Ghi chú: các thành phần cấu trúc khác có thể bao gồm thảm thực vật tự nhiên không cạnh tranh, gốc cây gãy và gỗ chết.  Hướng dẫn: Trong trường hợp khu vực trồng rừng lớn tiếp giáp, thậm chí có niên tuổi lớn được thành lập trong một đơn vị cảnh quan (ví dụ: nguồn nước), FME cần thực hiện các biện pháp đa dạng hóa khu vực rộng lớn đó theo chỉ báo 10.2.2. và/hoặc 10.3.1. Việc đưa ra các biện pháp đa dạng cần giúp làm giảm và giảm thiểu tác động môi trường tiêu cực tích lũy lên việc quản lý rừng trồng.</p> <p>Việc xác định khu vực rừng trồng lớn tiếp giáp, có niên tuổi lớn có thể kéo dài từ 25 ha đến hơn 100 ha.</p> <p>Kích thước cũng có thể phụ thuộc vào quy mô nguồn tài nguyên rừng cần được quản lý. Ví dụ, rừng trồng được tạo để phục vụ sản xuất NTFP (lâm sản ngoài gỗ), khu vực tiếp giáp có niên tuổi lớn có thể được xem xét nhỏ hơn.</p>		

10.3.3 Việc trồng rừng hỗn loài được thiết lập trên ít nhất 10 phần trăm diện tích sản xuất phù hợp của FMU.	Chuyển thể từ Dự thảo 9C.  Ghi chú về khả năng áp dụng: Không áp dụng cho SLIME.		
<b>C10.4. Việc chọn loài để trồng phải dựa trên tính phù hợp chung của chúng đối với khu vực và sự thích hợp với các mục tiêu quản lý. Để thúc đẩy bảo tồn đa dạng sinh học, các chủng loài bản địa được mong đợi hơn các loài lạ khi thiết lập rừng trồng và khôi phục các hệ sinh thái xuống cấp. Các loài lạ, có thể chỉ được sử dụng khi khả năng của chúng tốt hơn những loài bản địa, phải được theo dõi cẩn thận để phát hiện tình trạng chết bất thường, bệnh, bùng phát côn trùng và tác động trái ngược về mặt sinh thái.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
10.4.1. Các chủng loài để trồng rừng được lựa chọn dựa trên sự phù hợp với điều kiện khu vực (loại đất, địa hình và khí hậu) và mục tiêu quản lý.			
10.4.2. Trong trường hợp chọn các chủng loài lạ, FME phải chứng minh rõ ràng rằng lựa chọn này cho thấy rằng khả năng của chúng lớn hơn các loài bản địa.			
10.4.3. Không có loài nào được trồng trên quy mô lớn đến khi các thử nghiệm địa phương và/hoặc kinh nghiệm đã chỉ ra rằng chúng thích nghi tốt với khu vực về mặt sinh thái và và những đặc tính xâm lấn có thể được kiểm soát nếu có.			

10.4.4. Khi sử dụng các loài lạ được sử dụng, các biện pháp cụ thể để ngăn ngừa tái sinh tự nhiên bên ngoài khu vực trồng rừng, chết bất thường, bệnh, bùng phát côn trùng hoặc ghi nhận các tác động trái ngược khác về mặt môi trường.			
10.4.5. FME phải duy trì hồ sơ chứng minh về nguồn giống, xuất xứ hoặc tài liệu tham thực vật khác sử dụng trong trồng rừng.			
<b>C10.5. Một phần của khu vực quản lý rừng tổng thể phải được quản lý để khôi phục thành rừng tự nhiên tùy theo quy mô trồng rừng.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
10.5.1. Mẫu đại diện của các hệ sinh thái tự nhiên hiện có (RSE) cần được bảo vệ hoặc khôi phục lại trạng thái tự nhiên của chúng, dựa trên việc xác định các khu vực trọng điểm sinh học, tham vấn với các bên liên quan, chính quyền địa phương và các cơ quan khoa học.	Hướng dẫn: Đối với hầu hết khu vực trồng rừng, khu vực rừng tự nhiên hoặc bán tự nhiên chưa được quản lý và thảm thực vật tự nhiên có thể đáp ứng yêu cầu này.		

<p>10.5.2. FME có hơn 1.000 ha đất trồng rừng dự trữ ít nhất là 3% toàn khu vực đất có đủ điều kiện đất để quản lý cho việc khôi phục thảm thực vật rừng tự nhiên và điều này cũng phải được ghi nhận, lập bản đồ và xác định ranh giới tốt tại hiện trường (Dự thảo 9C).</p>			
<p>10.5.3 FME thực hiện đánh giá hiện trạng khôi phục thảm thực vật rừng tự nhiên sau mỗi 5 năm trên các khu vực được đề cập tại 10.5.2 và lưu trữ các báo cáo đánh giá (Dự thảo 9C).</p>			
<p><i>Về việc FMU đáp ứng các yêu cầu SLIMF, chỉ làm theo các chỉ báo mà tiêu chí này áp dụng; các chỉ báo không được sử dụng để đánh giá hoạt động không thuộc SLIMF:</i></p>			
<p>10.5.4. Thiết kế trồng rừng và phương thức quản lý cần phải bảo vệ các giá trị sinh thái, đặc biệt là xung quanh các đặc tính bảo tồn hoặc khu vực được bảo vệ.</p>			
<p><b>C10.6. Phải áp dụng các biện pháp để duy trì hoặc cải thiện cấu trúc của đất, khả năng sinh sản và hoạt động sinh học. Kỹ thuật và tỉ lệ thu hoạch, xây dựng, bảo trì đường và lối đi, và lựa chọn loài không được dẫn đến việc thoái hóa đất trong dài hạn hoặc gây tác động trái ngược lên chất lượng, số lượng nguồn nước hoặc làm thay đổi đáng kể các kiểu mẫu dòng chảy nước.</b></p>			
<p>Chỉ báo</p>	<p>Kiểm định, ví dụ và ghi chú</p>	<p>Ghi chú của nhóm đánh giá</p>	<p>Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)</p>

10.6.1. Phải áp dụng các biện pháp minh bạch để duy trì hoặc cải thiện cấu trúc của đất, khả năng sinh sản và hoạt động sinh học.			
10.6.2. FME phải triển khai các BMP được nêu tại tiêu chí 6.5 để giảm thiểu các tác động lên nguồn tài nguyên đất và nước.			
10.6.3. Khi xảy ra tình trạng thoái hóa và/hoặc tác động tiêu cực khác đối với tài nguyên đất và nước trên FMU, FME phải thực hiện các biện pháp làm giảm thiểu các tác động đó.			
<b>C10.7. Cần thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa và giảm thiểu bùng phát của sâu bệnh, dịch hại, hỏa hoạn và xuất hiện các loài thực vật xâm lấn. Việc kết hợp quản lý dịch hại sẽ là một phần thiết yếu của kế hoạch quản lý, chủ yếu dựa vào các phương pháp phòng ngừa và kiểm soát sinh học hơn là thuốc trừ sâu và phân bón. Việc quản lý rừng trồng phải thực hiện mọi nỗ lực để tránh dùng thuốc trừ sâu và phân bón hóa học, bao gồm cả việc sử dụng chúng trong các vườn ươm. Việc sử dụng hóa chất cũng được nêu tại Tiêu chí 6.6 và 6.7.</b>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
10.7.1. Khi kết hợp kế hoạch quản lý dịch hại cần xác định sâu bệnh, các tổn thương có thể chấp nhận được hoặc ngưỡng hành động, việc sử dụng hóa chất, nếu có, và các phương pháp thay thế để giải quyết sâu bệnh.			

10.7.2. Cần thực hiện các biện pháp tại rừng để ngăn ngừa bùng phát sâu bệnh, dịch hại và xuất hiện các loài thực vật xâm lấn.			
10.7.3. FME phải thực hiện chiến lược để giảm thiểu sử dụng các loại thuốc trừ sâu và phân bón hóa học mọi lúc mọi nơi.	Chú ý: Điều này áp dụng cho khu vực trồng rừng và các vườn ươm nằm bên trong FMU hoặc những nơi thuộc kiểm soát của FME.		
10.7.4. FME phải triển khai chương trình để ngăn ngừa và kiểm soát hỏa hoạn tại khu vực trồng rừng bên trong FMU.			
<p><b>C10.8</b> Tùy theo quy mô và mức độ đa dạng của hoạt động, việc giám sát rừng trồng sẽ bao gồm đánh giá thường xuyên tiềm năng tại chỗ và tác động sinh thái và xã hội bên ngoài khu vực (ví dụ như tái sinh tự nhiên, ảnh hưởng đến nguồn nước và độ phì của đất và các tác động đến mặt phúc lợi xã hội ở địa phương) bên cạnh những yếu tố được đề cập trong Nguyên tắc 8, 6 và 4. Không có loài nào được trồng trên quy mô lớn đến khi các thử nghiệm địa phương và/hoặc kinh nghiệm đã chỉ ra rằng chúng thích nghi tốt với khu vực về mặt sinh thái, không xâm lấn, và không gây tác động tiêu cực đáng kể về mặt sinh thái đối với hệ sinh thái khác. Cần đặc biệt chú ý đến các vấn đề xã hội về việc thu hồi đất trồng rừng, đặc biệt là bảo vệ quyền sở hữu địa phương, việc sử dụng hoặc tiếp cận.</p>			
Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
10.8.1. Việc giám sát các tác động của rừng trồng, tại địa điểm và bên ngoài khu vực, cần được thực hiện theo cách tương tự như giám sát các khu rừng tự nhiên theo Nguyên tắc 4, 6, và 8.			
<p><b>C10.9</b> Các rừng được trồng trên khu vực chuyển đổi từ rừng tự nhiên từ sau tháng 11 năm 1994 thường sẽ không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận. Có thể cấp chứng nhận trong trường hợp nộp đủ bằng chứng cho cơ quan chứng nhận rằng người quản lý/chủ sở hữu không chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp về việc chuyển đổi như vậy.</p>			

Chỉ báo	Kiểm định, ví dụ và ghi chú	Ghi chú của nhóm đánh giá	Sự phù hợp (C, NC hoặc NA)
10.9.1. Các rừng trồng không được chiếm đất chuyển đổi từ rừng tự nhiên từ sau tháng 11 năm 1994, trừ khi có bằng chứng rõ ràng rằng người quản lý/chủ sở hữu hiện tại không chịu trách nhiệm về việc đó.			
10.9.2. Trong trường hợp chuyển đổi từ sau tháng 11 năm 1994, phải thực hiện các hành động để đền bù cho chuyển đổi trên một cách thuyết phục với sự hỗ trợ của bằng chứng thực địa và các cuộc phỏng vấn và/hoặc bằng chứng thu được từ các bên liên quan.			

## PHỤ LỤC 1. Ma Trận Giá Trị Bảo Tồn Cao

Bảng dưới đây có thể được sử dụng để biên soạn thông tin về Rừng và/hoặc các đặc tính Có Giá Trị Bảo Tồn Cao. FME có thể sử dụng ma trận làm công cụ tự đánh giá và có thể thêm vào các câu hỏi hướng dẫn... Thông tin được nêu trong ma trận không toàn diện và không chịu trách nhiệm đối với Đánh Giá HCV Quốc Gia tại Việt Nam. Việc sử dụng ma trận không đảm bảo tuân thủ theo Nguyên tắc 9 trong việc đánh giá được đưa ra.

Câu hỏi hướng dẫn	Nguồn thông tin	Phản hồi/nhận xét của FME từ chuyên gia và bên liên quan	Chiến lược của FME để duy trì và/hoặc tăng cường các HCV đã phát hiện
<b>HCV1. Các khu vực rừng có độ tập trung đáng kể về giá trị đa dạng sinh học trên toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia (ví dụ: loài đặc hữu, loài nguy cấp, nơi sinh sống).</b> <ul style="list-style-type: none"><li>HCV1 bao gồm các loài thuộc nhóm RTE và các loài đặc hữu</li></ul>			

<p>1,1. FMU có nằm trong, ở lân cận hoặc chứa khu vực bảo tồn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Được chỉ định bởi một cơ quan quốc tế,</li> <li>b) Được chỉ định hoặc đề xuất hợp pháp bởi cơ quan lập pháp liên bang /vùng/lãnh thổ có liên quan, hoặc</li> <li>c) Được xác định trong kế hoạch sử dụng đất trong khu vực hoặc kế hoạch bảo tồn?</li> </ul>	<p><i>Toàn cầu: CITES, UICN</i>  <i>Quốc gia:</i>  <i>Khu vực/địa phương:</i>  <i>FME: Kiểm kê rừng, khảo sát, mặt cắt sinh học</i></p>	<p>Có đặc tính nào của HCV1 tại FMU không?  Là những đặc tính nào?</p> <p>Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:</p>	<p>Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:</p>
<p>1.2. FMU có chứa các khu vực có độ tập trung đáng kể các loài thuộc nhóm RTE, các loài đặc hữu (bị giới hạn về địa lý) và/hoặc các cộng đồng tự nhiên có ý nghĩa ở cấp độ khu vực không?</p>	<p><i>Toàn cầu:</i>  <i>Quốc gia:</i>  <i>Khu vực/địa phương:</i>  <i>FME:</i></p>	<p>Có đặc tính nào của HCV1 tại FMU không?  Là những đặc tính nào?</p> <p>Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:</p>	<p>Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:</p>
<p><b>HCV2. Các khu vực rừng có ý nghĩa lớn về rừng cấp cảnh quan trên toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia, nơi hầu hết các quần thể nếu không phải là các loài tồn tại tự nhiên hiện diện trong mô hình phân bố và phong phú tự nhiên.</b></p>			

2,1. FMU có cấu thành hay là cảnh quan rừng có ý nghĩa quan trọng trên toàn cầu, quốc gia hoặc khu vực, bao gồm hầu hết các quần thể tồn tại hoặc tất cả các loài bản địa trong mô hình phân bố và phong phú tự nhiên không?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV2 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:
2.2. Sự đa dạng sinh học trong khu vực sẽ bị ảnh hưởng như thế nào nếu các đặc điểm tự nhiên của FMU bị thay đổi đáng kể?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV2 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:
<b>HCV3. Các khu vực rừng có các hệ sinh thái quý hiếm, bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.</b>			
3.1. FMU có các khu vực rừng nguyên sinh không?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV3 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:
3.2. FMU có các hệ sinh thái quý hiếm, bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng không?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV3 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:
<b>HCV4. Các khu vực rừng có các hệ sinh thái cơ bản trong tình huống quan trọng (vd: bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn).</b>			
4.1. Có phần nào của FMU được quản lý để bảo vệ hay cung cấp nguồn nước sử dụng cho con người không?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV4 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:

4.2. Có phần nào của FMU chứa khu vực nước lũ, vùng đất ngập nước, đầm lầy có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm soát dòng nước hoặc chất lượng nước không?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV4 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:
4.3. Có phần nào của FMU có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm soát xói mòn, lở đất, lở tuyết làm đe dọa các cộng đồng địa phương không?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV4 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:
<p><b>HCV5. Các khu vực rừng đáp ứng cơ bản nhu cầu của cộng đồng địa phương (vd: sinh hoạt, y tế).</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>HCV5 bao gồm các khu vực rừng mà người dân địa phương sử dụng để lấy các nguồn tài nguyên quan trọng trong việc tồn tại như thực phẩm và thảo dược khi không có lựa chọn khả thi nào khác. Rừng sử dụng cho các hoạt động như săn bắn tiêu khiển và thương mại hoặc khai thác gỗ trái phép không phải là nhu cầu cơ bản của con người.</li> </ul>			
5.1. Có phần nào của FMU là thiết yếu để thỏa mãn nhu cầu của cộng đồng địa phương không?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV5 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:
<p><b>HCV6. Các khu vực rừng quan trọng đối với bản sắc văn hóa truyền thống của các cộng đồng địa phương (khu vực có tầm quan trọng về mặt văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được xác định kết hợp với cộng đồng địa phương đó).</b></p>			
6.1. Có các khu vực nào có ý nghĩa quan trọng về mặt văn hóa, kinh tế hoặc tôn giáo đối với người bản địa, các bộ tộc hoặc cộng đồng truyền thống không?	<i>Toàn cầu:</i> <i>Quốc gia:</i> <i>Khu vực/địa phương:</i> <i>FME:</i>	Có đặc tính nào của HCV6 tại FMU không? Là những đặc tính nào?  Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:	Nhận xét từ chuyên gia và bên liên quan:

## PHỤ LỤC 2. Các quy định áp dụng đối với quản lý rừng tại Việt Nam

- Luật Đất Đai 2003.
- Luật Bảo Vệ và Phát Triển Rừng 2004.
- Luật Bảo Vệ Môi Trường 2006.
- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 do Chính phủ ban hành về thi hành Luật Đất Đai 2003.
- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 do Chính phủ ban hành về thi hành Luật Bảo Vệ và Phát Triển Rừng 2004.
- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 do Chính phủ ban hành về việc ban hành Quy Chế Quản Lý Rừng.
- Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về Việc Ban Hành Quy Chế về Thu Hoạch Rừng.
- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 do Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.
- Quyết định Số 200/QĐ-KT ngày 31 tháng 3 năm 1993 về Quy phạm các Giải Pháp Kỹ Thuật Lâm Sinh Áp Dụng Cho Rừng Sản Suất Gỗ và Tre Nứa (QPN 14 - 92) do Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp ban hành.
- Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về Việc Ban Hành Quy Chế về Khai Thác Gỗ và Lâm Sản Khác.
- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về Việc Ban Hành Quy Chế Quản Lý Rừng.
- Luật Thuế Sử Dụng Đất Nông Nghiệp 1993.
- Bộ Luật Lao Động 1994 (sửa đổi 2002).
- Luật Bảo Hiểm Xã Hội ngày 29 tháng 6 năm 2006.
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 do Chính phủ ban hành về thi hành Luật Bảo Vệ Môi Trường 2006.
- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường
- Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về Quản Lý Thực Vật Rừng, Động Vật Rừng Nguy Cấp, Quý, Hiếm.
- Nghị định số 9/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2006 của Chính phủ về Phòng Ngừa và Chữa Cháy Rừng.
- Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về Quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm.
- Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN ngày 05 tháng 7 năm 2006 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc công bố Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công Ước Về Buôn Bán Quốc Tế Các Loài Động Thực vật Hoang Dã Nguy Cấp.
- Quyết định số 74/2008/QĐ-BNN ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát

triển Nông thôn ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong Phụ lục của Công Ước CITES

- Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về Việc Ban Hành Quy Chế về Khai Thác Gỗ và Lâm Sản Khác.
- Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 06/CP của Chính phủ ngày 20 tháng 1 năm 1995 quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao Động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Điều 1, Nghị định số 110/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2002 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP.
- Nghị định số 152/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2006 về hướng dẫn một số điều của Luật Bảo Hiểm Xã Hội .

### **PHỤ LỤC 3. Danh sách các Hiệp Định Môi Trường Đa Phương và Công Ước của Tổ Chức Lao Động Quốc Tế (ILO)**

CITES (1994) Công Ước về Đa Dạng Sinh Học (1994)  
 Công Ước Ramsar về Đất Ngập Nước (1989)  
 Nghị Định Thư Kyoto (1998)  
 UNFCC (1994)

#### Các Công Ước Liên Quan của ILO

<b>Công Ước</b>	<b>Ngày</b>	<b>Tình Trạng</b>
<a href="#"><u>C005 - Công ước số 5 về tuổi tối thiểu lao động trong công nghiệp, 1919</u></a>	03 tháng 10 năm 1994	Không có hiệu lực
<a href="#"><u>C006 - Công ước số 6 về làm việc ban đêm của trẻ em trong công nghiệp, 1919</u></a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#"><u>C014 - Công ước số 14 về áp dụng nghỉ hàng tuần trong các cơ sở công nghiệp, 1921</u></a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#"><u>C027 - Công ước số 27 về ghi trọng lượng trên các kiện hàng lớn chở bằng tàu, 1929</u></a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#"><u>C029 - Công ước số 29 về lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, 1930</u></a>	05 tháng 3 năm 2007	Có hiệu lực
<a href="#"><u>C045 - Công ước số 45 về sử dụng phụ nữ vào những công việc dưới mặt đất trong hầm mỏ, 1935</u></a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#"><u>C080 - Công ước số 80 về sửa đổi các điều khoản cuối cùng, 1946</u></a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#"><u>C081 - Công ước số 81 về thanh tra lao động, 1947</u></a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực

<b>Công Ước</b>	<b>Ngày</b>	<b>Tình Trạng</b>
<a href="#">C100 - Công ước số 100 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và nữ, 1951</a>	07 tháng 10 năm 1997	Có hiệu lực
<a href="#">C111 - Công ước số 111 về phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp, 1958</a>	07 tháng 10 năm 1997	Có hiệu lực
<a href="#">C116 - Công ước số 116 về sửa đổi các điều khoản cuối cùng, 1961</a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#">C120 - Công ước số 120 về vệ sinh trong thương mại và văn phòng, 1964</a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#">C122 - Công ước số 122 về chính sách việc làm, 1964</a>	11 tháng 6 năm 2012	Có hiệu lực
<a href="#">C123 - Công ước số 123 về tuổi tối thiểu được làm việc dưới mặt đất trong hầm mỏ, 1965</a> Tuổi tối thiểu là: 18 tuổi	20 tháng 2 năm 1995	Có hiệu lực
<a href="#">C124 - Công ước số 124 về việc kiểm tra y tế cho thiếu niên làm việc dưới mặt đất trong hầm mỏ, 1965</a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#">C138 - Công ước số 138 về tuổi tối thiểu được đi làm việc, 1973</a> Tuổi tối thiểu là: 15 tuổi	24 tháng 6 năm 2003	Có hiệu lực
<a href="#">C144 - Công ước số 144 về sự tham khảo ý kiến ba bên nhằm xúc tiến việc thi hành các quy phạm quốc tế về lao động, 1976</a>	09 tháng 6 năm 2008	Có hiệu lực
<a href="#">C155 - Công ước số 155 về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường làm việc, 1981</a>	03 tháng 10 năm 1994	Có hiệu lực
<a href="#">C182 - Công ước số 182 về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999</a>	19 tháng 12 năm 2000	Có hiệu lực

#### **PHỤ LỤC 4. Danh Mục Các Loài Nguy Cấp**

Xem danh sách đỏ trên website IUCN <http://www.iucnredlist.org> về danh sách các loài thuộc nhóm RTE tại Việt Nam.

Xem Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) <http://www.cites.org> về các loài có thể được bảo vệ theo CITES ở Belize. Tính đến 31 tháng 7 năm 2013, có ít nhất 6 chi cây có nguồn gốc Việt Nam được liệt kê vào Phụ Lục I, II và III (Aquilaria, Dalbergia, Diospyros, Gnetum, Rauwolfia, and Taxus).

## PHỤ LỤC 5. Thuật ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong P&C (Nguyên Tắc và Tiêu Chí) giống định nghĩa trong hầu hết các từ điển tiếng Anh tiêu chuẩn. Ý nghĩa chính xác và chuyển ngữ địa phương của các cụm từ nhất định (chẳng hạn như cộng đồng địa phương) cần được quyết định trong bối cảnh địa phương bởi nhà quản lý rừng và đơn vị cấp chứng nhận. Trong tài liệu này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

**Đa dạng sinh học:** Sự thay đổi giữa các loại sinh vật sống từ tất cả các nguồn bao gồm, ngoài những điều khác, các hệ sinh thái trên đất liền, biển và thủy sinh khác và các phức hệ sinh thái mà chúng là một phần trong đó; điều này bao gồm sự đa dạng trong một loài, giữa các loài và các hệ sinh thái.

**Giá trị đa dạng sinh học:** Các giá trị nội tại, sinh thái, di truyền, xã hội, kinh tế, khoa học, văn hóa, giải trí và thẩm mỹ của sự đa dạng sinh học và các thành phần của nó.

**Tác nhân kiểm soát sinh học:** Các sinh vật sống được sử dụng để loại bỏ hoặc điều chỉnh quần thể của các sinh vật sống khác.

**Chuỗi hành trình sản phẩm:** Là kênh mà qua đó sản phẩm được phân phối từ nguồn gốc trong rừng đến đầu cuối sử dụng sản phẩm.

**Hóa chất:** Các loại phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, và hoóc môn được sử dụng trong quản lý rừng.

**Quyền truyền thống:** Các quyền là kết quả của một loạt các hành động theo thói quen hay phong tục, liên tục lặp đi lặp lại, bằng cách lặp lại và mặc nhận không bị gián đoạn, có được bảo vệ bởi pháp luật bên trong một đơn vị địa lý hoặc xã hội.

**Hệ sinh thái:** Là tập hợp tất cả các loài động thực vật và môi trường tự nhiên của chúng, cùng với nhau có chức năng như một đơn vị phụ thuộc lẫn nhau.

**Các loài có nguy cấp:** Các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng trong tất cả hoặc một phần đáng kể phạm vi của chúng.

**Các loài lạ:** Là loài được mang tới không có nguồn gốc bản địa hoặc loài đặc hữu của khu vực đang nhắc đến.

**Tính toàn vẹn rừng:** Thành phần, tính động, chức năng và các đặc tính cấu trúc của một khu rừng tự nhiên.

**Doanh Nghiệp Quản Lý Rừng (FME):** Những người hoặc tổ chức chịu trách nhiệm về quản lý hoạt động của tài nguyên rừng và doanh nghiệp, cũng như các hệ thống và cơ cấu quản lý, và các hoạt động lập kế hoạch và thực địa. Đồng nghĩa với Tổ Chức Quản Lý Rừng (FMO).

**Đơn Vị Quản Lý Rừng (FMU):** Diện tích rừng thuộc phạm vi của một chứng chỉ quản lý rừng FSC.

**Sinh vật biến đổi gen:** Các sinh vật sinh học mang thay đổi cấu trúc di truyền gây ra bởi các hình thức khác nhau.

**Vùng đất và lãnh thổ bản địa:** Toàn bộ môi trường đất, không khí, nước, biển, biển băng, hệ động thực vật và các nguồn tài nguyên khác mà các dân tộc bản địa đã sở hữu hoặc chiếm hoặc sử dụng từ lâu đời.

**Dân tộc bản địa:** "Các con cháu hiện tại của các dân tộc sinh sống toàn bộ hoặc một phần trên lãnh thổ hiện tại của một đất nước vào thời điểm khi người của một nền văn hóa hoặc dân tộc khác đến đó từ các nơi khác trên thế giới, vượt qua họ và, bằng cách chinh phục, định cư, hoặc hình thức khác để làm giảm họ xuống khỏi tình trạng không chi phối hoặc thuộc địa; những người ngày nay sống hòa hợp hơn với tập quán và truyền thống xã hội, kinh tế và văn hóa đặc thù của họ hơn là với các thể chế của đất nước mà bây giờ họ là một phần, theo cơ cấu Nhà Nước hình thành chính các đặc điểm xã hội và văn hoá dân tộc của các bộ phận dân số khác mà đang chiếm ưu thế." (Định nghĩa được thông qua các Nhóm Làm Việc của Liên Hiệp Quốc về Các Dân Tộc Bản Địa).

**Rừng Có Giá Trị Bảo Tồn Cao:** Các Rừng Có Giá Trị Bảo Tồn Cao là rừng mang một hoặc nhiều đặc tính sau đây:

- a) các khu vực rừng có ý nghĩa lớn về rừng cấp cảnh quan trên toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia: tập trung nhiều giá trị đa dạng sinh học (vd: loài đặc hữu, nguy cấp, nơi sinh sống); chứa đựng bên trong, hoặc có đơn vị quản lý, nơi hầu hết các quần thể nếu không phải là các loài tồn tại tự nhiên hiện diện trong mô hình phân bố và phong phú tự nhiên;
- b) các khu vực rừng trong tình trạng hoặc có các hệ sinh thái quý hiếm, bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng;
- c) các khu vực rừng có các dịch vụ tự nhiên cơ bản trong tình huống quan trọng (vd: bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn);
- d) các khu vực rừng đáp ứng cơ bản nhu cầu của cộng đồng địa phương (vd: sinh hoạt, y tế) và/hoặc quan trọng đối với bản sắc văn hóa truyền thống của các cộng đồng địa phương (khu vực có tầm quan trọng về mặt văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được xác định kết hợp với cộng đồng địa phương đó).

**Cảnh quan:** Là khu vực địa lý bao gồm các hệ sinh thái tương tác là kết quả từ tác động của địa chất, địa hình, đất đai, khí hậu, sinh học, tiếp xúc với con người trong một khu vực nhất định.

**Luật địa phương:** Bao gồm tất cả các quy phạm pháp luật được đưa ra bởi cơ quan chính

phủ có thẩm quyền thấp hơn cấp quốc gia, chẳng hạn như quy phạm của sở, thành phố và tập quán.

**Dài hạn:** Quy mô thời gian của người sở hữu hoặc quản lý rừng biểu hiện bằng các mục tiêu của kế hoạch quản lý, tỷ lệ thu hoạch, và cam kết duy trì độ che phủ rừng vĩnh viễn. Chiều dài thời gian tham gia sẽ thay đổi tùy theo bối cảnh và điều kiện sinh thái, và là một chức năng về thời gian cần để một hệ sinh thái khôi phục cấu trúc và thành phần tự nhiên của nó và sau thu hoạch hoặc phá hoại, hoặc để tạo ra điều kiện trưởng thành hoặc nguyên sinh.

**Loài bản địa:** Loài sinh sống tự nhiên trong khu vực; loài đặc hữu của khu vực.

**Chu kỳ tự nhiên:** Chu kỳ dinh dưỡng và khoáng chất là kết quả của sự tương tác giữa đất, nước, thực vật và động vật trong môi trường rừng có ảnh hưởng đến năng suất sinh thái của một khu vực nhất định.

**Rừng tự nhiên:** Khu vực rừng nơi có nhiều đặc tính chủ yếu và các yếu tố quan trọng đối với hệ sinh thái bản địa như hiện diện độ phức tạp, cấu trúc và đa dạng, như định nghĩa về tiêu chuẩn quốc gia và khu vực được thông qua của FSC về quản lý rừng.

**Lâm sản khác ngoài gỗ:** Tất cả các sản phẩm rừng ngoại trừ gỗ, bao gồm cả vật liệu khác thu được từ cây như nhựa và lá, cũng như bất kỳ các sản phẩm khác của cây và động vật.

**Loại rừng khác:** Các khu rừng không phù hợp với tiêu chí rừng trồng hoặc rừng tự nhiên và được xác định cụ thể hơn theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực thông qua bởi FSC về quản lý rừng.

**Rừng trồng:** Các khu vực rừng thiếu hầu hết các đặc tính chủ yếu và các yếu tố quan trọng của hệ sinh thái bản địa theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực được thông qua bởi FSC về quản lý rừng, là kết quả từ các hoạt động của con người về trồng cây, gieo hạt hoặc biện pháp lâm sinh chuyên canh.

**Nguyên tắc:** Quy luật hoặc yếu tố thiết yếu; trong trường hợp của FSC là về quản lý rừng.

**Khôi phục rừng:** Hành vi thay đổi môi trường sống hoặc hệ sinh thái để đưa vào hoặc đưa trở lại các thành phần và các đặc điểm phù hợp với khu vực đó cả về mặt sinh thái và lịch sử.

**Chặng serai (tương lai):** một tập hợp thảm thực vật tạm thời, được tạo nên bởi các loài ưu thế, cho thấy giai đoạn kế tiếp của hệ sinh thái

**Short rotation coppice systems:** hệ thống thu hoạch mà thường tồn tại lâu dài, và trong đó chỉ còn tồn tại một vài đặc điểm của một hệ sinh thái bản địa.

**Lâm sinh:** Nghệ thuật sản xuất và chăm sóc một khu rừng bằng cách thành lập, tạo thành phần và thúc đẩy phát triển để thực hiện tốt nhất các mục tiêu của chủ sở hữu. Việc này có thể bao gồm sản xuất gỗ hoặc không.

**Diễn thế:** Các thay đổi liên tục trong thành phần loài và cấu trúc quần thể rừng gây ra bởi các

quá trình tự nhiên (không phải con người) theo thời gian.

**Tenure (quyền sở hữu):** Thỏa thuận được xác lập về mặt xã hội của cá nhân hoặc nhóm, được công nhận bởi luật pháp hoặc phong tục tập quán, về việc "tập hợp quyền và nghĩa vụ" trong quyền sở hữu, nắm giữ, tiếp cận và/hoặc sử dụng một đơn vị đất đai riêng hoặc các nguồn tài nguyên liên quan trong đó (chẳng hạn như cây đơn lẻ, các loài thực vật, nước, khoáng chất...).

**Loài bị đe dọa:** Các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng trong dự báo tương lai trong tất cả hoặc một phần đáng kể phạm vi của chúng.

**Quyền sử dụng:** Quyền sử dụng tài nguyên rừng có thể được xác định theo tập quán địa phương, thỏa thuận giữa các bên, hoặc theo quy định của các tổ chức khác nắm giữ quyền tiếp cận. Các quyền này có thể hạn chế việc sử dụng các nguồn tài nguyên đặc biệt đến một mức tiêu thụ cụ thể hoặc các kỹ thuật khai thác đặc biệt.